

Tác Giả và Tác Phẩm

Bùi Giáng

(Phần 2A)

Tiểu sử

Bút hiệu: Bùi Văn Chiêu Lý, Giáng Monroe, Brigitte Giáng

Tác phẩm

Mùa thu trong thi ca - Sa mạc trường ca - Ngày tháng ngao du.



Mục Lục

Cái hay cái dở ăn ở thơ Bùi Giáng – Đỗ Quyên – 2

Bùi Giáng & di cảo để lại Lê gia trang – Hữu Bảo – 11

L'homme révolté - 16

Bùi Giáng và những chuyện chưa kể - Thích Chơn Nguyên - 19

Ngày tháng ngao du - Trần Đình Thu - 22

Phụ đính I

Bùi Giáng, tiếng ca chung cục - Viên Linh – 27

Cuộc hoà giải vô tận: Trường hợp Bùi Giáng - Nguyễn Hưng Quốc – 30

Bùi Giáng : Con đường ngã ba – Nguyễn Vy Khanh – 42

Bùi Giáng, sơ thảo tiểu truyện – Đặng Tiến – 49

Hiện tượng Bùi Giáng - Thụy Khuê – 56

Phụ đính II

Bùi Giáng vẽ tranh – Phanxipăng - 67

Phụ đính III

Một bài thơ khác (lạ)

(tr 69)

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Cái hay cái dở ăn ở thơ Bùi Giáng Đỗ Quyên

"Đêm nay
Những lúa đôi gập gờ
Để ngày mai
Ra đời
Những đứa trẻ mồ côi"...
(Bertolt Brecht)

Trong bài Bài Thơ Ấy của Trung niên thi sĩ, có hai câu

*"Viết vào tờ giấy mong manh
Bao nhiêu tình tự long lanh không lời".*

Đọc thơ Bùi Giáng là thuốc thử về quan niệm thơ, về mỹ học thi ca. Đã và sẽ không ai sai nhiều lắm, cũng không ai đúng là bao, khi bình bàn về thơ họ Bùi. Nhắc về cái tuyệt đỉnh trong thơ Bùi Giáng, độ cao sâu tư tưởng ở trước tác Bùi Giáng nhiều bao nhiêu cũng thấy thiếu; mà chỉ ra những câu thơ dở, những bài thơ tệ, những đoạn văn chán trong chữ nghĩa Bùi Giáng bao nhiêu cũng bằng thừa.

Cái Hay cái Dở ăn ở ở thơ Bùi Giáng

Hay dở dở hay: Đây là đầu mối của các bình giá về thơ Bùi Giáng!

Đa số các nhà phê bình đều đánh giá thơ Bùi Giáng đến mức cạn nguồn tiếng Việt ở độ cao ngợ. Tôi theo "phe" này, nhưng ngợ ca bằng lời nôm: thơ Bùi Giáng, một là: hay... ơ là hay; hai là: không phải chỉ có hay! "Phe" chê thì không nhiều, điển hình là Trần Hữu Thục, Thụy Khuê, Phan Nhiên Hạo...

Giá có ai cầm bút dọa... giết, tôi cũng không đồng ý với Trần Hữu Thục rằng: "Nói cho rõ ràng ra, thơ của Bùi Giáng dở. Trừ một số câu thơ hay – chưa hẳn là rất hay –, còn lại hầu hết thơ ông đều dở", "Ta có thể nói, cái dở trở thành tính cách của thơ ông". Cũng như ít san sẻ được với Thụy Khuê: "Bùi Giáng để lại hàng ngàn bài, có những câu thơ tuyệt hay, nhưng chính sự lặp lại những khám phá ngôn ngữ buổi đầu khiến thơ ông trở thành khuôn sáo về mặt từ ngữ cũng như tư tưởng". Vâng, sự nhàm lặp là có. Nhưng với cái "thẳng" nhằm lấp chịu trách nhiệm ở nhiều câu dở, cũng khó có thể thể thối tội hẳn lên như vậy. Trong một dịp ngồi chuyện phiếm với Phạm Duy, tôi nhắc đến thơ họ Bùi với ý ca, họ Phạm gật gù về cho qua, rồi không dừng được ông hơi nhăn mặt: "Nhưng lắm câu nhàm! Lặp lại quá, cậu ạ!" Cái nhàm ở cấu tứ, nhịp điệu, ngôn từ trong thơ Bùi Giáng, nhiều người nhận ra như thế.

Nguyễn Hưng Quốc đã bình giá thơ Bùi Giáng mà tôi nghĩ có thể như một lý giải khả ái về vụ nhàm lặp: "Tôi cho đây là đặc điểm nổi bật nhất trong phong cách thơ Bùi Giáng: thơ Bùi Giáng chính là sự xoá nhòa của mọi đường biên quen thuộc vốn được mọi người chấp nhận như là một quy ước, một luật lệ trong văn học từ xưa đến nay". Tôi thật tiếc cho Thụy Khuê khi chị tiếc cho một cái tiếc xây nên tất cả "ngôi nhà Bùi Giáng", tác phẩm cùng con người: "Cho nên biết bao lần người đọc tiếc, giá Bùi Giáng đừng ham chơi, chịu khó dừng lại ở chỗ đáng dừng để những câu thơ sáng giá (...) khỏi bị lọt vào khu rừng hoang, ôm đồm những lời thơ vôi vạc, mọc lên như cỏ dại". Ô! Nếu như Bùi quân đừng thế này phải thế kia (đóng complet, leo lên mạng mà chat mà mail thì thơ của ông đã... giáng trần mất rồi!

Thường thức thơ, bắt nhất như với ẩm thực. Vì "mùi sầu riêng" ở thơ Bùi Giáng mà sinh tranh

cãi – đó là điều dễ hiểu. Như, trong bài Tặng Quán Phở Huyền Trân,

*"Hai cô bán phở dịu dàng
Đừng nên nói bậy hai nàng buồn ta
Trẫm từ lịch kiếp phôi pha
(. . .)
Tuỳ thời thể dựng mà tuy nhiên là"*

khi mà Nguyễn Hưng Quốc ngạc nhiên "Ai cũng thấy rõ hai câu đầu và sáu câu sau có giọng điệu khác hẳn nhau. Vậy mà, riêng tôi, thú thật, tôi không hiểu tại sao Bùi Giáng có thể chuyển từ hai câu đầu xuống sáu câu dưới một cách dễ dàng tự nhiên như vậy", thì cũng thú thật là tôi hiểu tại sao rồi.

Cái dở trong thơ của các nhà thơ hay

Sẽ rất thú vị về những phát hiện vết đen trên mặt trời thi ca mà các chiêm tinh gia, thiên văn gia với đầy đủ kính viễn vọng, vô tình hay cố ý, hoặc bị ràng buộc bởi cách thức phê bình đã không nhận ra ở các bài phê bình mô phạm. Cái dở trong thơ của các nhà thơ hay. Đó không phải dọn vườn thơ ở các thi sĩ đã mang thương hiệu. Càng không là hành vi "lật đít tượng" hay "đốt đèn"! Đó cũng không hẳn là "nói đến cái dở thì cũng chỉ cốt làm nổi cái hay" (Hoài Thanh). Tìm hiểu điều dở trong thơ ở các thi nhân, xét cho cùng, là – vượt qua các thi nhân cụ thể – để thấy cái thú vô tận trong cõi chung, bất định, bất toàn của nghệ thuật thi ca.

Với các bậc kỳ tài, có những cái dở tệ trong thơ có thể chấp nhận được. Nhưng, thơ rất khó tính: có những cái thơ không thể cho phép một nhà thơ đã đến thế mà lại có thể hạ một chữ thơ, một câu thơ, một bài thơ như thế. Điều đó nằm ở đâu: Đề tài? Nội dung? Chi tiết? Câu chữ? Cấu tứ? Hình tượng? Nhịp điệu? Âm vần? Xúc cảm? Tất cả đều có thể. Và ở từng tác giả, từng câu, bài cụ thể nó hiện ra mỗi cách, khi hiển hiện khi ẩn tàng. Trong thơ, chúng là cái dở vô cớ; nói nôm là lãng xẹt, vớ vẩn. Phân tích từng nhà thơ với văn phong, tính cách, cuộc đời, bối cảnh xã hội... ta có thể tiếp cận nguyên do của các cái dở vô cớ. Nói chung, với những nhà thơ tránh được lỗi này, ta gọi họ là những người biết tự biên tập thơ. Làm thơ là khó, là phiêu lưu; biên tập thơ là chuyện sống chết! Chiến công trong các chuyện sửa thơ thường được lưu truyền như giai thoại.

Bạn bè chúng tôi hay bày trò lập "Top" cho thơ Việt hiện đại. Đương nhiên kết quả rất khác nhau. Tùy sân chơi. Tôi ghi nhận được rằng Bùi Giáng thường có trong "Top-10"; thi thoảng lọt vào "Top-7"; rất hiếm khi trúng "Top-5". Trong các nhà thơ được xếp hạng đó, hình như Thanh Tâm Tuyền, Huy Cận là các nhà thơ ít có những cái dở vô cớ. Xuân Diệu, Nguyễn Bính rồi Bùi tiên sinh nhà ta là các đấng tài hoa kiêm các đấng "hơi bị nhiều" các cái dở vô cớ, các đoạn, bài vớ vẩn. Thật chí vớ va vớ vẩn! (Ở đây không xét những gì gọi là "phục vụ chính trị" đưa đến cái dở vô cớ của một số vị nói trên. Nhấn mạnh: quan hệ giữa chính trị và chất lượng thơ lại là một đề tài khác. Ta đang hàm ý việc nhiều nhà thơ vốn không hợp gu chính trị thì để có cái dở vô cớ ở thơ trong khi phải phục vụ chính trị tức thời.)

Còn điều nữa, tương tự: Cái dở trong các bài thơ hay. Tìm hiểu điều dở, điểm bất cập trong những thi phẩm đã được xếp hạng kinh điển xét cho cùng, là – vượt qua các thi phẩm cụ thể – để thấy cái thú vô tận trong cõi chung, bất định, bất toàn của thi ca.

Hàn Mặc Tử có thơ rằng "Người thơ phong vận như thơ ấy". Bùi Giáng có một đời thơ; và trên hết, còn có những bài thơ, có một trường thơ vĩnh cửu trong làng thi ca tiếng Việt.

Các tiểu phẩm, dịch phẩm, biên khảo, sách giáo khoa của thi sĩ dường như chỉ mang giá trị tinh thần, không nhiều người tìm được giá trị sử dụng. Đọc xong ít nhiều trang văn xuôi của ông, tôi chẳng biết dùng nó vào việc gì, nhưng định ninh chúng là thứ của chìm cho hành trang sáng tác, suy tư của mình.

Còn với Phan Nhiên Hạo: " (...) biết rõ, ngay từ lần đầu tiên đọc Bùi Giáng, tôi không thích văn chương ông. (...) và tôi không chịu được dịch thuật của ông. Thơ ông làm theo những thể điệu cũ, vừa trong sáng nhưng cũng vừa cầu kỳ, giọng điệu vừa đùa cợt lại vừa trịnh trọng, và phẳng phất một không khí cổ. Còn dịch thuật, phải nói ông phóng tác thì đúng hơn. Mà phóng tác như viết kiếm hiệp. (...) kiểu văn chương "phiêu bồng" của Bùi Giáng dường như ở quá xa mặt đất đối với tôi." Trang lưà đàn em Phan Nhiên Hạo bây giờ, chắc sẽ dành hàng giờ để sục xạo các mạng hơn là đọc những trang văn Bùi Giáng nửa đùa nửa thật, nửa thấp nửa cao. Nên tôi giạt mình trước chi tiết Nguyễn Hữu Hồng Minh đưa ra: "Bùi Giáng rất hay nổi điên khi có một người nào truy bức ông đến cùng. Cho dù đó là thi ca hay học thuật. Tôi cho rằng ông tránh các cuộc va chạm này lửa và tàn khốc ấy với hai lý do: Một, cuộc đời ông quá đủ đầy như một minh chứng; và hai, ông không muốn tái lập lại bất cứ một đặt đề, một định đề nào cho nghệ thuật".

Phải chăng chính tiên sinh nhận ra, hơn ai hết, chất lỏng lẻo, bất nhất, tang bồng trong các áng văn thơ đó và ngài ngại bị chắt vắn đến cùng? Hay vì ngài là cái nòi không muốn đặt đích cho công việc, nên không chịu trước tác "thẳng lối ngay hàng" để có các trang bài mà Phan Nhiên Hạo trông chờ? Nền văn nghệ, văn hóa miền Nam 1954-1975 với đặc thù của mình đã sinh ra được vài kỳ nhân. Xã hội Việt Nam trong hơn một thế kỷ qua, chưa ở đâu có được những Bùi Giáng, Trịnh Công Sơn, Phạm Công Thiện như vậy. Những "thiên thần" đó đều có... "ma quỷ" trong mình.

Nhìn Bùi Giáng "đi vào cõi thơ"

Đi Vào Cõi Thơ, có thể xem đây là tập phê bình (nửa bình luận nửa nhận định) văn chương đặc trưng phong cách Bùi Giáng. Không khó đọc, như nhiều trang văn xuôi khác của ông. Nhà xuất bản An Tiêm, Paris, 1998, tái bản (từ bản in lần đầu 1969, nhà Ca Dao, Sài Gòn, 1969); hai cuốn, mỗi cuốn trên dưới 160 trang, khổ thường, trình bày sang, trong sáng. Nhìn chung các bài đều ngắn, 2-3 trang, nhiều bài chỉ 5-6 câu, nửa trang. (Gọi là trang cho tiện, chứ các trang của hai cuốn sách này chứa rất ít chữ). Ở cuốn Hai (mang tên Thi Ca Tư Tưởng – Sở Đoạn Trường) kích cỡ các bài khá đều; cuốn Một thì thất thường: những bài chỉ 3-4 câu (về Dylan Thomas, Walt Whitman); vài bài thiệt dài: về Huy Cận (21 trang), Hoài Khanh (13 trang), Quang Dũng (8 trang), Tuệ Sỹ (8 trang). Nếu Anton Tchekhov làm phê bình gia, chắc ông sẽ không cần phải mơ đến "những bài gọn bằng một bàn tay" nữa. Chúng có trong Đi Vào Cõi Thơ rồi!

Bùi Giáng đã phê, bình, bàn... về nhiều nhà thơ, nhà tư tưởng cổ kim Đông-Tây. Ở cuốn Hai, vài chủ điểm chung chung cũng được đáo qua (dịch, thi ca, triết lý, Thượng Đế). Chừng 90 tác giả khá tiêu biểu được chọn làm tên bài, và hầu như tên bài cũng chỉ là tên tác giả cần bàn tới. Những tác giả được viết thành bài nhiều nhất là Hồ Dzếnh (7 lần), Nguyễn Du (6), Xuân Diệu (3), Huy Cận (3), Đinh Hùng (3), Phạm Hài (2), Hoài Thanh (2), Đỗ Long Vân (2), Hoài Khanh (2), Mai Văn Thu (2), Khổng Tử (2), Shakespeare (2), Martin Heidegger (2)... Một lần tác giả tự bình mình, trong bài Bùi Giáng (trang 98, cuốn Một).

Nhà An Tiêm đã có một thao tác thừa mà rất nhà nghề, khiến tập sách và tác giả thêm điểm: Lưu ý độc giả rằng tác giả, vì các hoàn cảnh éo le, không thể viết tiếp các tập 3, 4, v.v... như dự định "để cố tránh sự ngộ nhận, bởi vì còn nhiều nhà thơ tài ba mà Bùi Giáng chưa đề cập đến." Khỏi cần thanh minh. Mọi cách thức phê bình đều có chỗ mạnh yếu. Bản thân lối phê bình theo thị

hiếu cá nhân đã là bất cập về tuyển chọn. Chẳng thể Hoàng Trung Thông từng viết về Hoài Thanh: "Đừng trách anh tại sao chỉ nói nhiều về người này mà ít nói về người kia." Cũng như các tác phẩm hay dở dở hay của Bùi Giáng, tập sách này nếu biên tập chẵn chu, chắc phải bỏ đến mười bài.

Phương cách luận thơ của ông cũng theo lối bình giải văn học, với nội dung và hình thức độc nhất vô nhị. Và, vẫn như Hoài Thanh – Hoài Chân làm Thi Nhân Việt Nam, cách tuyển chọn, bình giải ở đây không qui luật, hoàn toàn "phê bình cảm thụ hồn nhiên theo thị hiếu cá nhân". Phong cách của Hoài Thanh thì sang cả, nhẹ nhõm mà tinh vi. Còn với Bùi Giáng "nhiều khi đọc lên thật bàng hoàng. Với nhận xét tinh tế, độc sáng về một khía cạnh nào đó của một tác giả thơ nào đó." (Tạp chí Thời Văn, Sài Gòn; trang bìa cuối cuốn Hai). Tôi còn nhớ, khi đọc lần đầu, các bài như những đoạn kiếm khi đâm thẳng lúc lao xiên vào nỗi ham biết về thơ ca, vào cái tò mò về Bùi Giáng của tôi. Trong bài về Hoài Thanh (trang 70, cuốn Hai), Bùi Giáng đã viết về người thầy cũ của ông, rằng phong cách phê bình Hoài Thanh tạo ra "không biết bao nhiêu con đường cho những thi sĩ và phê bình gia đi sau". Xin được nói thêm: Bùi Giáng là một. Người sau nên và có thể đi theo Hoài Thanh được; và người sau không nên mà cũng không thể đi theo Bùi Giáng được.

Bài đầu tiên của cuốn Một, về Tuệ Sỹ, là một áng phê bình không thể nào quên. Làm ta hiểu đúng và hiểu hay về Tuệ Sỹ, nhà sư-nhà thơ mà theo tôi có thơ hay nhất trong giới tu hành (tức tính cả Phạm Thiên Thư.) Các bài hay khác: Hoài Thanh, Hàn Mặc Tử, Nguyễn Sa, Đỗ Long Vân, Huy Cận...

Bài Vui Nhất Và Buồn Nhất (trang 110, cuốn Hai) là tản văn ngắn, dung dị, châm đến một cốt tủy của thơ, ít người viết ra: làm sao nói được nỗi vui nhất bằng thơ! Xứng đáng đứng vào văn tuyển cho học sinh.

Bài Đỗ Long Vân (trang 66, cuốn Một) chỉ có ngần này câu chữ – "Đỗ Long Vân không làm thơ, nhưng lại là kẻ có tâm hồn thơ sâu đậm thâm thiết rộng rãi hơn bất cứ kẻ thi sĩ nào. Trường hợp ông cũng như trường hợp Trần Trọng Kim, Đào Duy Anh... mang tâm hồn thi sĩ giấn mình vào cuộc biên khảo ngậm ngùi" – mà sao lênh láng, ngậm ngùi. Ở sự đúng và sự thơ. Bài Đỗ Long Vân khác ở trang 87 cũng trùng lắm!

Bùi Giáng tài đức những câu bâng hiệ cho nhiều tác giả: "Nguồn thơ Đinh Hùng trong Mê Hồn Ca là nguồn thơ lạ nhất trong thi ca Việt Nam." (trang 38, cuốn Hai); "Ngôn ngữ thơ Việt Nam thành tựu bởi Nguyễn Du. Văn xuôi Việt Nam đạt tới cõi thâm viễn với Hoài Thanh." (trang 70, cuốn Hai); "Thơ Huy Cận quả có như là cõi miền huyền bí nhất của tinh thể Đông Phương." (trang 98, cuốn Hai).

Người thơ được thành bài nhiều lần nhất là Hồ Dzếnh: 7 lần! (Nguyễn Du chính thức là 6 lần, nhưng thơ và con người của "cha nàng Kiều" thì đi tới đi lui trong hai cuốn sách.) Tôi hơi khó hiểu vì sự hợp "gu" giữa hai nhà thơ này. Có thể giải thích thế nào: Cùng là thần lục bát? Cùng tâm trạng tha hương bỏ xứ, cô đơn? Đây cũng xin là một câu hỏi tới các nhà Bùi Giáng học. Đọc 7 bài bình ấy, tôi thấy nó không sai, không trùng; thú vị thôi, chớ không thần phục. Tôi cũng mê thích thi sĩ Minh Hương này lắm, coi ông như một trong các đại tướng của quân chủng lục bát Việt Nam, nhưng cái mê thích của tôi khác với Bùi tiên sinh nhiều quá. Chắc tôi chưa hiểu hết Hồ Dzếnh rồi! Sẽ phải đọc lại các bài Giang Tây, Phút Linh Cầu từng khiến Bùi Giáng "bãi hoải chân tay".

Và cũng chính từ hai bàn tay ấy có biết bao lời bình rất... chán:

– Sáo tai, nhảm mắt: "Nghĩ tới Nguyễn Trãi, không còn can đảm đâu viết nên một lời gì cả" (trang 64, cuốn Một);

– Đại ngôn, tếu táo: "Đọc ông Nguyễn Du mãi cũng chán. (...) Thơ Nguyễn Công Trứ là một con zéro. Thơ Cao Bá Quát là một con zéro rưỡi (...) Hàng vạn bài na ná giọng điệu giống nhau. Chỉ còn mấy bài của Ngân Giang nữ sĩ và Vân Đài nữ sĩ là có linh hồn" (trang 30, cuốn Hai); "Người Việt Nam có thể không đọc Nguyễn Du, nhưng không thể nào không đọc bài thơ kia (bài Rằm Tháng Giêng – ĐQ) của Hồ Dzếnh" (trang 36, cuốn Hai);

– Không thuyết phục: "Thơ Nguyễn Thị Hoàng trang nhã như thơ Bà Huyện Thanh Quan, mà lại cũng cay đắng như thơ Hồ Xuân Hương, nhiều lúc nghe thống thiết như thơ bà Đoàn Thị Điểm" (trang 124, cuốn Một).

Họ Bùi bình chọn không ít các nhà thơ chưa, đang thành danh, nhưng tôi thấy hiếm có bài nào thành công. Không phải vì tên tuổi các vị đó không rạng rỡ như các vị thành danh, mà chính là ở chất lượng bài viết. Chúng làm dở một tác phẩm quý hiếm như Đi Vào Cõi Thơ! Để có cảm giác ông có các bài ấy vì thù tạc, hoặc vì ầu! Có những bài tệ tới độ không phải bình thơ mà là bàn tán loạn! Như các bài Mai Vân Thu, Phạm Quang Bình...

Võ Phiến cũng nhận xét: "Nói về một thi sĩ khác, ông bảo khỏi cần trích thơ, chỉ cần nêu ra các tên bài cũng đủ. Và ông liệt kê một loạt tên bài tùm lum; chỉ có tên bài thôi. Có nhiều thi sĩ, ông "đi vào cõi thơ" của người ta một hồi mà không thấy ông chọn được bài nào, thậm chí một ý hay một câu hay, một chữ đẹp cũng không! Như thế bạn tâm chứng minh là một bạn tâm nhỏ mọn quá, ti tiểu quá, không đáng lí đến."

Võ Phiến đã tinh tường nhìn ra vài bất cập ở cách bình luận trong hai cuốn sách, khi tác giả động đến các thi sĩ cùng thời, các bạn thơ của ông: "Khi khác, Đi vào cõi thơ (1969) của các thi sĩ cùng thời với mình, Bùi Giáng càng tỏ ra tinh quái quá lắm. Chẳng hạn về trường hợp một thi sĩ nọ – đồng hương với ông – ông nói qua nói lại một hồi, rồi ông bảo trót đánh mất tập thơ của bạn nên không trích được bài nào. Sau này, có dịp cầm chính tập thơ nọ trong tay, tôi loanh quanh tìm mãi không thấy có bài nào trích được! Vậy Bùi Giáng có mắt sách thực chẳng? Và không tìm ra cuốn sách nào khác của bạn thực chẳng? Lẽ nào ba mươi năm trước ở Việt Nam thơ ấy khó tìm hơn ba mươi năm sau ở Mĩ? Và lại, không chỉ có trường hợp người bạn vừa kể. Chuyện như thế xảy ra đều đều". Hai tác giả được Võ Phiến nhắc đến mà Bùi Giáng "chạy làng" là: Tạ Ký (trang 109, cuốn Một) và Đặng Tấn Tới (trang 168, cuốn Hai).

Tôi không khẳng định có thật là Bùi Giáng không có sách của hai-ba người đó hay không. Cũng không cho việc cả Bùi Giáng lẫn Võ Phiến không chọn được bài thơ nào thì tập thơ đó phải dở. (Chúng ta đang nói về phương pháp bình chọn theo "gu" mà!) Nhưng nếu Võ Phiến có lý thì, xin thưa rằng bảo "tinh quái" là ông nói yêu đấy thôi. Hay vì ông đã trọng tuổi nên dư lòng tha thứ! Kể viết bài này thua ông 2-3 thế hệ nên cũng ráng bảo Bùi quân là "quái". Còn dám trẻ hơn, thế hệ "gọi con mèo là con mèo", sẽ la lên: "Cụ Bùi xạo quá tụi bây nè!" Nếu như Bùi quân có thủ sách trong tay nhưng không khoái trích dẫn thì quả đấy là một giọng... trí trá (xin lỗi tôi chưa tìm được từ khác nhẹ hơn!) Ai cũng biết trong nghề phê bình, tội trí trá được xem là tệ nhất! Nhưng mà thôi, tha lỗi cho tôi chót nặng lời. Là Bùi "siêu quậy" của thi ca Việt Nam, lời nhận định của ông cũng quậy, "cũng đi rồi đến". Chúng ta nên đọc ông với một tâm thế riêng trong tương quan của mình với ông.

Một điểm này thì vui vui. Điều chính của bài Quang Dũng (trang 88, cuốn Một) là bình bài thơ Kê Ở để chứng minh nhận định (cũng nên coi như một "đại ngôn" của tác giả): "Thi ca hiện đại hay thi ca ngàn đời, thi ca Việt Nam hay thi ca thế giới – vâng – cũng chỉ riêng một Quang Dũng thôi".

Đoạn bình Kể Ở và toàn bài Quang Dũng có thể xem là thành công. Nó chỉ "thất bại" ở chỗ, tác giả lời bình cũng bị số phận như đa số dư luận yêu thơ khác – đó là biết bao nhiêu năm đã bé cái làm về tác giả bài thơ quen thuộc. Quang Dũng "người Sơn Tây" không phải là tác giả của nó đâu ạ! Từ những năm 1989-1992, báo chí trong nước, rồi ngoài nước, đã "trả cát bụi về cho cát bụi": bài thơ Kể Ở trước được biết của Quang Dũng chính là bài Dặm Về (hay Mai Chì Về) của Nguyễn Đình Tiên. Báo Cánh Én (Đức, số 15, 1992) đã có bài của V.X.L. tổng kết vụ này. Các nghi án văn học đều kèm theo tai nạn. Trời giáng ai nấy chịu. Đến "người trời" như Bùi Giáng cũng không thoát được. (Phụ lục 1)

Thục quốc danh tướng, Việt Nam lục bát thi sĩ và Bùi Giáng

Nếu Bùi Giáng (chỉ) là thơ, thì thơ Bùi Giáng (chỉ) là lục bát.

Tôi sẽ ví các danh tướng nhà Thục thời Tam Quốc với các thi sĩ lục bát tài danh Việt Nam! Một cách tương đối: Về ngôi thứ uy quyền, nếu coi Lưu Bị là Nguyễn Du, thì tiếp theo ai là ai? Quan Vũ, ấy là Nguyễn Bính; Trương Phi là Bùi Giáng. Vậy là xong nhà Lưu-Quan-Trương. Tiếp: Triệu Tử Long: Hồ Dzếnh. Rồi những Hoàng Trung, Ngụy Diên, v.v... là những Bàng Bá Lân, Cung Trầm Tưởng, Nguyễn Đức Sơn, Nguyễn Duy, Luân Hoán, Đồng Đức Bốn, v.v... Còn hạng xoàng xoàng Tôn Can, My Chúc, Giản Ung... thì kể không kể xiết. "Lục bát là nơi thử thách bút lực của các thi sĩ" (Trần Đăng Khoa). Tôi đoán chắc không sai là ai đã làm thơ tiếng Việt thế nào cũng kinh qua một tá bài lục bát? Với rất nhiều người thơ, lục bát là mối tình đầu.

Bùi Giáng quý cứng Hồ Dzếnh lắm, quý hơn Nguyễn Bính bội phần. Trong hai cuốn Đi Vào Cõi Thơ nói trên, Dzếnh được bình những 7 lần (lại còn được yêu đến mức cải tên thành Hồ Xuân Dzếnh!); Bính được nhôn có 1 lần! Bất chấp, trong khi chưa hiểu hết Hồ Dzếnh, tôi vẫn coi Nguyễn Bính và Bùi Giáng là hai vị tả hữu quanh ông vua lục bát Việt – Nguyễn Du, Hồ Dzếnh ở sau, cách xa hai vị này. Và còn khoảng cách rất xa nữa mới tới các vị sau đó.

Rất nhiều câu thần ở lục bát hai ông thơ này. Thần thơ Nguyễn Bính là thần dân, thần đất. Ta ngẩn ngơ và ngẫm một hồi, không lâu. Ta hiểu, cảm được. Phần nào.

*"Quê nhà xa lác xa lơ đó
Ngoảnh lại tha hồ mây trắng bay".*

(Hành Phương Nam)

Hay chính câu mà Bùi Giáng chọn khi bình Nguyễn Bính ở Đi Vào Cõi Thơ:

*"Mẹ cha thì nhớ thương mình
Mình đi thương nhớ người tình xa xôi".*

(Thư Gửi Thầy Mẹ)

Đọc Bùi Giáng ta gặp Nguyễn Du đều đều, ở những câu trang trọng, phức tạp:

*"Biển dâu sục tỉnh giang hà
Còn sơ nguyên mộng sau tà áo xanh"*

(Áo Xanh)

Và cũng gặp Nguyễn Bính thường xuyên, ở những câu chân chất như lời lách lẹ ra từ tim; như

thế này:

*"Hôm nay mưa gió đầy trời
Về sau sẽ có vài người quên nhau"*

(Mê Cung)

Hay như thế này này, khi nhà thơ tự tả mình trong cái nhìn của cô hàng xóm:

*"Vừa điên dại vừa thê lương
Vừa vui trời đất vừa buồn nắng mưa".*

(Lâm Cẩm)

Lục bát Bùi Giáng là thơ của trời, lục bát Nguyễn Bính từ đất. Tư tưởng là nền cho thơ Bùi Giáng. Ở Nguyễn Bính là tình cảm. Có thể vì học vấn của họ Bùi thâm hậu, còn của họ Nguyễn thì chân quê! Nhiều câu thần của Nguyễn Bính, đọc xong bạn có thể vỗ đùi: "Giá Bính không viết, ắt mình hay bằng X. sẽ viết!" Cái thần Bùi Giáng là thần trời. "Ông trời xanh ắt cũng phải bối rối lắc đầu..." huống hồ. Bạn chỉ có thể vỗ đùi:

*"Quét xong sân lá chợt buồn
Bỗng dung chợt thấy nghìn muôn lỗi lầm".*

(Ca Dao)

Thần! Thần đến thế là cùng!

Hỏi ngay giới phê bình hay các fan Bùi Giáng rằng bài thơ nào, 2-3 bài thơ nào là hay nhất. Chắc họ tắc tị! Bù vào họ sẽ đọc vanh vách một vài câu, thậm chí cả chục câu xuất thần. Không! Bùi Giáng đâu phải là nhà-thơ-của-những-câu-thơ-bạc-cắc. Trong tập Đi Vào Cõi Thơ, khi tự bình thơ mình, ông chọn ra hai bài đượm chất chuồn chấu nhất – tức Bùi Giáng nhất – đó là Giữa Phố và Bóng Dương Buồn Ngủ. Đã nhâm nhi đến cả tá lần hai bài này, tôi khó mà có ý gì khác với tác giả. Song, nếu là người tuyển chọn, tôi sẽ chọn hai-ba bài khác, của riêng mình. Với những đọc giả đã chịu rồi, thơ Bùi Giáng tỏ ra rất hào phóng, "dân chủ". Không như với đại đa số nhà thơ tên tuổi khác, các bài hay của họ để thành của chung trong lòng người yêu thơ. Ai cũng có thể có một Bùi Giáng, một thơ Bùi Giáng của riêng mình. Trong khi chúng ta thường có chung một Nguyễn Du, một Nguyễn Bính, một Xuân Diệu, một Hàn Mặc Tử, một Thanh Tâm Tuyền, một Hoàng Cầm, một Tô Thùy Yên... Và ngay cả một Đinh Hùng, một Trần Dần...

Thơ Bùi Giáng có trong sách giáo khoa cho học sinh chưa? Tôi cũng không biết! Nếu chưa thì nên có. Chọn vài bài thơ hay nhất của Bùi Giáng vào hợp tuyển văn học thì khó. Nhưng không khó lắm khi chọn thơ của ông vào văn tuyển, sách giáo khoa. Không xa tay tôi đang là tập Mưa Nguồn (NXB Hội Nhà Văn, Hà Nội, 1993.) Thi phẩm đầu tay của ông. "Có lẽ Mưa Nguồn là tập thơ đều tay và giá trị nhất của Bùi Giáng" (Đặng Tiến). Tôi giờ không chủ ý, nơi trang 108, được bài lục bát Xuân Bình Dương. Nó có thể làm bài thuộc lòng cho học trò trung học thời a còng. (Phụ lục 2)

Công việc biên tập, in sách của Bùi Giáng được làm ra sao?

Tại sao thơ Bùi Giáng lại hay dở dở hay? Đây không chỉ là câu hỏi quan trọng cho giới phê bình nghiên cứu văn học, mà còn cho các nhà Bùi Giáng học. Vấn đề biên tập dự phần ra sao? Tôi

muốn hỏi to một câu: Những khi thể trạng ông không diên-tĩnh, là người bình thường liệu Bùi Giáng có tham gia chịu trách nhiệm trong việc in ấn, phổ biến tác phẩm của mình không? Thực ra, các bản thảo "nguyên đai nguyên kiện" của một tác giả nào đó chỉ có giá trị nhất định đối với những ai làm công tác nghiên cứu văn bản. Một tác giả chỉ được đánh giá công bình qua các tác phẩm ra mắt độc giả trong sự kiểm soát nào đó của anh ta về sự công bố.

Ngợp và ngạt giữa cái phi phạm lại thú vị, cái khó hiểu đến kinh dị mà dễ thương, cái lộn xộn mà vẫn đầu ra đấy trong trước tác của Bùi Giáng, công tác biên tập sách, bài vở của ông ở miền Nam trước 1975, ở Việt Nam và hải ngoại sau đó, dường như đã không qua cách thức bình thường. Con người ta vốn sợ bỏ rơm rác ra khỏi một kho vàng. Cứ y như là khi phải ra đi rác rơm mang theo vàng vậy! Là người không có đời sống tinh thần và vật chất ổn định, là người viết tự do tuyệt đối (về phong cách, nhu cầu in ấn, tính chuyên nghiệp), tác phẩm của Bùi Giáng dựa trên ý thức của một người phi học, vô nghề. Cho dù có đúng là Bùi Giáng "không che dấu cái dở của mình. (...) Chẳng những thế, ông lại còn cố ý phô bày nó ra, phô bày một cách chân tình, hồn nhiên, toàn diện", nhưng những người biên tập đã làm gì cho tròn trách nhiệm? Chính các điều dang dở và các điều dở trong bản thảo đã góp phần tạo phong cách hay dở dở hay ở văn chương Bùi Giáng. Và thách đố cho những ai bạo gan biên tập sách, bài vở của ông là ở đấy. In sách thì phải cho ra sách. Ở cửa này của văn minh nhân loại thiên tài nào cũng phải qua, nếu đã vào vòng định giá. Nhất là ở thời này, khi văn hóa truyền thông coi việc truyền khẩu, giai thoại và các sản phẩm của nó như một cái gì man rợ!

Tôi ngưng đoạn này trong sự đồng tình cùng ý với Phạm Thị Hoài: "Không sửa sang cho ông, như thường miệt mài gọt rũa hay tưởng đang gọt rũa mình công phu lắm, với cái cố rằng chữ nghĩa của ông từ ngàn khơi đổ về, chẳng ai biên tập một đại dương. Không thẩm định, không đòi hỏi, không đặt niềm tin, không thất vọng, ta nhẹ ban cho ông hai chữ "thiên tài"."

Bùi Giáng và Những đứa trẻ mồ côi

Lời đề từ ở trên cho bài này là nguyên một bài thơ của Bertolt Brecht. Lời, ý và tứ rõ ràng, lại mang nhiều nghĩa, nghĩa nào cũng rõ ràng. Rất Đức tính. Thực tế, hiển hiện. Trữ tình, sâu ngút. Ta hãy đọc nó (bốn câu đầu) bằng nụ cười, rồi (một câu cuối, hai chữ sau cùng) bằng nước mắt. Sau, đọc lại cả bài bằng nước mắt hay nụ cười cũng được. Các lần đọc sau, nước mắt khác nước mắt lần đọc trước, nụ cười cũng khác. Để chiêm nghiệm luật nhân quả như một lẽ thường tình, một điều bất an. Từ khi đọc nó lần đầu, chừng 30 năm nay, tôi giữ bài thơ nhỏ nhắn trong mình như ôm trọn bông hồng đơn rực sắc với những cánh gai dài nhọn. Mỗi nghĩa của bài thơ ám ảnh tôi trong từng vụ việc cụ thể.

Độc giả người Việt Nam và người ngoại quốc của văn học, rồi lịch sử, văn hóa Việt Nam cận-hiện đại là những đứa trẻ mồ côi. Nhiều "đêm-ngày" đã qua, trong số họ, kể chỉ có Trần Đức Thảo, Hoàng Xuân Hãn, Tố Hữu, Nguyễn Đình Thi; đứa là của Nhất Linh, Hồ Hữu Tường, Mai Thảo; dăm tên mau mất hơn thì có thêm Đào Duy Anh, Trịnh Công Sơn, Trần Dần, Bùi Giáng...

Mong cho bài tạp văn này về Bùi Giáng không phải theo phạn đứa trẻ mồ côi. *)

Canada, 2003 - 2009

(*) Được sửa đổi, rút gọn nhiều từ bài "Bùi Giáng và Những đứa trẻ mồ côi" đã đăng ở báo mạng talawas.org 21-10-2003

Các tài liệu trích dẫn khác:

1. Bùi Giáng: Đêm Ngắm Trăng, NXB Trẻ, TP Hồ Chí Minh 1997
2. Phạm Thị Hoài: Một giải thưởng văn chương mang tên Bùi Giáng (talawas.org 10/10/2003)
3. Trần Hữu Thục: Bùi Giáng giữa chúng ta; trích "Viết và Đọc", Văn Học, California 1999
4. Thanh Tâm Tuyền: Bùi Giáng, hồn thơ bị vây khốn, Văn, Sài Gòn 1973
5. Nguyễn Hưng Quốc: Cuộc hòa giải vô tận: Trường hợp Bùi Giáng; Trích "Thơ, v.v... và v.v...", Văn Nghệ, California 1996
6. Phan Nhiên Hạo: Bùi Giáng như tôi thấy (talawas.org 8-10-2003)
7. Nguyễn Hữu Hồng Minh: Bùi Giáng – Người thơ cuối cùng của thế kỷ 20 (vnexpress.net 7-10-2003)
8. Võ Phiến: Bùi Giáng, Văn học miền Nam - Thơ, Văn Nghệ, California 1999

Phụ lục:

1) Bài thơ Dặm Về (Kẻ Ở) khá nổi tiếng và có thể nhiều độc giả chưa tường xuất xứ, xin tóm tắt:

Nguyễn Đình Tiên (tên thật Nguyễn Đình Tiến), sinh năm 1924; viết Dặm Về (hay Mai Chì Về) sau ngày 19-8-1945, đây là sáng tác thơ duy nhất của ông. Trên báo Văn Nghệ (Hà Nội, số 37, 1989) Vân Long nêu ra việc tìm xuất xứ của bài thơ. Ngay sau đó Nguyễn Đình Tiên (Văn Nghệ, số 41, 1989) đã xác nhận là tác giả của bài thơ. Báo Đoàn Kết (Hà Nội, số 4-1991) Hoài Vân đã công bố có lẽ là bản cuối cùng của bài thơ, với nhiều câu chữ khác so với các dị bản khác. Bản mà Bùi Giáng bình trong Đi Vào Cõi Thơ (hiện chúng tôi không có toàn văn) có một số câu chữ sau đây khác so với bản in trên Văn Nghệ (theo bài của V.X.L.):

- *"Sương buông khắp lối đường muôn ngã" (bản Văn Nghệ);*
"Hoa rơi khắp lối sương muôn ngã" (bản Bùi Giáng).
- *"Hương chạy theo đàn, theo gió theo" (VN);*
"Hương chạy quay đầu, theo gió theo" (BG).
- *"Ngựa chị vừa qua thác sao vàng" (VN);*
"Ngựa chị dừng bên thác sao vàng" (BG).
- *"Sao trôi đầy nước, rơi chân ngựa" (VN);*
"Sao rơi đầy nước, vương chân ngựa" (BG).
- *"Buồn dựng đôi mi, ngàn lại ngàn" (VN);*
"Buồn dăng đôi mi, hàng lại hàng" (BG).

So với bản trong băng thơ Hồng Vân (giọng ngâm Hoàng Hương Trang), làm trước 1975, thì bản Bùi Giáng cũng khác không ít. An Tiêm tái bản cuốn Đi Vào Cõi Thơ sau gần 10 năm khi tác giả và văn bản của bài Dặm Về (Kẻ Ở) được xác định lại. Còn ấn bản điện tử của Đi Vào Cõi Thơ trên talawas.org 11-5-2006 làm theo sách nói trên cũng không có chú thích gì về bài Quang Dũng. Nếu như An Tiêm và talawas.org có một chú thích nhỏ thì thiệt quý cho các tác giả Quang Dũng, Nguyễn Đình Tiên, cho bạn đọc, và cho cả nhà phê bình Bùi Giáng!

2) Bài Xuân Bình Dương của Bùi Giáng:

"Xin lời mở rộng con mương
Xin chiều bến đỗ Bình Dương bây giờ
Những bàn chân bước hoang sơ
Những bàn tay những mùa thu trong mình
Xin lời nói hãy nín thính
Xin hàng phượng đỏ bên đình ngơ cho
Bến sông ghe đỗ bây giờ
Ngàn năm thôn nữ lên bờ ướt chân
Xin người em hãy lại gần
Nhắm hai mắt mở muôn phần hai con
Ngó sương mây lục trời tròn
Ngó sương muối nhuộm tóc còn xanh vai
Bàn chân đen ngón không dài
Bàn tay đen ngón nắm hoài không người
Bây giờ xin hãy nhìn tôi
Người em ấy nhận ra người anh chưa".

Bùi Giáng & di cảo để lại Lê gia trang Hữu Bảo

Những ngày yên nghỉ thênh thênh
Lê gia trang ấy nghĩa tình xiết bao
Cỏ cây hồ cá thì thảo
Mai sau tâm sự chốn nào nơi đây
Xa trời gần đất tuổi này
Tao phùng đầm ấm những ngày tương giao...

Hẳn nhiều người nhận ra giọng Bùi Giáng trong bài thơ này. Bài thơ được viết năm 1991, tên của nó là "Những ngày yên nghỉ Lê gia trang", bên cạnh bài thơ tác giả chưa thêm dòng chữ: "Tôi về chỗ tôi đã ra đi. Ở đó có một bầu trời xanh". Câu viết gợi nhớ đến Hoàng tử bé – cuốn sách mà Bùi Giáng dịch xuất thần từ Saint Exupery. Vậy Lê gia trang là đâu mà Hoàng tử bé ấy đã có lúc chọn làm nơi trú chân trong đoạn cuối cuộc hành trình trở về với tinh cầu của mình? Mười bảy cuốn vở chứa đầy di cảo thơ Bùi Giáng được cất giữ suốt 15 năm qua trong một ngôi nhà ở Xóm Gà, Bình Thạnh đã hé lộ thêm đôi điều về một tài thơ trác tuyệt dù luôn miệng "vui thôi mà" nhưng để lại nhân gian những tâm sự buồn quá đỗi...
Gương mặt đời: "Điên phi thường"

Có thể nói người Sài Gòn nào tuổi trung niên trở lên và thường di chuyển trên đường hẳn cũng có lúc vô tình bắt gặp thi sĩ Bùi Giáng trong hình dáng một người điên lang thang khắp chốn từ Ngã Bảy, Gò Vấp đến Chợ Lớn, An Lạc. Lần đầu tôi nhìn thấy Bùi Giáng là khi ông đang làm cảnh sát công lộ, một chiếc xe hơi chạy qua vội dừng lại, người trên xe bước xuống cung kính "Thưa thầy" rồi mời vị "cảnh sát" lên xe. Về nhà hỏi ba tôi, ông bảo chắc đó là người dịch "Hoàng tử bé". Tôi nghĩ ba tôi lầm, vì thật khó tin cái người điên lời thôi lếch thếch ấy lại dịch được những dòng trong trẻo dường kia từ Saint Exupery. Nhưng hình ảnh những người sang trọng ngồi xe hơi gọi một người điên bằng "thầy" khai mở cho trí óc non trẻ của tôi hiểu được rằng phẩm chất thực sự của một con người được ẩn giấu trong bất kỳ một nhân dạng hình hài nào.

Lần thứ hai là khi thi sĩ chọn Ngã Bảy để điều khiển giao thông, nghe tiếng huyên náo ngoài đường ba tôi ra xem, lát sau ông dẫn về một người điên với chiếc dép lủng lẳng trên cổ, mời vào nhà uống nước. Áo hai ba lớp, tóc tai rũ rượi vẫn không che được đôi mắt sáng đến kỳ lạ. Người điên im lặng ngồi một lúc rồi đi, vẫn chiếc dép toong teng như Đạt ma tái thể, tỉnh táo như chẳng phải vừa cách đó ít phút ông làm náo động cả sáu ngã đường. Lần nay thì tôi tin mình vừa diện kiến tác giả “Martin Heidegger và tư tưởng hiện đại”- cuốn sách tôi từng đánh vật cả tuần lễ mà chỉ hiểu được có vài trang.

Lần cuối cùng là khi tôi vừa bước chân vào nghề báo, bắt gặp ông đang ngồi một mình một bàn trong quán cà phê của nhà thơ Huy Tường khu Đa Kao, và sừng sốt nghe tác giả “Mưa nguồn” buột miệng ứng họa tức thì một bài thơ lãnh tụ đang được bình từ radio. Đó là Tết năm 1989, hai năm trước khi ông về ngụ tại nơi được thi sĩ gọi là Lê gia trang.

Lê gia trang- nghĩa là nhà vườn của một người họ Lê. Văn phong đặc trưng của Bùi Giáng là sự pha trộn tài tình ngôn ngữ bác học với khẩu ngữ dân gian, từ Hán Việt với tiếng lóng, với thuật ngữ triết học và kinh Phật, với cả những từ...không được thanh tao mấy. Nhiều người cứ ngỡ ông đùa hay điên khi chuồn chuồn châu châu trong cảm thức ngôn ngữ của ông cũng quan trọng ngang với mọi dạng thức sinh tồn khác của vũ trụ. Nhưng nhớ chẳng, “Hoàng tử bé, con cừu ăn đóa hoa, đó không phải là chuyện hệ trọng hay sao! Con cừu, có hay không có ăn mất đóa hoa?”. Cũng nghiêm trọng như thế, khi ông gọi ngôi nhà tôn ở Xóm Gà của nhà quay phim- biên kịch Lê Trác là Lê gia trang.

“Hôm đó, tôi đang đạp xe từ Hãng phim Giải Phóng về ngang ngã tư Xóm Gà thì gặp Bùi Giáng bị xua ra khỏi quán rượu Thọ Nguyên vì không trả tiền rượu chịu, thế là tôi trả hộ rồi rủ Bùi Giáng về nhà uống tiếp. Ông ta nhảy lên yên sau, nhưng ngồi đầu lưng với tôi, và không ngừng múa may quay cuồng”- Ông Trác kể. Cuộc rượu tại nhà ông Trác kéo dài đến...sáu tháng, và thử hình dung một gia đình gồm hai vợ chồng với bốn con nhỏ trong một mái nhà không tươm tất mấy nay lại chứa thêm một người điên đúng nghĩa. “Tôi không quan tâm đến việc ông ta là một nhà thơ nổi tiếng, một giáo sư đại học trước 1975, tôi chỉ thấy đó là một người đáng thương, đôn hậu và tử tế”- lý do ấy đủ để gia đình này chịu đựng một người khách luôn có những hành vi kỳ dị, la hét bất thường, chỉ ăn được thức ăn mềm, tắm suốt ngày, thích ra đi ngay giữa đêm khuya và có thể làm thơ bất cứ lúc nào, bất kể ở đâu...Cuộc gặp tại quán rượu ấy tất nhiên cũng được Bùi Giáng viết thành thơ:

Rượu Thọ Nguyên- nhậu lu bù
Cho đời tàn xé tuyết mù cuối năm
Rượu vào vắng bật bóng tâm
Của chim cá với choắm hoắm tử sinh
Đôi phen sực tỉnh thành linh
Hỏi cây cỏ với thể hình người ta
- Ta là quỷ, hay là ma
Hay thần tiên dịch chuyển ra vô cùng
Chuyển vào thực thể mê cung
Dịch vào thể lệ song trùng tồn sinh...
(rượu thọ nguyên)

Trong thời gian lưu lại nhà ông Trác, nhà thơ kiêm dịch giả kiêm biên khảo kiêm phê bình văn chương kiêm cảnh sát công lộ tự xưng là Bằng Giúi không ngừng làm thơ, nhiều đến mức lắm khi gia chủ phải khiến ông tui nghỉu khi kịp giành lại những bức ảnh kỷ niệm của gia đình mà Bùi thi sĩ định lật mặt trái để...để thơ. Cô bé 9 tuổi nhỏ nhất nhà là người tìm ra giải pháp: cô tặng Bùi Giáng những cuốn tập 100 trang cho ông thỏa thích phóng bút. Khi mười bảy cuốn vở đã đầy thì ông bỏ đi...

Không ai biết mặt TTKH và nhà thơ này chỉ để lại một dấu hỏi, còn Bùi Giáng dù lang thang khắp chốn trước mắt bao người nhưng gieo rắc hàng loạt câu hỏi đến nay vẫn chưa có lời đáp: Ông điên thật hay giả vờ? Tự học khi nào để có thể dịch được bốn thứ tiếng Anh-Đức-Pháp-Hán? Sáng tác ra sao mà trở thành một trong những tác gia nhiều đầu sách nhất của miền Nam trước 1975: hơn 50 cuốn? Qua lời thuật lại của ông Lê Trác về những gì thi sĩ Bùi Giáng tiết lộ trong sáu tháng ngụ tại nhà ông, có thể chấp nhận đôi điều giúp được cho giới nghiên cứu văn học sử (xin không nhắc lại những điều đã nhiều người biết):

Tên ông lý ra là Bùi Dán, nhưng khi đi làm khai sinh thì nhân viên hộ tịch viết sai thành Giáng. Năm ông lên hai, trong một lần cãi nhau người cha đã giành Bùi Giáng từ tay vợ ném ra cửa, trúng nhằm một cây đinh cắm sâu vào trán, vết thương rất nặng khiến ông chết đi sống lại, nhờ người vú nuôi tận tình chăm sóc mà đến lúc ông lên chín mới lành hẳn. Chi tiết này trùng khớp với “tiểu sử tự ghi” mà Bùi Giáng để lại ở chùa Pháp Vân - Gia Định hai năm sau đó - tháng 8 năm 1993, và phù hợp với vết sẹo trên trán thi sĩ. Như vậy tổn thương ở vùng đầu này có thể là căn nguyên cho chứng điên phát tác về sau. Nghĩ cũng lạ: xưa nay nhiều người tình bị ngờ là điên, nhưng mấy ai điên lại bị người đời nghi là tỉnh như Bùi Giáng. Cũng theo ông Trác thì sau người vợ Phạm Thị Ninh mà nhiều tư liệu đã nhắc đến, Bùi Giáng còn một người vợ hiện vẫn sống ở Hội An, và hai người có với nhau một con gái (?).

Nhiều người thường thắc mắc mỗi khi bắt gặp Bùi Giáng múa may ngoài đường là cái thân hình gầy nhom khô đét ấy lấy đâu ra năng lượng để quay vù vù như một cái chong chóng đủ màu suốt từ sáng đến tối, bất kể nắng hay mưa, thì nay thắc mắc ấy phần nào được giải đáp: Bùi Giáng thường xuyên tập yoga trong thời gian ngụ tại nhà ông Trác, nên có lẽ nhờ đó mà dù ăn rất ít vì răng cô không còn bao lăm nhưng thi sĩ chẳng mấy khi bệnh tật và đủ sức uống rượu tì tì. Và cũng đừng tưởng nhà thơ điên này là bản nhé: Ông tắm rất nhiều lần trong ngày. Tuy nhiên, câu hỏi mà tôi không thể không hỏi thì cũng chỉ nhận được câu trả lời không mới: “Quả tình tôi không biết Bùi Giáng điên hay tỉnh, vì khi điên thì ông điên dễ sợ, còn khi tỉnh thì thông minh tuyệt đỉnh, trí nhớ phi phàm!”- ông Trác thú thật.

Chân dung thơ: Nhiều sàu muộn

Khó có thể bảo một người là điên khi người ấy biết dùng lời lẽ hồn nhiên đối đáp với trẻ nhỏ. Rất nhiều khi, đóa Tường Vy nhỏ là cô con gái út của ông Trác và nhà thơ cuồng đã có những đoạn đối thoại thường xuất hiện trong các tập di cảo như những ốc đảo xanh giữa sa mạc chữ:

Tường Vy bắt chợt bản thân

Hỏi ông Bằng Giúí: “Ông gần hay xa?

Ông về trong cõi người ta

Ông là kẻ lạ hay là người quen?”

(Tường Vy chất vấn)

Đáp rằng: có lẽ ông quen

Hoặc là có nhớ rồi quên mất rồi

(Đáp lời Tường Vy)

Khó có thể bảo một người là điên khi người ấy biết hi hục khiêng từng hòn đá nặng về xếp thành giả sơn tặng gia chủ, để cảm tạ cái ơn đã dám “rước về riêng một thằng điên” như trong bài thơ mà Bùi Giáng đặt tựa là “Thần tiên Trác Cẩm gia đình”:

Gia đình rất mực thần tiên

Rước về riêng một thằng điên phi thường

Từ trên tới dưới tượng mường

Tượng mơ như mán như mường tượng minh

Đầu tiên rất mực gặp ghềnh

Tương cầu cảm ứng ưu phiền cảm ưu
Y ư nghệ- du ư ngu
Tần thân sự tử dê cừu liêm la
Mím môi miệng mím răng nhe
Rằng tần thân ấy nghìn nghe ra ngoài
Bao dong tiếp cận gà choai
Láng giềng vịt bé tình hoài Tường Vy

Trong bài này, câu thơ cuối ban đầu là “Láng giềng vịt bé tình hoài Cẩm Vân” đã được tác giả gạch bỏ chữ “Cẩm Vân” (tên vợ ông Trác), để thay bằng “Tường Vy”: Có bao nhiêu người tình biết giữ lễ để không bước qua cái ranh giới mong manh giữa cọt dừa và sổ sàng như Bùi Giáng?

Trong mười bảy cuốn thơ Bùi Giáng viết trong thời gian lưu lại nhà ông Trác, vẫn là những câu thơ mang tính nhị nguyên: đầu tiên - cuối cùng, hỏi - đáp, một - muôn ngàn, sát na - thiên thu, đi - về... Vẫn là những cái tên kỳ nữ Kim Cương, Bạch Tuyết. Vẫn là Nguyễn Du, Huy Cận, Xuân Diệu và những những câu thơ tâm đắc nhất của chính mình từ các tập Mưa nguồn, Lá Hoa còn, Màu hoa trên ngàn... Nhưng rải rác đó đây giữa những lời bốn cọt quàng xiên lại chen những tâm sự buồn quá thể, của một người thường giữa khuya thức giấc nhớ chuyện xưa: “Nhớ thương từng phút từng giây. Những mùi hương cũ tàn phai bao giờ” (Giữa đêm), “Buồn vui như thể thân mình. Ai chia nửa máu ai giành nửa xương...” (Buồn vui như thể), “Xưa kia một tỉnh mười say. Bây giờ mười tỉnh một say một mình...” (Ăn năn)... Bài thơ dài nhất tìm thấy trong số di cảo này (cũng là bài thơ dài nhất của Bùi Giáng - được tác giả ghi chú đến hai lần, đầu và cuối bài là “Bài thơ dài nhất (122 câu)” cũng thật buồn với cái tựa “Quá khứ của anh”, mở đầu bằng: “Anh đau đớn nhưng không bao giờ khóc. Nuốt lệ vào cho vĩnh viễn thương yêu...”.

Hàng trăm bài thơ để lại trong những cuốn vở học trò như một thứ nhật ký tiết lộ nhiều điều về một nhà thơ vốn lắm giai thoại nhưng ít ai tường tận thân thể. Nó cho biết Bùi Giáng trong quá khứ có lúc ở tù:

Nằm đây nhớ phố bên ngoài
Nhớ chân trời mộng tình hoài lang thang
Nhớ trăm vạn, nhớ muôn vàn
Từ thân yêu tới điều tàn nhớ nhung
Đường qua ngôn ngữ cuối cùng
Đường thân thiết gọi điệp trùng trùng điệp
(Niềm đau ở tù)
từng đi Đà Lạt đóng phim:
Nó sắm cho ta nhiều áo quần
Đóng phim rất mực cuộc thênh thang
Cuộc chơi kỳ vĩ thông Đà Lạt
Trăng núi muôn vàn dội dư vang
Giao hưởng thần tiên nhớ mãi ngày
Tuyệt trừ thy vận nở đầu tay
Trần gian như thể thiên đường vậy
Vĩnh biệt muôn vàn nhớ mây may
(Nhớ mãi một lần)

rồi từng bị gãy tay, từng bị công an làm khó dễ, từng có những mối quan hệ bí hiểm từ thuyền quyên kỳ nữ đến giới đầu đường xó chợ... Để cuối cùng, hình ảnh hiện lên khi đọc xong tất cả những di cảo này là một chân dung sàu thẳm chẳng có chút liên hệ gì với một người điên thường quay cuồng la hét giữa đường phố trong một cơn phấn khích bất tuyệt. Rất nhiều

những giai thoại về nên một Bùi Giáng thi sĩ tự do tuyệt đối, không thể triển từ phục, không hệ lụy áo cơm. Nhưng những gì ông để lại trong ngôi nhà nằm sâu trong con hẻm 482 Lê Quang Định này là chân dung hai mặt của một kẻ hò hét nhảy nhót ban ngày để lặng lẽ thức giấc trong đêm nhìn trăng ngậm ngùi nhớ về một thời xa xưa tươi đẹp và mơ về một mùa Lễ hội sau cùng. Trong những di cảo này hay lập đi lập lại những từ “một cõi đi về” và “Lễ hội”. Cõi người ta thì đã rõ, còn Lễ hội nào vậy? Có phải miền đất mà các tôn giáo đều nói đến, nhiều triết gia từng tưởng tượng ra, được thi nhân Đông-Tây truyền tụng như lời sấm truyền về nơi con người tìm thấy lại địa đàng đã mất?

Đọc xong tất cả những di cảo ấy, có cảm giác như vừa xem lại một cuốn phim của Charles Chaplin: bật cười rồi chợt thấy mắt cay...Nếu không tin, bạn hãy thử đọc cùng tôi lời của một người từng gặp nhiều khổ đau mất mát (vợ mất, nhà cháy, mắc bệnh nan y...) nhưng chưa có lúc nào ngừng yêu thương cuộc đời:

Hỏi: Bình sinh mi yêu thương ai nhất?

Đáp: Tao yêu thương nhất là những cô gái giang hồ.

Hỏi: Vì sao như vậy?

Đáp: Hà tất phải hỏi vì sao.

Hỏi: Vì sao không phải hỏi?

Đáp: Vì bởi từ lâu những đứa như Nguyễn Du, Đỗ Mục, Gerard de Nerval...đã đưa ra lời giải đáp quá sức thỏa đáng rồi.

Hỏi: Đồng ý. Thế thì bây giờ tao xin hỏi tiếp: Mà yêu nhất là gái giang hồ, còn yêu thứ nhì- đệ nhị yêu đương- thì mà yêu ai?

Đáp: Đệ nhị yêu đương tao yêu vu vợ những đàn bà tình cờ gặp gỡ ngoài đường- thường là những phụ nữ da dẻ đen thui, ngồi im lìm bên vệ đường bán mua cái gì chẳng rõ.

Hỏi: Vì sao mi yêu chúng nó?

Đáp: Vì tao biết tâm hồn họ mệnh mông.

Hỏi: Mệnh mông như thế nào nói nghe chút ít thử.

Đáp: Đại khái như thế này: Khi thấy tao đi ngang qua họ hỏi tao: “Ông già đi đâu đó? Ông có đói không?”. Tao hỏi lại: “Cô hỏi như thế làm gì?”. Cô ta đáp: “Nếu ông đói thì con cho ông ăn chút ít. Con bán xôi, bán cơm tấm- bán bún riêu- bán bánh bèo- bán xoài chuối- ông thích ăn thứ gì?”...

(Đệ tứ đối thoại)

*

Chủ nhân của ngôi nhà đang lưu giữ 17 tập di cảo này là một nhà quay phim-biên kịch-đạo diễn kỳ cựu. Ông sinh năm 1930 tại Hải Dương, năm 1956 học lớp biên kịch khóa 1 trường Điện ảnh Sài Gòn, từ 1960 sang Nhật tu nghiệp nghề đạo diễn trong hãng phim Dei Ei của Kurosawa, sau đó về nước làm một số phim ngắn chủ yếu là phim thời sự, làm diễn viên đóng vai Hamlet trong kịch W. Shakespeare, đóng Thành Cát Tư Hãn trong kịch Vi Huyền Đắc, là người có công phát hiện các kịch sĩ Trần Quang, Tâm Phan...Năm 1973, ông có chân trong đoàn quay phim của chính quyền Sài Gòn ghi hình hội nghị Paris. Năm 1975, khi vợ chồng ông từ Pháp về, căn nhà họ ngụ tại Xóm Gà này còn tro bụi giữa bãi tha ma, nhưng họ vẫn trụ lại nơi đây với niềm tin vào cuộc sống mới...Sau đó ông công tác tại Hãng phim Giải phóng cho đến lúc nghỉ già, từng cộng tác làm nhiều phim được trao giải Bông sen bạc, từng dự liên hoan phim quốc tế tại CHDC Đức, Hà Lan.... Tài năng nhưng bất đắc chí, cũng bởi hai chữ mà nhà biên kịch Nguyễn Hồ dùng để gói gọn tính cách ông Trác trước khi đưa tôi đến giới thiệu với ông: “tiết tháo”. Nay cuối đời, số hươu không có, bảo hiểm các thứ càng không, nhưng tính khí xưa của những ngày ông căm cảnh mà dặt về một người điên làm khổ vợ con thì vẫn nguyên vẹn.

Ông Trác rất miễn cưỡng khi trao cho chúng tôi 17 cuốn thơ Bùi Giáng, dẫu biết nó là tài sản chung của công chúng yêu thơ, như món quà muộn mà bảy năm sau khi thi hào rời cõi người ta mới phát lộ. Bởi ông không muốn bất kỳ ai hiểu lầm chữ “duyên” mà ông tìm thấy cùng Bùi

Giáng trong quán rượu Thọ Nguyên năm ấy. Ông cũng từ chối mọi cơ hội được đền bù cho công lao gìn giữ những tập di cảo quý giá kia trong hơn mười lăm năm. Nhiều đêm, tôi lắng nghe tiếng gõ rao mì nay đã hỗn loạn vì cuộc mưu sinh thúc bách chứ không còn khoan thai đều đặn như nhịp phách ngày xưa trong tay những người đồng hương Quảng Nam của Bùi Giáng, rồi băn khoăn có phải thời đại của những con người không sống theo nhịp mưu sinh như thế đã vĩnh viễn qua đi?

L'homme révolté Albert Camus

Trích đoạn từ tác phẩm
Con người phản kháng
(L'homme révolté)
Dịch giả: Bùi Giáng

Sao gọi là một con người phản kháng? Một con người nói 'không'. Nhưng nó chối từ mà không khước bỏ. Nó khước bỏ mà không từ nan. Đó cũng là một con người nói 'vâng', một con người nói 'phải', kể từ khi khởi sự lên lời, kể từ lúc sơ đầu động đậy. Một kẻ nô lệ, suốt đời vốn cúi đầu nhận lĩnh mệnh lệnh, bỗng một sớm một chiều đột ngột bất khả chấp thuận một mệnh lệnh mới thêm vào, thêm nữa, thêm ra. Nội dung của tiếng 'không' nọ là gì ?

Nó có nghĩa, chẳng hạn, là 'sự vựng ngổn ngang kể từ khi gặp tới giờ đã kéo dài quá hạn', 'kể từ đó tới đây, vâng được, thêm vào ra nữa, không không', hoặc chẳng hạn là 'có một cái giới hạn mà các ngài sẽ không được phép vượt qua'. Nói tắt là, cái tiếng 'không' nọ xác định sự tồn tại của một biên thù. Cũng cái ý niệm về biên giới nọ là cái ta nhận thấy trở lại trong xúc cảm của kẻ phản kháng, nó cảm thấy rằng kẻ kia đùa dai, rỡ dẹo, kéo dài quá độ cuộc chịu chơi đau đớn, rằng kẻ kia đem cái quyền của mình dàn trải ra quá rộng, vượt quá một biên thù giới hạn, kể từ một mép bờ nọ thì một cái quyền khác sừng sững hiện ra đối diện với, và hạn định giùm, và hạn chế cho. Ấy vậy, cái cơn triều động của phản kháng nó tựa vào, cùng một lúc, tại nơi cái sự chối từ tuyệt đối không chấp nhận một sự xâm nhập lăng phạm được xét ra là vô khả dung thứ, bất khả khoan thuận, cùng một lúc tại niềm tin, chắc chắn tuy mơ hồ là: có một cái quyền thật sự, đúng hơn, cái cảm tưởng, tại nơi người phản kháng, là y 'có quyền làm cái nọ, y rất mực được quyền làm cái kia'. Tinh thần phản kháng đi song đôi dẫu đặt hàng hai, bước chân chữ bát, với cái cảm giác là chính mình, mình cũng, theo một lối nào đó, tại một góc nào đó, chính mình mình cũng có lý như ai. Chính tại chỗ đó mà gã nô lệ phản kháng đồng thời nói 'phải' nói 'không', vừa gặt đầu bảo 'có được như vậy', vừa lắc đầu bảo 'chẳng nên thế đâu'. Đồng thời y quyết đoán rằng: cái giới hạn có thật, và sự tồn tại của thầy thầy những gì y ngờ ngác đoán ra và muốn bảo tồn ở bên mép rìa này của giới hạn. Y minh chứng, một cách nằng nặc hãnh kiêu, rằng trong người y, có một cái gì đó 'rất đáng kể, rất đáng nên nhọc lòng lưu tâm...', cái đó yêu thỉnh các ngài phải lưu ý. Bằng một phương cách nào đó, y chống đối lại cái trật tự đè ép y, bằng một thứ quyền sống không bị đàn áp quá cái mức chịu đựng của y .

Đồng thời với cái cơn cuồng kháng lại kẻ xâm lăng tiếm vị đoạt phần, lại có một sự đề huề hào hiệp tham dự triệt để và tức-thì-thẳng-tấp của con người vào cuộc với cái phần nào đó của chính mình. Vậy là, một cách mặc nhiên, y đưa vào can thiệp trong cuộc, một phán quyết về giá trị, một cách thiết tha, không phải hồ đồ vô cố, cho đến nỗi y quyết bảo tồn nó suốt lộ trình duyệt lịch, và duy trì nó một cách thật o bế o bồng qua mọi hiểm họa trở cơn. Kể từ trước tới lúc bấy giờ, ít ra nữa, y cũng đã im lặng, phó mặc đời mình lay lắt theo niềm tuyệt vọng, và trong tuyệt vọng nọ, một trạng huống được chấp thuận, dẫu rằng y xét thấy trạng huống nọ bất

công. Im lặng là để cho thiên hạ nghĩ rằng mình chẳng xét đoán, chẳng mơ màng ước ao gì cả, và, quả thật, trong vài trường hợp, mình chẳng ao ước hoài mong gì hết. Niềm tuyệt vọng dậy triều, cũng như cái phi lý trở cơn, nó xét đoán hết thảy và ước mong hết thảy, một cách tổng quát, mà chẳng đoán xét ước ao gì cả một cách riêng tây (1). Sự im lặng diễn giải được thấu lẽ đó. Nhưng khởi từ cái lúc người nô lệ lên tiếng, dù lên tiếng nói không, là y đã ao ước và xét đoán. Kẻ phản kháng theo nghĩa nguyên sơ, là kẻ quay mặt trở lại. Trước đó y làm lùi bước đi dưới làn roi vi vút của chủ. Thì bây giờ, y quay bật trở lại, mặt đối mặt, nhìn nhau. Cái gì nên, cái gì không nên, y muốn cùng kẻ kia xét lại. Y đem cái phải chọi lại cái không phải. Mọi giá trị không nhất thiết lôi cuốn tinh thần phản kháng theo, nhưng mọi hành động phản kháng dậy triều đều bao hàm một giá trị, đều âm thầm viện dẫn một giá trị trên mặt đất thị phi. Thật có phải rằng ít ra đây cũng là vấn đề về một giá trị ?

Dù hỗn độn mơ hồ bao nhiêu chẳng nữa, từ tinh thần phản kháng một tâm thức nảy ra: cơn ý thức đột ngột chói sáng về một cái gì trong thân phận con người, và con người có thể tự đồng hóa vào đó, dầu chỉ một lúc thôi, một thời gian nào đó thôi. Sự đồng hóa kia, kể từ trước tới nay, chưa từng được cảm thụ, thể nghiệm thật sự. Tất cả những cưỡng thủ, những giật giật lặc tặc, bóc lột xảy ra từ trước phong trào bạo động nổi loạn, người nô lệ đã cúi đầu chịu đựng, y ngoan ngoãn chấp thuận hết mọi yêu sách. Lắm lúc y lại đã từng từng phục êm đềm những mệnh lệnh quỉ dị tức chết người đi được, còn mãnh liệt hơn cả cái mệnh lệnh xui y phản đối ngày nay. Trong thâm tâm có lẽ y đã chối bỏ hết, nhưng y đã nhẫn nại vô cùng bởi vì y đã nín câm, y đã im lặng, y đã bận tâm với chuyện hay dở trực tiếp hơn là ý thức về quyền lợi thật sự của mình. Nhưng khi nhẫn nại không còn, lúc bắt đầu cơn nóng lòng bực dọc, là khởi sự một trận phát động phong trào có thể tràn lan trên mọi sự việc đã từng được chấp thuận trước kia. Cơn phấn phát nọ thường luôn luôn có tính chất hồi tố. Người nô lệ, lúc khước từ trật tự đảo điên lằng nhục của chủ, đồng thời cũng khước từ luôn cả trạng huống nô lệ của mình (2). Cuộc phản kháng có tầm vóc rộng rãi, một phạm vi hiệu năng xa vời hơn là trong một sự chối từ thông thường. Nó vượt luôn cả cái giới hạn xưa kia đã được ổn định cho đối thủ, nó đòi hỏi được đối xử như kẻ đồng đẳng, ngang hàng. Những gì thoạt tiên chỉ là một cơn kháng cưỡng vô khả phân hóa của con người, bỗng trở thành đích thị con người trọn vẹn, con người tự đồng hóa mình với cơn kháng cưỡng kia và tự chung đúc mình trong đó. Cái phân vị của chính-con-người-mình mà kẻ nô lệ muốn người ta phải tôn trọng, phần đó được chàng ta đặt lên trên tất cả, hơn cả sinh mệnh nữa. Nó trở thành của quý tối thượng của chàng ta. Trước kia, chàng được đặt nằm đè huề trong một cuộc thỏa hiệp lai rai ba phải, bất thành linh chàng nô lệ lao đầu vào trong cơn một còn một mất, nhất chín nhì bù, còn thì còn với toàn khối diễm lệ càn khôn, mất thì xin phiêu bồng cùng càn khôn mất trụ. Tâm linh ý thức phát sinh cùng với cơn cưỡng kháng.

Nhưng người ta thấy đó đồng thời là ý thức về một cái toàn khối, tuy vẫn còn khá mơ hồ hàm hồ, và về một cái 'toàn không' báo hiệu trận hy sinh khả dĩ thực hiện được của con người đối với cái toàn khối nọ. Kẻ phản kháng muốn mình là toàn khối, muốn đồng hóa mình trọn vẹn vào cái của quý mà anh ta vừa đột ngột ý thức được và muốn rằng thứ của đó trong con người anh, phải được nhìn nhận và hoan nghênh và muốn mình là toàn không, nghĩa là hoàn toàn và vĩnh viễn bị lật nhào đòi phé bởi các lực lượng lung trao anh ta. Tới giới hạn cuối cùng, anh ta chấp nhận cuộc đòi phé cực chung kết liễu hết mọi thị phi, ấy là cái chết, nếu như thân phận anh đảo cùng phải chịu thiếu vắng cái sự chuẩn nhận cung hiến, bất khả phân hóa, mà anh sẽ gọi bằng danh từ, chẳng hạn tự do. Thà chết đứng giữa trận tiền hơn là sống trong quy lụy.

Theo những tác giả đảng hoàng, giá trị thường biểu hiện một bước băng qua từ sự kiện tới quyền lợi, từ cái được mong muốn tới cái đáng mong (nói chung: qua sự trung gian của cái được thói thường mong muốn) (3). Trong tinh thần phản kháng, như ta đã thấy, cái bước băng tới quyền lợi đã hiển nhiên. Cũng vậy, cái bước đi từ 'đáng lẽ phải nên như thế' tới 'tôi muốn

rằng sự đó phải được thực hiện là thế'. Nhưng còn hơn nữa, có lẽ, ấy là cái quan niệm của cá nhân tự vượt mình, bước vào trong một cõi đẹp tốt chung cho cô bác từ đó về sau. Hoặc Tất Cả hoặc Số Không, hoặc được Toàn Bộ, hoặc mất Toàn Sòng, cái tia lửa nảy vọt đó cho thấy rõ: trái với ý kiến thông thường, và mặc dù là nảy sinh từ những gì có tính cách cá biệt nhất trong con người ta, tinh thần phản kháng lại đem ngay cả cái quan niệm về cá nhân ra mà làm nên vấn đề để tư lự. Thật vậy, nếu cá nhân chịu liều thân, và gặp cơ hội thì chịu chết, chết trong niềm rạo rạo phản kháng, điều đó cho thấy y hy sinh thân mình vì một lợi ích tốt đẹp, vì một cõi phúc hảo bao la, ở ngoài vòng định mệnh cá nhân mình. Nếu chàng chịu chết để bảo vệ cái quyền lợi nọ, nếu chàng thà chịu nát thân hơn là sống để thấy quyền lợi, lợi ích phúc hảo nọ bị hủy diệt, ấy là chàng đã đặt lợi ích lượng hảo ở bên trên cuộc đời mình, chàng đã coi trọng nó hơn đời sống mình. Thế nên chàng hành động là nhân danh một cái gì. Nhân danh một giá trị? Một nội dung thanh hảo thanh hà? Còn bối rối mơ hồ, nhưng ít ra chàng cũng linh cảm rằng cái cõi đó là cõi chung cho chàng đi về cùng thiên hạ thượng hằng nói mộng chung đôi. Ta thấy rằng niềm quyết đoán mạnh mẽ, bao hàm trong mọi hành động phản kháng, quả thật là dàn trải rộng ra tới một cái gì tràn ngập xô vỡ cá nhân chính trong hạn độ nào mà lỗi xốc cá nhân ra ngoài niềm cô độc giả định, và cấp cho cá nhân một lý do để hành động theo tiết điệu động hành. Nhưng đã cần phải nhận xét ngay rằng cái nội dung giá trị vốn tiên tại, vốn có sẵn từ trước khi mọi hành động hiện ra, giá trị đó chối từ những triết học thuần đơn lịch sử, trong những triết học này thì giá trị được chinh phục (nếu nó có thể được chinh phục) ở cuối đường hành động. Cuộc phân tích tinh thần phản kháng ít ra cũng dẫn ta tới chỗ bàng hoàng đăm chiêu nhưng chừng rằng quả thật có một bản tính nhân loại bẩm sinh theo như người Hy-Lạp xưa đã nghĩ, và trái hẳn lại những định tắc của tư tưởng thời nay. Thật vậy, nếu không có một cái gì trường tại cần được bảo tồn ở trong mình, thì còn nhọc công phản kháng làm gì cho mệt xác. Người nô lệ đứng lên phản kháng ấy là phản kháng vì mọi kiếp người trong một lúc, khi gã nhận thấy rằng: do trật tự nào, do tổ chức xã hội nào, một cái gì thiết cốt trong con người của gã bị chối bỏ, một cái gì trong con người của gã nhưng không phải chỉ riêng của gã, mà chính là một cõi chung cho mọi người về sum họp, kể cả cái kẻ đang chửi rủa, áp bức gã (4).

Hai nhận xét sẽ phù dục, tán trợ cho lập luận kia. Trước tiên, ta sẽ ghi nhận rằng cơn phát động phản kháng, trong tinh thần của nó, vốn không phải là một cơn náo động vị kỷ. Hẳn nhiên là có những quyết định vị kỷ. Nhưng con người ta đứng lên phản kháng chống hồ ngôn loạn ngữ cũng như chống lại sức đàn áp cưỡng bức. Và chẳng, kể từ những quyết định kia, và kể từ trong thâm để cơn phần khích, kể phản kháng không dự phóng gì hết cho mình, bởi vì gã đã trăm nghìn đổ hết vào một cuộc, muôn vạn trút hết vào một trận một phen, tử sinh liều giữa trận tiền, dạn dày cho biết gan liền dấy lên. Hẳn nhiên là y có đòi hỏi sự tôn trọng cho riêng mình, nhưng cũng là trong hạn độ nào mà cái mình của gã đã được đồng hóa vào trong cái mình của khắp mặt bà con trong một cõi thuần nhiên hảo hợp.

Sau nữa, ta hãy nhận xét rằng tinh thần phản kháng không nhất thiết chỉ nảy nở tại nơi kẻ bị áp bức thôi mà còn có thể nảy ra trước cái cảnh tượng áp bức mà kẻ khác phải chịu làm nạn nhân. Vậy trong trường hợp đó, có sự đồng hóa giữa kẻ này với kẻ kia. Và cần phải xác định ngay rằng đó không phải là một trận đồng hóa tâm lý, một chuyển-hoàn-thuật do đó cá nhân cảm thấy bằng tưởng tượng rằng chính mình là kẻ chịu cuộc lẳng nhục. Không phải vậy. Trái lại, rất có thể rằng con người ta không thể chịu đựng nổi lúc nhìn kẻ khác phải chịu những lẳng nhục mà chính mình từng đã chịu với một tâm hồn thanh bình, không phản kháng, không phân bua. Tinh thần dấy động hoẵng viễn nọ được biểu dương rạng rỡ trong những cuộc tự tử phản kháng của những người thuộc bạo-chính-đảng Nga, lúc họ nhìn bạn hữu của mình bị đánh đập. Đó cũng không phải là ý thức về quyền lợi chung của nhóm. Thật vậy, chúng ta có thể cảm thấy tức tối lúc nhìn những bất công vô lý trút lên đầu những kẻ mà ta vốn coi là địch thủ của mình. Vấn đề chỉ là: đồng hóa trong định mệnh, chung chìm chung nổi trong thân phận con người, kết hợp trong con thuyền phiêu dạt long đong. Riêng cá nhân thôi, không phải là cái giá trị mà cá

nhân muốn bảo tồn bảo vệ. Ít ra phải là toàn thể mọi người mới làm nên cái giá trị vô giá kia. Trong tinh thần phản kháng, con người tự vượt mình để đạt tới kẻ kia, cập bờ thiên hạ, cập bến nhân gian, và từ quan điểm đó mà xét đi, thì sự đoàn kết của loài người quả thật mang tính chất hình nhi thượng, và nó sắp bước vào cõi miền càn khôn vũ trụ để thọ trì tồn lưu. Giờ đây, một cách đơn sơ, ta chỉ nói tới loại đoàn kết phát sinh từ trong những xích xiềng triền phược.

ALBERT CAMUS

Bùi Giáng dịch

(1) Désespoir Camus dùng tại đây quả thật trong tinh thể nó không hề giống chút gì với niềm tuyệt vọng theo thói thường quan niệm. Désespoir nghĩa là xa rời hết mọi ước ao trên bình diện hoạt sinh náo nức. Nằm trong cơn sầu trăm năm dâu biển nghe trần ai tịch mịch đi về đối thoại với Thái Hư Chân Như trong cái Đêm Trong Suốt của Khắc Khoải Hư Không Thanh Bình (dans la nuit claire du Néant de l'Angoisse - in der hellen Nacth des Nichts der Angst), viết Tân Thanh trong không khí Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh. Vua quan triều Nguyễn không hiểu chỗ đó nên vô tình quở trách, đày đọa Tố Như một cách chẳng đâu vào đâu hết. Họ lấy cái lòng tiểu nhân mà ước độ cái lượng kẻ anh hùng. Tại đây, giải thích désespoir theo lối nọ, bằng tinh thần siêu đẳng chịu chơi, Camus ngầm bảo người trường giả rằng: rất có thể sự khuất phục tuyệt đối vô hy vọng của người nô lệ nằm bên mép tư lừng trong cõi tư tưởng của Thánh Nhân (chú thích của BG).

(2) Cet élan est presque toujours rétroactif. L'esclave à l'instant qu'il rejette l'ordre humiliant de son supérieur, rejette en même temps l'état d'esclave lui-même.

(3) Lalande - Vocabulaire philosophique (chú thích của Camus).

(4) Cõi chung hảo hợp thanh hà của những nạn nhân cũng chính là cõi chung giao nối nạn nhân với đao phủ. Nhưng đao phủ lại không biết điều đó. (Có lẽ đao phủ chỉ ý thức được điều đó lúc mê cung tồn hoạt chuyển thêm một nhịp quay nữa, và đẩy đao phủ tới phiên mình phải làm nạn nhân. Và khi đó mọi sự đã lờ làng) (chú thích của BG).

Bùi Giáng và những chuyện chưa kể Thích Chơn Nguyên

Sau năm 1975, anh Bùi Giáng về ở chung với chúng tôi trong nội xá Viện Đại học Vạn Hạnh cũ (222 Trương Minh Giảng, nay là Lê Văn Sĩ). Vào thời điểm này, Đại học Vạn Hạnh không còn hoạt động nên nội xá chỉ còn một số ít người ở lại với hòa thượng Thích Minh Châu. Chúng tôi quản lí chung, chú Chơn Thuần đi chợ và làm thị giả cho hòa thượng Viện trưởng, anh Trần Châu phụ trách an ninh, anh Bùi Giáng thì nhận nhiệm vụ đi mua lương thực.

Vào thời đó, mỗi hộ đều có một cuốn sổ lương thực. Anh Bùi Giáng giữ sổ cẩn thận và đảm trách công việc đi mua lương thực rất chu đáo. Trong khoảng thời gian ở chung, anh chưa một lần bỏ công việc. Chỉ khi nào hợp tác xã bán khoai sắn hay những loại lương thực giả rẻ, anh mới mua về rồi mang phân phát cho những người nghèo. Nhiều khi thấy anh vác những bao gạo 10kg hay 20kg lên cầu thang, chúng tôi ái ngại, xuống vác giùm, nhưng anh không chịu. Cứ mỗi lần buông bao gạo trên vai xuống, dường như anh vui hơn, khỏe hơn và tỉnh táo vô cùng, lạ thật!

Anh Giáng rất thương người. Nhiều lần anh xin chúng tôi tiền, đi rảo quanh chợ, cho những

người nghèo khó mà anh đã theo dõi và biết rõ về hoàn cảnh khó khăn của họ. Có lần anh muốn giúp người nào đó quá khó khăn túng thiếu với số tiền nhiều nhưng không dám xin tiền chúng tôi, nên anh vào phòng gom quần áo, sách vở của chúng tôi đi bán ở đâu không biết. Hai ba ngày sau mới về, như một người biết lỗi, anh len lén vào phòng, ngồi im trong một góc giường. Nhìn thấy bộ dạng của anh, chúng tôi không còn giận nữa, nhưng vẫn làm nghiêm hỏi:

- Anh lấy quần áo sách vở của tôi phải không?

- Phải!

- Để làm gì?

- Giúp người!

- Tại sao anh lấy đồ vật của người ta mà còn kỳ thị địa phương?

Anh ngạc nhiên hỏi lại:

- Cái gì?

- Áo quần, sách vở của chúng tôi để chung với anh Châu. Anh Châu đồng hương Quảng Nam với anh, nên anh chỉ lấy quần áo sách vở của chúng tôi, còn của anh Châu thì anh không lấy thứ gì cả, kỳ thị địa phương chứ gì nữa?

Anh phì cười:

- Không phải đồng hương đồng khó gì cả, chỉ vì thằng Châu sinh viên nghèo, lấy của nó tội!

Rồi sau đó, viện đại học Vạn Hạnh được sử dụng làm Trường Đại học Sư Phạm, chúng tôi dời về 716 Nguyễn Kiệm, quận Phú Nhuận. Khi về nơi đây, anh Giáng không về theo. Anh đi đâu không rõ. Hơn nửa năm sau, anh mới trở lại. Anh lặng lẽ đi vào phòng chúng tôi, đặt lên bàn một nải chuối chín vàng rất đẹp và một lá thư rồi lặng lẽ đi như đã đến. Chúng tôi xúc động vì lâu ngày mới gặp lại anh và ngạc nhiên vì cử chỉ khác thường của anh. Chúng tôi trân trọng đặt nải chuối lên cúng Phật và cầm lá thư đọc:

“ Ngã hữu thốn tâm vô dự ngữ,

Hồng Sơn, sơn hạ Quế giang thâm...”

Không biết hai câu thơ này do chính anh làm hay trích dẫn của ai, nhưng đọc xong chúng tôi lặng cả người vì tình cảm nồng hậu của anh.

“ Ta có tác lòng chưa ngỡ được

Dưới chân núi Hồng, sông Quế mãi sâu!”

Sau đó, anh thường xuyên lui tới với chúng tôi, nhiều khi ở đây đến hai ba tháng liên tục, rồi đi đâu đó nửa tháng mới trở lại.

Một lần, anh trở về với tiếng chó sủa, tiếng kêu inh ỏi của bầy chó, anh gọi chúng tôi ra ngồi dưới gốc cây hoa hậu nói chuyện. Anh cho biết, anh mới từ Long An về sáng nay, ghé chợ nhỏ Phú Nhuận, nhâm nhi cốc nhỏ cho ấm bụng. Nhưng nghe tiếng kêu của bầy chó và bộ dạng quen thuộc của anh, lũ nhỏ bán bánh kẹo quanh chợ liền tụ tập quanh anh khá đông. Anh đọc thơ, nói đủ thứ chuyện cho bọn trẻ nghe. Chúng mãi mê theo anh nên quên cả bán buôn. Thấy trưa rồi, anh mới nói:

- Trong tụi bây, đứa nào làm được hai câu thơ thật hay, tao sẽ mua toàn bộ bánh kẹo, nếu không được thì tất cả phải đi bán nghe chưa?

Sau một hồi, có đứa nháy ra trước mặt anh và nói:

- Thật không bác?

Rồi chẳng cần anh trả lời, nó ứng khẩu đọc liền:

- Sáng nay bán ế quá chừng,

Vì nghe bác Giáng nói khùng, quên đi!

Thế là bao nhiêu tiền trong túi, anh đem cho hết bọn trẻ.

Mỗi lần hết tiền, anh thường tìm đến chúng tôi và lần này... kể xong chuyện, anh tặng chúng tôi

hai câu thơ:

“Đến thăm sư phụ Chơn Nguyên
Trẫm từ vô tận ưu phiền tái lai...”

Sau khi trả tiền cho anh trả tiền rượu và tiền xích lô, chúng tôi gửi tặng lại anh hai câu thơ:

“Nghe tin sư phụ thờ dài
Đến đây Bùi Giáng đòi hoài tiền xe!”

Anh Bùi Giáng gọi chúng tôi với đủ danh xưng, như trong tờ giấy chép thơ tặng chúng tôi, anh ghi:

Kính gửi Sư phụ, Đồng chí, Đại ca Thích Chơn Nguyên:
Anh vẫn tưởng đầu đường thương xá chợ,
Có ai ngờ xá chợ cũng thương nhau...

Một hôm, có người rủ anh về lục tỉnh chơi, anh mãi vui dưới đó hơn ba tháng mới trở lại, chắc là nhớ Thiền viện Vạn Hạnh lắm, nên mới sáng tinh mơ, anh đã đến Viện để trao tờ giấy:

Kính gửi Thầy Minh Châu, Thầy Chơn Thiện, Thầy Chơn Nguyên,
Kính dâng Vạn Hạnh một tờ,
Kể từ vô tận bất ngờ tái lai!

Chuyến đi anh quá phung phí sức nên đến Viện vài hôm, anh ngã bệnh. Chúng tôi săn sóc và tắm rửa cho anh cả tháng mới hồi phục – vừa khỏe xong là anh lại đi. Trước khi đi, anh để lại bài thơ:

Thầy vui như thể thiên thần,
Con buồn như thể tuyết trần bấy nay
Thầy vui Vạn Hạnh bấy chầy,
Con buồn chết đứng giữa ngày phù du!

Sau đó, vắng anh một thời gian khá lâu, mới biết anh về ở với người cháu sau lưng chùa Liên Ứng. Chúng tôi đến thăm anh vào một đêm rằm, trăng đổ đầy khu vườn anh ở, mới gặp nhau chưa kịp mừng, anh hỏi như kẻ lạ:

- Đi đâu đó?

- Vì hoa nên phải đánh đường tìm hoa!

Câu trả lời làm anh vui, phấn khởi như ngày tháng quen cũ. Anh đọc đủ loại thơ, với nhiều giọng, kể cả giọng “Quảng Nôm” của anh.

Trước khi ra về, anh đưa chúng tôi một bài thơ của Lý Bạch, anh nói; Bài thơ này có tư tưởng gần với giáo lý nhà Phật, về dịch xong, đưa lại anh xem. Nghe anh nói, tôi ngại, đâu dám múa may trước một người cao vời vợi về thơ ca cũng như chữ nghĩa – hơn nữa chúng tôi chưa làm việc này một cách nghiêm túc. Thỉnh thoảng, chúng tôi cũng có dịch Thơ Đường nhưng bài nào thích thì dịch, rồi đọc cho bạn bè nghe cho vui mà thôi. Hôm nay, anh lại nhờ, nhờ một cách trân trọng, vì thế chúng tôi không thể từ chối.

Bài thơ của Lý Bạch như sau:

Nghĩ cổ

Sanh giả vi quá khách / Tử giả vi quy nhân
Thiên địa nhất nghịch lý / Đồng bi vạn cổ trần,
Nguyệt thổ không đảo đợc / Phù tang dĩ thành tân

Bạch cốt tịch vô ngôn / Thanh tùng khởi tri xuân
Tiền hậu cánh than túc / Phù vinh hà túc trần

Đọc xong nguyên tác, chúng tôi ngại việc dịch thuật không chuyên chở hết ý của bài thơ, nhưng nặng tình với anh, chúng tôi đem về dịch:

Theo dấu chân xưa

Sống là như khách qua đường, / Chết là trở lại quê hương của mình
Đất trời quán trọ mộng mênh / Nghìn năm cát bụi tâm tình đón đau
Thời gian có đợi ai đâu / Dầu xanh hôm trước nay màu củi khô
Ngõ ngang xương trắng ngần ngọc / Hàng tùng xanh thắm đầu ngõ xuân sang
Trước sau là tiếng thở than / Cuộc đời hư huyền giàu sang làm gì?

Gởi anh bài thơ dịch. Chưa gặp lại anh để nghe ý kiến, thế mà anh đã không còn nữa. Nhưng biết đâu, việc dang dở này là cái cớ để anh thêm lần nữa: “Ngã hữu thốn tâm vô dự ngữ...”.

Phải không anh Bùi Giáng?

Ngày tháng ngao du Trần Đình Thu (xem Bùi Giáng – P2 - B)

Năm 1970, Bùi Giáng được các bác sĩ ở Bệnh viện Tâm thần Biên Hòa cho xuất viện. Ngay trong năm đó, ông đã in hai cuốn sách là *Biển Đông xe cát* và *Mùa thu trong thi ca*. Qua năm 1971 ông in *Ngày tháng ngao du*. Lúc này ông cũng đã bắt đầu ngao du thực sự trên khắp những nẻo đường Sài thành chứ không chỉ ngao du trong các trang sách.

Phạm Xuân Đài một người gần gũi với Bùi Giáng kể: "Bây giờ anh ít làm thơ lắm, còn các cơn điên thì viếng anh gần như định kỳ. Những lúc ấy anh đi nhiều nơi, nhưng thường xuất hiện vùng chợ Trương Minh Giảng, chỗ Đại học Vạn Hạnh là nơi ngày xưa anh từng trú ngụ, đứng giữa đường vung tay điều khiển xe cộ, cử chỉ rất linh động, đặc biệt đôi mắt sáng quắc bùng bùng. Anh đang thể hiện một năng lực nào đấy đang đầy ắp trong người anh. Có khi anh múa may trong một lớp áo lờ lợt, động tác mạnh mẽ chính xác gần như múa võ, miệng hò hét như đang nạt nộ với một đối tượng vô hình đang hiện diện ngay trước mặt mình. Đêm khuya một hai giờ sáng người ta nghe thấy một người đi vừa tranh luận với chính mình, lời lẽ khó hiểu, thì ai nấy đều biết đó là Bùi Giáng".

Năm 1972 ông in khá nhiều sách: *Đường đi trong rừng*, *Lời cổ quận*, *Lễ hội tháng ba*, *Con đường ngã ba - Bước đi của tư tưởng*. Năm 1973 in *Bài ca quần đảo*, *Hoàng tử Bé*. Năm 1974 in *Mùi hương xuân sắc*.

Khi không làm gì, ông lại ngao du nhiều hơn. Một người quen biết khác với Bùi Giáng, ông Nguyễn Văn Thức kể lại như sau: "Có một lần gặp một người bạn, người bạn đó đã nói với tôi: Bùi Giáng dạo này điên lắm. Tôi bán tín bán nghi tự hỏi không biết có thật không". Nhưng một hôm, Nguyễn Văn Thức đã tận mắt chứng kiến những gì xảy ra trước mắt mình, mới tin lời người bạn nói lúc trước: "Một ông lão ăn mặc thời thượng đang nhảy múa trên đường Duy Tân, nay là đường Phạm Ngọc Thạch. Quần áo lếch thếch, dơ dáy, màu sắc lung tung. Tay cầm một ống sáo, đầu đội khăn có cắm lông gà lua tua. Râu ria xồm xoàm. Ông sáo trên đầu bịt một chiếc bong bóng đỏ, mỗi lần thổi bung lên tốp xuống, không phát ra một thứ âm thanh nào. Đang từ ở một mé đường ông lại chạy tông ra giữa đường nhảy múa. Chiếc bong bóng cứ liên

tiếp phùng ra tốp vào. Lũ trẻ chạy theo bu quanh hò reo thích chí. Cứ thế ông diễu hành dọc theo đường Duy Tân lên đường Hiền Vương, nay là đường Võ Thị Sáu. Đám trẻ cứ bu theo ông chọc ghẹo. Ông rượt đuổi chúng chửi rửa thậm tệ và miệng lảm nhảm những gì không ai hiểu nổi. Đứng ngoài nhìn ông diễu hành, tôi thấy cảm cảnh nên đã trờ xe đến gần gọi ông, nhưng ông không hề nghe vẫn tiếp tục nhảy múa. Vài đứa trẻ nhìn tôi lấy làm lạ. Tôi tiếp tục gọi ông. Lần này ông quay lại nhìn và nhận ra tôi rồi nhờ tôi chờ đến nhà Đình Cường. Khi ngồi ở sau xe tôi, Bùi Giáng trở nên hiền khô. Tôi thấy hai đòn bánh treo tròn teng ở cổ kỳ kỳ. Bùi Giáng hiểu và cho tôi hay là mẹ Trịnh Công Sơn vừa mới cho".

Và đây là một cảnh tượng khác xảy ra trên đường phố Sài Thành mà "diễn viên chính" không ai khác hơn ngoài thi sĩ của chúng ta: "Bùi Giáng nhảy múa trước Bệnh viện Nhân Dân Gia Định đường Nơ Trang Long quận Bình Thạnh. Ông cầm một cây đu đủ khô queo dài cỡ hơn hai mét. Lúc nào cũng vung cây đu đủ lên nhảy múa, quần áo vẫn lòi thối, chằng vá đờn kếp, màu sắc linh tinh. Đám trẻ con, người lớn bu vào. Giữa đám đông ấy tôi đến gần Bùi Giáng, vỗ vai ông: Nhảy múa gì mãi vậy, ông? Nghe hỏi, ông quay phắt lại phía tôi, nhếch cặp mắt trắng dã, dữ tợn với dáng vẻ thù thế. Tôi mỉm cười cầu hòa. Khi nhận ra tôi - vẫn một tên trung niên ông đã từng gặp: À, mày, mày cho tao về xóm gà đi. Vào nhà tao chơi. Không cần gì phản ứng của tôi, ông nhảy phóc lên yên sau xe đạp. Lúc này xe gắn máy của tôi đã mất nên chờ ông rất khó khăn, vả lại trên tay ông đang cầm một cây đu đủ dài hơn hai mét. Bùi Giáng và tôi đang là trò cười cho đám đông. Tôi nói là bận không thể chờ được. Ông nói như phán: Cứ đi đi, chờ cây này về dùm tao. Bùi Giáng cứ gác gốc cây đu đủ lên tay lái xe đạp, ngọn thì ông đặt lên vai. Ông lại phán: Đi mày! Giây phút này tôi bỗng trở nên một gã hề, rất hề. Giá ông đọc vài câu thơ Pháp lên giọng rồi xuống giọng thì tuyệt. Nhất định là một sân khấu ngoài trời. Hình ảnh này tôi đã gặp nhiều lần ở quán cà phê Huy Tường. Tôi cố sức đạp đi mà không nổi, vì linh kính quá. Vài người trong đám đông đề nghị, đi xích lô thôi. Tôi đồng ý ngay. Bùi Giáng thì lưỡng lự. Nhưng trời xui đất khiến ông cũng nháy xuống. Tôi đưa ông ít tiền để ông đi xe, nhưng ông chỉ lấy một nửa trước sự ngạc nhiên của tôi và nhiều người..."

Nói về chuyện ngao du của Bùi Giáng, Phạm Xuân Đài kinh ngạc: "Cái ông già gầy gò ngoài sáu mươi ấy lấy đâu ra sức lực để trải qua các cơn điên dữ dội của mình? Đây là một điều bí ẩn. Đi lang thang hàng chục cây số bất kể nắng mưa, múa may la hét suốt mấy ngày liền, kể lực sĩ chưa chắc đã làm được".

Gặp Bùi Giáng tháng 05/1975

Tôi đã gặp Bùi Giáng nhiều lần trên trang sách trước khi thực sự được gặp ông. Cơ may ấy có được chính là nhờ tôi đi chiến trường. Chứ nếu cứ ở Hà Nội, thì chắc mãi sau ngày giải phóng tôi mới đọc được Bùi Giáng.

Hồi chiến tranh, sách vở của miền Nam ra được Hà Nội rất ít. Nhưng ở chiến trường, tôi lại có điều kiện đọc rất nhiều sách xuất bản ở Sài Gòn từ tủ sách của ông Nguyễn Văn Linh chủ trương sắm cho Ban tuyên huấn Trung ương cục R (TWC/R). Tôi có người bạn làm "thủ thư" của tủ sách ấy, vì vậy không chỉ được đọc thơ Bùi Giáng, tôi còn được đọc nhiều tác phẩm của A.Camus và Saint-Exupery mà ông dịch.

Tôi không thuộc số người làm thơ chịu ảnh hưởng Bùi Giáng - số này tôi biết khá đông - nhưng tôi chịu lỗi làm thơ ngẫu hứng của Bùi Giáng. Nó rất gần với "thơ tự động" của phương Tây, nhưng lại đặc Việt Nam, vì đó thường là thơ lục bát. Lục bát thì không thể là thơ... Tây được rồi! Bùi Giáng chơi với thơ lục bát như kiểu trẻ con chơi với những con giống hay những mẫu gỗ nhỏ - chơi trò xếp đặt.

Những câu lục bát bất thần của ông có thể khiến ta phải giật mình. Không biết Mưa nguồn có phải là tập thơ đầu tay của Bùi Giáng không, nhưng tôi đã đọc trong đó những câu thơ tinh khiết, những câu thơ tự nguồn mà thường ở những tập thơ đầu tay - như một mối tình đầu - nhà thơ có được một cách hoàn toàn không cố gắng, thậm chí không ý thức.

Ngày còn ở chiến trường, tôi đã biết Bùi Giáng rất mê thơ Huy Cận do đọc những lời "tán" đầy đam mê của ông về thơ Huy Cận.

Tôi không ngờ, tháng 5/1975, khi vào Sài Gòn và tình cờ được gặp Bùi Giáng, thì chính ông đã đưa thơ Huy Cận ra đọc tôi.

Đạo đó mới giải phóng, người ta thì bận năm bận mười, còn đám phóng viên binh vận chúng tôi thì... thất nghiệp. Chiến tranh đã kết thúc, chúng tôi cũng không còn "đối tượng" để tuyên truyền nữa. Vậy là suốt ngày tôi lang thang la cà ngoài đường, mê mẩn với những "quầy sách dã chiến" trên các con phố lớn của Sài Gòn.

Một buổi tối, anh Hoàng Liên - một cây bút sắc sảo của "đội ngũ tuyên truyền binh vận" chúng tôi - xuất thân từ một ký giả Sài Gòn - mời mấy anh em chúng tôi đến nhà anh uống rượu mừng sum họp. Tôi nhớ nhà anh Hai Hoàng ở một con hẻm thuộc khu Nguyễn Thông - Hòa Hưng gì đó, nhà cũng khiêm nhường thôi. Anh Hoàng Liên là người Quảng Nam, trước khi vào chiến khu hình như khá thân với nhà văn Vũ Hạnh.

Dĩ nhiên anh cũng là đồng hương của Bùi Giáng thi sĩ, nhưng tiệc rượu hôm đó thì chỉ Vũ Hạnh, nhà láng giềng, lại là "dân công tác thành" - tức "VC nằm vùng" là được mời. Thủ trưởng của chúng tôi hôm ấy cũng có mặt, và tỏ ra hứng khởi. Thì lúc ấy ai mà chẳng hứng khởi: chiến tranh đã chấm dứt, gia đình sum họp, "Miền Nam nhận họ" cơ mà! Chúng tôi và nhà văn Vũ Hạnh vừa uống rượu vừa nói với nhau nhiều chuyện một cách từ tốn và giữ lễ.

Anh Vũ Hạnh thì tôi đã biết tiếng và đã đọc nhiều trước đó, biết cả anh là "Việt Cộng nằm vùng" do đọc báo Sài Gòn. Có lẽ do mới giải phóng, người ở rừng và người ở thành lần đầu gặp nhau hay sao đó mà anh Vũ Hạnh có vẻ dè dặt. Chúng tôi thì vô tư, cứ uống và nói to, vui vẻ thoải mái.

Bỗng cửa nhà anh Hai Hoàng mở toang, và một vị khách bất ngờ xuất hiện. Một người râu tóc tung bay, già thì không hẳn vì dáng đi còn phong độ lắm, mà trẻ thì không phải do có rất nhiều... râu (!). Anh Vũ Hạnh nhỏ nhẹ giới thiệu: "Anh Bùi Giáng, nhà thơ".

Tôi nhớ, hình như lúc ấy Bùi tiên sinh đang quẩy trên vai cái gì đó, trông nửa như Bò Đè Đạt Ma, nửa như... bác hành khất. Bùi tiên sinh không đợi mời, ông ngồi luôn xuống sàn nhà cùng chúng tôi, và... đọc thơ.

Không phải thơ ông, tôi nhớ, mà hình như là thơ Huy Cận. Đọc thơ và nói huyền thuyên, rất vui, chẳng giữ ý hay để ý đến bất cứ thứ gì. Anh Vũ Hạnh có vẻ hơi ngại, nhất là khi có mặt vị thủ trưởng của chúng tôi. Nhưng Bùi Giáng thì chẳng ngại ngần. Ông cũng nâng ly, uống một chút rượu cho vui, và nhắm với món... nói.

Thấy trong chiếu rượu chỉ có tôi là còn trẻ và tôi tỏ ra phấn khởi khi gặp ông, Bùi tiên sinh quay sang bắt chuyện với tôi. Ông nói như Hoàng Liên đây thì ông tin là VC, vì nhà Hoàng Liên nghèo. Còn Vũ Hạnh, ông không tin, vì Vũ Hạnh có nhà ba hay bốn lầu gì đó! Anh Hoàng Liên phải thanh minh cho khách là nhà văn Vũ Hạnh có được ngôi nhà này do nuôi chim cú chứ không phải làm áp-phe hay bóc lột ai.

Bùi Giáng cười khà khà và chuyển sang... đọc thơ. Dĩ nhiên không phải đọc thủ trưởng của tôi vì thủ trưởng hơi nghiêm và có vẻ không hưởng ứng lắm. Bùi Giáng bèn đọc tôi. Ông đọc mỗi lần mấy câu thơ và hỏi tôi có biết thơ của ai không? Có đoạn tôi biết là thơ Huy Cận, có đoạn tôi không biết.

Tất cả đều là thơ Huy Cận. Bùi tiên sinh chê tôi, ông không hiểu tại sao một người trẻ được giới thiệu là "nhà thơ" như tôi mà không thuộc hết thơ Huy Cận (?).

Đúng là tôi dở, nhưng tôi cãi cố với Bùi tiên sinh là tôi chưa thuộc chứ không hẳn là không thuộc. Chưa thuộc vì tôi chưa có điều kiện đọc hết thơ Huy Cận, chứ nếu đã đọc thì có khi cũng thuộc (?).

Tôi nói lấy được chứ thuộc thơ vốn là điểm yếu nhất của tôi. Ngay thơ mình tôi cũng không thuộc, nói gì đến thơ người! Bùi tiên sinh có vẻ rất vui, ông nói đủ chuyện mà giờ tôi cũng không nhớ là những chuyện gì.

Tất nhiên với Bùi Giáng thì không có "vùng cấm" trong những câu chuyện không đầu không đuôi như thế. Do đó thủ trưởng của tôi có vẻ không hài lòng. Ông không nói gì, nhưng tôi và anh Hai Hoàng đều biết.

Thủ trưởng của tôi dĩ nhiên không biết Bùi Giáng là ai, có những đặc điểm gì, lại mới giải phóng, tình hình Sài Gòn chưa ổn định, nên ông cảnh giác là chuyện không khó hiểu.

Nhưng với Bùi Giáng, đó cũng không là trở ngại gì lớn! Ông vẫn nói, vẫn vui, vẫn hoa chân múa tay như ở chỗ không người. Và ông chuyển sang... coi bói. Cho tôi.

Gặp Bùi Giáng ở Paris

Trong bài thơ Vùng (Zone) nổi tiếng, G. Apollinaire, có lẽ nhìn từ tháp Eiffel đã thấy những cây cầu bắc qua sông Seine như một bầy cừu "kêu be be sáng nay". Nếu thay vì bầy cừu là bầy dê, thay nàng chăn cừu là chàng chăn dê, lại thấy tháp thoáng hình bóng một Bùi Giáng nơi thượng nguồn con sông Thu Bồn đang chặn những đám mây trên mặt nước sông vào buổi sáng mùa thu nào đó.

Là người dịch rất nhiều tác phẩm trứ danh của văn học Pháp, nhưng hình như Bùi Giáng chưa có dịp đi Paris. Vậy mà tôi đã... gặp ông ở ngay kinh đô Ánh sáng này. Cuối năm 2003, tôi sang Paris dự Festival Thơ quốc tế, và khi có dịp ghé quán Foyer Viet Nam ở số 80 phố Monge quận 5 (khu Latin), người tôi gặp đầu tiên ở đây là... Bùi Giáng! Đúng hơn, là tôi đã gặp một bức chân dung Bùi Giáng vẽ bằng bút sắt. Nét vẽ rất có thần. Lại đôi mắt sáng quắc nhìn tận đâu đâu. Lại vẻ mặt hồn hậu của một lão nông xứ Quảng Nam đang mơ màng như nhớ lại câu thơ tuyệt vời của Apollinaire: *Bergere ô tour Eiffel le troupeau des ponts bêle ce martin* (Ồ tháp Eiffel nàng chăn cừu bầy cầu be be sáng nay - bản dịch của Hoàng Hưng).

Tôi hỏi nhà thơ Võ Văn Thận - người phụ trách Foyer VN - và được biết bức chân dung Bùi Giáng là của họa sĩ Trần Văn Liêm - một người rất hâm mộ Bùi tiên sinh ở Paris. Mà không chỉ họa sĩ Liêm, khi Võ Văn Thận tặng tôi tập thơ mới của anh Bàn chân dưới đất, tôi cũng đã đọc trong những câu thơ của người xa xứ này rất nhiều hơi hương Bùi Giáng. Anh Thận cũng là người hâm mộ, và có lẽ hơn cả hâm mộ, yêu quý Bùi Giáng.

Đi lang thang giữa những phố cổ của Paris, thỉnh thoảng tôi lại gặp những người già chánh hiệu... Bohemiens. Họ uống rượu hoặc không uống rượu nhưng ngồi hoặc nằm ngay vỉa hè những con phố đông người qua lại. Trong hình dáng những người già tóc râu xơ xụi ấy, tôi lại thấy tháp thoáng một Bùi Giáng đang cảm nhận Paris bằng tất cả thể xác và tâm hồn mình. Chợt nhớ bản dịch tuyệt vời của Bùi tiên sinh tác phẩm u ẩn mà run rẩy tình người của Saint-Exupéry Cõi người ta (Terre des hommes). Đúng là phải tới tay Bùi Giáng thì nguyên tác này mới có chữ "cõi" và chữ "ta" trong bản dịch.

Giờ một quyển sổ cũ, cách đây hơn 20 năm, tôi đã chép lại một đoạn văn xuôi trong Cõi người ta, chép để giữ cho mình như một lời biết ơn tác giả và dịch giả: *"Punta Arenas! Tôi tựa lưng vào bờ giếng. Những đàn bà già nua tới đây lấy nước. Trong tán bi kịch đời họ, ngày mai tôi sẽ biết riêng chỉ một cử động tôi đòi ấy thôi. Một bé con ngựa cổ vào tường, khóc lặng lẽ. Ngày mai trong kỷ niệm của tôi, sẽ chỉ còn ghi riêng hình ảnh một đứa bé lạc loài, sầu khổ không người. Tôi là kẻ lạ tới đây. Tôi không biết, không biết gì hết cả. Thế giới họ, tôi không thể bước vào, làm tôi dám nói. Những yêu thương, những ganh ghét, những niềm vui của con người, cả một tấn tuồng rộng lớn đó diễn ra trong một khung cảnh bé bỏng xiết bao. Từ đâu con người khơi dẫn được về cho mình nguồn khát vọng vô biên. Từ đâu? Con người vốn bị phó mặc cho rủi may, bị vớt ra sống trên một miền đất mà phun thạch hỏa sơn còn hâm hấp nóng, mà những trận bão cát sắp tới, mà những cơn mưa tuyết sắp về, còn hăm dọa mãi! Nền văn minh của họ chỉ là một lớp vàng mạ mỏng manh. Hỏa sơn sẽ xóa, sẽ bôi. Một biển mới sẽ dâng triều. Một cơn lốc cát"*.

Tác phẩm văn học nước ngoài, khi qua một dịch giả đồng điệu sẽ hiện ra bằng Việt ngữ như vậy đó! Một bài thơ văn xuôi đích thực, đầy xúc cảm và duyên như thế nó được viết bằng tiếng... Việt.

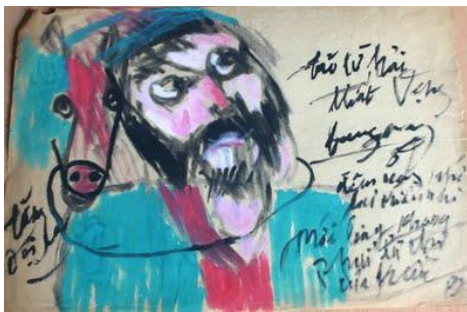
Tôi biết, nhiều người kêu Bùi Giáng ở một số bản dịch khác, rằng ông dịch tùy hứng và cả... tùy tiện quá! Nhưng chúng ta thử đọc Cõi người ta hay Hoàng tử bé của Saint-Exupery, hãy đọc Ngộ nhận hay Carnets của Albert Camus qua bản dịch Bùi Giáng, ta sẽ cảm nhận được hết sự tinh tế và uyên áo của nguyên tác qua một bản dịch.

Tôi nhớ, ngày còn chiến tranh, ở chiến trường Đông Nam Bộ, tôi đã chép từng đoạn văn A.Camus trong Sổ tay (Carnets) qua bản dịch Bùi Giáng, và những đoạn văn tuyệt vời ấy đã an ủi tôi rất nhiều ngay trong những hoàn cảnh thất ngật của chiến tranh. Sau này, đã có những dịch giả dịch lại những tác phẩm trên của A.Camus hay Saint-Ex, nhưng phải nói thực, họ không vượt qua được bản dịch cũ của Bùi Giáng.

Cần phải ghi công ông ở lĩnh vực truyền bá văn học thế giới này. Một người chỉ tự học ngoại ngữ mà có thể trở nên uyên thâm như thế, có thể "tung tăng" như thế trong khi dịch thuật, quả là hiếm có! Người như thế mà chưa một lần sang Paris để mặc sức chần chừ hay chần dề trên sông Seine thì thật đáng tiếc! Nhớ những ngày ở Paris hay xuống Orleans với nhà văn Đặng Tiến, ở đâu tôi cũng cảm thấy phảng phất sự hiện diện của Bùi Giáng trong những câu chuyện trao đổi về văn học, trong những bài thơ hay bài viết của các bạn văn người Việt ở Pháp mà tôi được đọc. Anh Thận còn tặng tôi một đĩa DVD về ngày giỗ Bùi Giáng ngay tại Paris, tại quán Foyer thân thiết và ấm cúng. Những bài thơ của Bùi tiên sinh đã được trình bày trong ngày giỗ ấy. Coi như ông đã đến Paris và đã lang thang dọc những con phố lát đá mờ ảo khu Latin này rồi, khu Đại học nổi tiếng của Pháp và cũng là nơi vinh danh rất nhiều nhà thơ nhà văn Pháp mà Bùi Giáng đã có lần chuyển dịch sang Việt ngữ. Trong dòng sông văn học khá bình thản của ta mà có được một người "quậy tưng" như Bùi Giáng kể cũng đặc biệt và thú vị. Nhưng rồi, ngay trong những lúc "quậy" như thế, chợt ta chìm lắng lại với những câu thơ kiểu như thế này: "Một hồn rũ rượi trong mưa
Nhớ ôi ngọc trắng ngày chưa cát lằm".

Như một khúc bi ca về cội nguồn trinh thực của Thơ. Như nỗi hoài nhớ về một thiên đàng tuổi thơ đã biến biệt.

Thiên đàng ấy bên một dòng sông và những ngọn đồi lúp xúp mọc toàn sim mua...



Lão Từ Hải thất vọng
tranh Bùi Giáng

Gửi thôn nữ Vĩnh Trinh

Tám quần em rách đường tơ.
Cỏ trong mình mấy bâng quơ mọc nhiều,

Bây giờ em đứng nơi đâu.
Cổ trong mình mấy em sầu ra sao.

Phụ đính

Bùi Giáng, tiếng ca chung cục Viên Linh



Bùi Giáng khi còn trẻ

I. Hình ảnh nào anh nhớ nhất về nhà thơ Bùi Giáng? Câu hỏi ấy của nhà văn trẻ Hoàng Mai Đạt đặt ra cho tôi, qua điện thoại từ Đài Phát Thanh Little Saigon Radio, vào sáng ngày Thứ Tư, 7 tháng 10, 1998, khi tin Bùi Giáng qua đời bắt đầu loan truyền. Tin ấy chuyển đến máy fax của tôi vào lúc sáng sớm. Mấy ngày trước tôi có gọi điện thoại nói chuyện với ông Bùi Văn Nam Sơn, chú của thi sĩ ở Sài Gòn. Cũng số điện thoại này, tôi nói chuyện thêm với cháu Thông, nên đã biết ai tín. Với câu hỏi của Đạt, hình ảnh ấy hiện lên. Hình ảnh ấy in thật đậm trong lòng tôi, mặc dù tôi không nhìn thấy một lần. “Ông dẫn một đàn chó đi ngang bùng binh chợ Bến Thành, con nào cũng được chằng lại bằng dây xích, kéo những cái lon rỗng, kêu rồn rảng. Lúc này trên nóc chợ đã cắm cờ đỏ sao vàng. Bộ đội canh gác bùng binh xô lại, động ông bằng báng súng. Tại vì ông mặc áo rằn ri của lính Việt Nam Cộng Hòa, chân đi giày saut...”

Ở ngoài nước, tôi nghe tin Bùi Giáng diên. Thời gian nghe tin này cũng là thời gian tới tấp bay đến những tin khác, như nghĩa trang Mạc Đĩnh Chi đã được san bằng, không biết có ai kịp dời đi chằng xương cốt của Đĩnh Hùng. Như anh Nguyễn Mạnh Côn đã chết ở Xuyên Mộc. Như anh Vũ Hoàng Chương đã không còn, như cháu Thúy Anh của tôi đã chìm châu Đông Hải. Như ký giả Trần Đại đã lỡ mọi bến bờ. Như nhà thơ (Trung tá) Mạc Ly Châu đã dùng súng tự sát ngay hồi tháng 5, 1975. Không diên cũng uổng, khi có tin nhà báo Tô Yến Châu thuốc chết bầy heo của anh, vì muốn ngả thịt một con, cán bộ bảo phải làm đơn xin phép. Như từ Khánh Hội qua nhà bạn ở Chí Hòa ngủ một đêm, phải làm đơn đủ ba con dấu...

Nhưng tin Bùi Giáng diên cũng không diên bằng những tin làm Bùi Giáng tỉnh. Một chú em có làm thơ ở Los Angeles nói trong quán cà phê: “Xi, Bùi Giáng là Việt Cộng. Chính tôi nhìn thấy cái giấy ổng khoe chứng nhận ổng là trung tá Quân Đội Nhân Dân”... Tôi hiểu vì sao thi sĩ tôi yêu, Francois Villon, bị gọi là côn đồ ở Ba Lê. Tôi hiểu vì sao họa sĩ Gaughin, chủ soái hội họa dã thú, lột da gót chân một tên nói láo. Hình ảnh nào tôi nhớ nhất về nhà thơ Bùi Giáng?

II.

Giải tỏ cái diên

Ông diên cuồng bữa hôm nay
Bởi từ Vô Cực ông cày bữa diên.

Con từ thực nữ thuyền quyên
Buồn vui bất chợt diện tiền giai nhân.

Cõi xa xôi?
Cõi gụi gần
Thành thân thiên hạ
thanh tân láng giềng.
Tuyệt vời quốc sắc thuyền quyên
Mòn con mắt đợi rã riêng cánh hồng.

Bờ mây trắng cuối chơn không
Chân trời diệu hữu phiêu bồng bê tha.
Lỡ từ lạc bước bước ra
Chết từ sơ ngộ
Màu Hoa Cuối Cùng.
(Bùi Giáng, 1994, Chớp Biển, tr.145)

Cũng vẫn lại câu hỏi vào sáng ngày 7 tháng 10, hỏi tôi qua điện thoại của Đài Phát Thanh. Anh có nghĩ là nhà thơ Bùi Giáng điên không? Tôi nói với người biên tập viên trẻ: Bùi Giáng không điên. Không hiểu tại sao tôi cứ nhớ tài tử Hoàng Vĩnh Lộc trong phim “Khi Người Điên Biết Yêu,” hơn là những vai trò đau khổ khác của anh. Có thể trí nhớ lầm lẫn, song mưa đổ ào ạt, đất trời giận dữ, người điên gào thét hay gầm gừ, chân tay bị xiềng xích và thân thể giam hãm trong một chiếc lồng, hay ít ra là sau những hàng chấn song sắt. Thế thì không được, không ai giam hãm được trái tim ta. Thế thì không được, Tình Yêu là tài sản của Thanh Xuân, kẻ đó phải bỏ xuống vạc dầu.

Bùi Giáng điên? Bùi Giáng có điên không? Người ta có đưa ông vào bệnh viện tâm thần, có tin như thế. Đưa vào bệnh viện tâm thần không phải để chữa trị cái điên, vì bệnh chứng nào là bệnh chứng điên để hòng chữa trị, trừ phi bệnh chứng ấy gây ra từ một khiếm khuyết thể xác. Những ứng xử, hay từ khước ứng xử ở đời, nhìn chung như một triệu chứng bất thường, không thể chữa trị trong một bệnh viện. Bệnh viện có thể làm tê liệt đi những triệu chứng ấy, qua những trị liệu vật lý, chưa thấy từ bệnh viện điên hơn hờ ra về một kẻ bình thường.

Tôi thích bài thơ trên của Bùi Giáng. “Giải Tỏ Cái Điên.” Anh làm bài thơ này năm 1994. Anh giải tỏ cái điên bằng cách nói: “Bữa nay ông điên đây. Bữa nay ông điên bởi vì từ xưa ông điên. Ông điên bữa nay như giai nhân vui bữa nọ. Giai nhân vui bữa nọ vì bữa nay giai nhân buồn. Vui buồn của giai nhân cũng như khước mắt của thuyền quyên không phải là cái nhìn của thực nữ. Nếu cái nhìn của thực nữ là khước mắt của thuyền quyên, thì không điên cũng uổng. Mà thực nữ vui bất chợt, thuyền quyên buồn vô chừng. Hay thực nữ vui vô chừng, mà thuyền quyên buồn bất chợt, cứ diện tiền mà nhìn, thì cứ nhìn thôi cũng điên.”

Ông điên cuồng bữa hôm nay
Bởi từ vô cực ông cày bữa điên
Con từ thực nữ thuyền quyên
Buồn vui bất chợt diện tiền giai nhân.

Sao lại Ông với Con? Sao lại giải tỏ? Giải tỏ với ai, sao lại giải tỏ với người quốc sắc? Cứ người quốc sắc thì phải thuyền quyên, mà đã thuyền quyên thì hỡi ôi, làm sao thực nữ? Mà sao lại giải tỏ với thuyền quyên nay (thực nữ xưa) về cái điên? Hiểu được Ông thì Con phải điên lắm đấy con mới hiểu được.

Nhìn nhau trước mắt đã điên, thì mắt nhau từ vô cực làm sao tỉnh. Ông cày bừa gì, ruộng đồng Trung Phước, mây trắng Lương Sơn? Cày bừa điên từ bờ Bắc tới bờ Nam, hay từ bờ hôm nay, tới bờ vô cực?

1. Người điên cái bóng cũng điên,
Người khùng cái mộng oan khiên cũng khùng
(Bùi Giáng, Xinh Tươi Ở Buồn Bã, Chớp Biển, tr.144)

2. Lúc xưa từng đã một lần
Nhìn con ngủ gục chín tầng say sưa
Ông điên từ bấy đến giờ...
(Bùi Giáng, Kể Từ Lúc, Chớp Biển, tr.20)

3. Tôi điên là bởi tôi điên
Cầm tay cô hỏi cho phiền lòng nhau
Tôi điên từ trước đến sau
(Bùi Giáng, Thơ Bùi Giáng, 1990, tr.204)

Đoạn 3 Bùi Giáng làm trong năm 1990, in trong cuốn thơ do nhóm Việt Thường ở Montréal, Gia Nã Đại xuất bản. Đoạn thơ này như thế được làm vào 15 năm sau ngày miền Nam thay đổi một màu cờ. Cũng trong năm này, một lần nữa ông nói về cái điên của mình:

Ngu đàn mà tưởng thông minh
Ồ vàng trắng ạ, bực mình làm sao
Đập đầu tự tử thế nào
Cảo thơm lần giờ mai sau một tờ
Điên cuồng mà tưởng nên thơ
Cuồng điên mà tưởng làm thơ như thần...
(Tặng Bạn Điên, tr.173)

Thơ ấy tặng bạn điên, của một người đã tỉnh. Có ai ngờ đây là thơ Bùi Giáng:

Chào mừng xí nghiệp cao su
Huy hoàng hiển đức hức dù dương toa
(tr. 56)

Bài thơ xây dựng mộng người
Kỷ nguyên khắc phục vện mùi cỏ thơm
Xin chào lãnh tụ chon von
Nghìn thu lịch sử vuông tròn chữ O
Chữ O chứa chất ngàn kho
Hình cong chữ S còn to hơn nhiều.
(tr. 157)

Giảng nghĩa: Việt Nam bây giờ là một con số không. Bài thơ trên người cộng sản có thể nói: Ông thi sĩ này điên rồi. Ông ta chê cả lãnh tụ cao siêu và đất nước là những con số O. Ai điên được như thế ở Sài Gòn mà không bị nhốt vào nhà thương điên? Người điên ta có gặp người
Người không điên, cũng là người gặp ta

Cuộc hoà giải vô tận: Trường hợp Bùi Giáng Nguyễn Hưng Quốc

*Tôi cười tôi khóc băng quơ
Người nghe cười khóc có ngờ chi không?*

1926-1998

Bùi Giáng, tuổi Bính Dần, sinh năm 1926 tại Thanh Châu, Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam. Con thứ của ông bà Bùi Thuyên và Huỳnh Thị Kiều. Năm Mậu Dần ông được tròn 6 giáp, 72 tuổi. Ông được văn giới, không phân biệt không gian thời gian, yêu mến trọng vọng. Những tác phẩm đầu của ông là sách giáo khoa in năm 1957, như Một vài Nhận xét về Bà Huyện Thanh Quan, Lục Vân Tiên, Chinh Phụ Ngâm ... Nhưng tiếng tăm ông nổi bật từ tập thơ "Lá Hoa Cỏn" (1963). Ông là một người tự học và học rất trẻ, tuy nhiên khả năng tinh thông nhiều ngôn ngữ của ông, kể cả những ngôn ngữ khó như chữ Hán và tiếng Đức, làm kinh ngạc mọi người trong văn giới.

Những cuốn sách đầu của ông là sách giáo khoa in năm 1957, Bùi Giáng đã là một tên tuổi quá quen thuộc với đông đảo bạn đọc. Ông thường tự nhận là "trung niên thi sĩ" cùng hàng loạt biệt danh trào lộng : thi sĩ Đuôi ươi, Brigitte Giáng, Giáng Moroe, Bùi Bán Dúi, Bùi Bàn Dúi, Bùi Tồn Lưu, Bùi Tồn Lê, Bùi Bê Bối, Bùi Văn Chiêu Lý...

Ông được xem như một "ngôi sao" trên vòm trời văn hóa văn nghệ miền Nam trước đây, được không ít độc giả xưng tụng là "thiên tài", là "bậc thượng trí", là "đáng tiêu biểu hơn cả về thi ca bây giờ và có lẽ... vạn đại" và tôn ông làm "thần tượng". Gần đây, một số tác phẩm, dịch phẩm của Bùi Giáng được tái bản rộng rãi. Ông đã dịch nhiều sách Pháp, Anh, Hán văn như Hamlet của Shakespeare, Hoàng tử bé của Saint'Exupéry, Ngộ nhận của Albert Camus, Khung cửa hẹp, và Hòa âm điện dã của André Gide, Kim kiếm điều linh của Ngọa Long Sinh...

Ông đã biên soạn các tiểu luận triết học và văn học như Tư tưởng hiện đại, Thi ca tư tưởng, Lễ hội tháng ba, Con đường ngã ba, Con đường phản kháng, Đi vào cõi thơ.. Đặc biệt, gây nhiều tranh luận sôi nổi nhất là những tập thơ của ông, từ Mưa nguồn, Lá hoa cỏn... đến Trắng châu thổ, Sương bình nguyên, Bài ca quần đảo, Rong rêu... Ai đã từng tiếp xúc Bùi Giáng trong trang sách lẫn ngoài cuộc đời, hầu như chưa thể bình luận gì về ông. Biết bình với luận thế nào khi kẻ khen thì tâng hết lời mà người chê thì lại đả tới số. Riêng vấn đề họ Bùi có điên chăng cũng đã làm tốn hao bao giấy mực. Người bảo ông điên. Người cho rằng ông giả vờ điên. Người lại quả quyết Bùi Giáng không điên. Sự thật ra sao, nếu nhìn từ góc độ khoa học ?

Về tài dịch, thì cuốn "Terre des hommes" đã được ông dịch và đặt tên là "Cõi Người Ta" thì quả thật không còn gì thần tình hơn.

SAIGON ' Thi sĩ Bùi Giáng đã qua đời lúc 2 giờ chiều ngày Thứ Tư 7 Tháng Mười (tức 11 giờ đêm ngày 6'10'1998 tại California) trong lúc đang điều trị tại Bệnh viện Chợ Rẫy. Ông Bùi Giáng, 73 tuổi, là một thi sĩ có tiếng thơ độc đáo, cũng là tác giả nhiều tác phẩm văn xuôi về triết học, văn học, và ngay khi còn sống đã trở thành một huyền thoại trong làng văn nghệ Việt Nam vì nếp sống ngang tàng, không màng danh lợi của ông, dưới bất cứ chế độ nào

Thi hài thi sĩ Bùi Giáng sẽ được nhập quan vào sáng ngày 8 Tháng Mười và quản tại Nhà Tang lễ chùa Vĩnh Nghiêm, Sài Gòn. Gia đình thi sĩ tại Sài Gòn cho biết sẽ an táng ông tại Nghĩa Trang Gò Dưa, Thủ Đức. Bào đệ của ông là ông Bùi Văn Vịnh sẽ tổ chức lễ phát tang, và các văn nghệ sĩ và độc giả yêu thơ sẽ làm lễ tư ởng niệm ông tại vùng Tiểu Sài Gòn, miền Nam California.

Người Việt đã loan tin khi thi sĩ Bùi Giáng được đưa vào bệnh viện ngày 23 Tháng Chín vì bị té, đứt mạch máu não Theo tin của ông Bùi Văn Nam Sơn, một người bà con ở Đức về thăm thì thi sĩ Bùi Giáng té ngã khi đứng lên thắp đèn, sau khi ông đã uống nhiều rượu Ông đã được đưa vào Bệnh viện Chợ Rẫy, đươc .c mổ đêm 25 Tháng Chín, nhưng quá yếu nên rất ít hy vọng phục hồi.

Giới văn nghệ sĩ ở Sài Gòn rất xúc động khi nghe tin Bùi Giáng vào bệnh viện, kéo nhau đến thăm ông. Tin ông vào bệnh viện được báo chí khắp nơi loan báo, ở trong nước cũng như ở hải ngoại.

Thi sĩ Bùi Giáng sinh năm 1925 tại Quảng Nam, thừa nhỏ đã học ở Quảng Nam và 4 năm ở Huế. Khi trưởng thành ông sống ở Sài Gòn, nổi tiếng với hành trạng và văn chương phóng túng, ngang tàng. Những tập thơ nổi tiếng của ông là Mưa Nguồn, Lá hoa cồn, Mùa thu bi ca, Ngày Tháng ngao du, v.v. Ông viết các sách triết học như Tư tưởng hiện đại, Thế nào là siêu thực, Heidegger và Husserl, Hình ảnh Jean Paul Sarte, Martin Heidegger và tư tưởng hiện đại, Khô ?ng Tử, Lão tử, Gandhi, v.v. Ông cũng dịch các tác phẩm của Albert Camus (L'homme révolté), André Gide, St'Exupéry, René Char, v.v. Về văn học Việt Nam, ông đã viết các khảo luận về truyện Kiều, Bà huyện Thanh Quan, Tản Đà, v.v.

Nhưng khi nghe tin thi sĩ Bùi Giáng qua đời, các độc giả trước hết sẽ nhớ đến các vần thơ trác tuyệt, mệnh mông lãng đãng như các lời nhắn nhủ của ông sau đây:

Em về mấy thế kỷ sau
Nhìn trăng có thấy nguyên màu ấy không
Ta đi còn gửi đôi dòng
Lá rơi có đội ở trong sương mù

Và người V.Nam ở nước ngoài chia sẻ nỗi ngậm ngùi khi đọc Bùi Giáng:

Hỏi rằng: người ở quê đâu?
Thưa rằng: tôi ở rất lâu Quê nhà.

Lễ động quan Bùi Giáng được cử hành vào lúc 7 giờ sáng chủ nhật 11.10.1998, có đông đủ thân nhân và Bùi Tộc Vĩnh Trinh, tiễn đưa Bùi Giáng từ Chùa Vĩnh Nghiêm về chôn cất tại Thủ Đức. Họ Bùi nguyên gốc ở Nghệ An, sau dời đến Quảng Nam lập nghiệp kể từ đời Hậu Lê, qui tụ bao quanh các làng Vĩnh Trinh, Lệ Trạch, Cù Bàn, An Lâm, Cổ Tháp và Thành Châu Tổ đình của họ Bùi đặt tại Thủ Đức. Trước ngày động quan Bùi Giáng, Hội Nhà Văn muốn biểu lộ sự kính trọng đối với một ngôi bút lớn đã qua đời, bằng cách đề nghị được an táng Bùi Giáng tại Nghĩa Trang Thành Phố nhưng người em trai của Bùi Giáng là Bùi Văn Luân không chấp thuận. Sau đó Hội Nhà Văn đề nghị hiến tặng hai mảnh đất hợp với hai mảnh đất của Bùi Tộc Vĩnh Trinh cho được rộng rãi Tối thứ Bảy, số người mên mộ thi văn Bùi Giáng, đa số là các học sinh, sinh viên, giới trẻ, đơ ? tới nhà quản Vĩnh Nghiêm tiễn biệt một thiên tài đã vĩnh viê ~n ra đi kéo dài tới 2 giờ khuya khiến không còn một chỗ trống để chứa người Sở tang ghi tên nhiều người, dày tới hàng trăm trang. Đám tang có tới hàng ngàn người tham dự, được đánh giá là một trong những đám tang có đông người dự kể từ ` sau năm 1975... Trước khi hạ huyệt, nữ nghệ sĩ Kim Cương - một người từng được Bùi Giáng lúc sinh thời nói tới nhiều bên cạnh những nhân vật có thật của đương thời như Phùng Khánh, Marilyn Monroe, Brigitte Bardot, Kim Novak, John Keats... - được mời đọc điệu văn. Tiếp tới nhà văn Sơn Nam, Huy Tường tiếp tục ngỏ đôi lời trước mộ người quá cố.

Trường hợp Bùi Giáng

Khi viết về thơ ở miền Nam trước 1975 cũng như thơ trong nước sau 1975, tôi ít nhắc đến Bùi Giáng.^[1] Không phải vì tôi đánh giá ông thấp. Ngược lại. Tôi đồng ý với Mai Thảo: Bùi Giáng là một tài thơ trác tuyệt. "Có ông, thi ca mới đích thực có biển có trời".^[2] Càng đọc Bùi Giáng, tôi càng thấy ông lạ lùng. Con người ông lạ lùng: nói như Thanh Tâm Tuyền, qua lời kể của Mai Thảo, Bùi Giáng là người "ngủ ra thơ, thở ra thơ, đi ra thơ, đứng ra thơ. Chứ không phải nghĩ thơ, làm thơ".^[3] Thơ ông càng lạ lùng, lạ lùng đến nỗi ai cũng ngại ngừng khi viết về ông. Kể chuyện về ông: có; nhưng phê bình thơ ông: chưa.

Có lần, Thanh Tâm Tuyền gọi Bùi Giáng là "một thiên tài tự huỷ ghê gớm nhất của thi ca Việt Nam hiện đại" và là "một hồn thơ bị vây khốn".^[4] Bị vây khốn bởi cái gì? Theo tôi, Bùi Giáng bị vây khốn, trước hết, bởi những hoài nghi, những dằn vặt. Thì một số khá đông các nhà thơ khác ở miền Nam thời kỳ 1954-75 cũng hoài nghi, cũng dằn vặt. Song, có điều, không ai sống đến tận cùng sự hoài nghi, sự dằn vặt như là Bùi Giáng. Thơ Bùi Giáng là những phún thạch phun lên từ hoả diệm sơn của hồn ông. Nhưng khác các nhà thơ khác, Bùi Giáng lại nguy trang thăm kịch của mình bằng một giọng cợt nhả, bông đùa. Trong một bài viết về Hàn Mặc Tử, sau khi ghi nhận thơ Hàn Mặc Tử là "một tiếng thét và một lời than. Tiếng thét đầy máu, tiếng than tràn ngập hư vô. Lúc hãi hùng khiếp đảm, lúc quạnh quẽ lạc phách xiêu hồn", Bùi Giáng nhắc đến thơ của chính ông, như một sự so sánh:

Thơ tôi làm... là một cách điu ba đào về chân trời khác. Đi vào giữa trung tâm bão giông một lúc thì lập thời xô ngôn ngữ thoát ra, phá vòng vây áp bức. Tôi gạ gẫm với châu chấu chuồn chuồn, đem phỏ thác thăm hoạ trần gian cho chuồn chuồn mang trên hai cánh mỏng bay đi. Bay về Tử Trúc Lâm, bay về Suong Hy Lạp, ghé Calvaire viếng thăm một vong hồn bát ngát, rồi quay trở về đồng ruộng làm mục tử chăn trâu. Làm mục tử chăn trâu không xong bỏ trâu bò chạy lạc, phá phách mùa màng khoai sắn, thì tôi chạy về bám báo với ni cô cho phép con chuồn chuồn của tôi cư lưu một phút giây trong linh hồn bao dung phương trượng. Ni cô xua đuổi tôi thì tôi ra bờ sông nằm ngủ khóc một mình thơ đại giữa chiêm bao. Trong chiêm bao, thơ về lãng đãng thì từ đó vẫn bắt tuyệt cũng lãng đãng chiêm bao.^[5]

Có diu ba đào về chân trời nào khác thì ba đào vẫn cứ là ba đào, động biển vẫn cứ là động biển. Bay đi đâu cánh chuồn chuồn của Bùi Giáng cũng gặp giông bão. Giông bão dậy lên, trước hết, từ đôi cánh của nó: ngôn ngữ. Đã đành, làm thơ, ai cũng chú trọng đến ngôn ngữ. Song tôi có cảm tưởng ít có ai bị ám ảnh bởi vấn đề ngôn ngữ một cách nặng nề, triền miên như Bùi Giáng. Chữ 'ngôn ngữ' thường xuyên xuất hiện trong thơ ông, đặc biệt trong hai tập thơ mới xuất bản ở hải ngoại sau 1975,^[6] ở đó, câu 'Đường qua ngôn ngữ tuyệt trừ', 'Đường qua ngôn ngữ điệp trùng' và 'Đường qua ngôn ngữ cuối cùng' được nhắc đi nhắc lại nhiều lần trong nhiều bài thơ khác nhau. Hãy để ý đến nhóm từ 'đường qua ngôn ngữ': với Bùi Giáng, dường như công việc làm thơ chủ yếu là một cuộc hành trình vượt qua ngọn đèo cheo leo của ngôn ngữ trước khi là bất cứ một cái gì khác. Ngọn đèo ấy không những cheo leo mà còn mù mịt, thăm thẳm. Phần lớn các câu thơ kế tiếp mấy câu vừa dẫn đều là bóng đêm ('Mừng xuân viễn vọng đêm bù cho đêm'; 'Mừng xuân viễn vọng đêm lừng lầy đêm'; 'Mừng xuân viễn tuyệt đêm từng từng đêm'). Xuân, ừ, thì xuân. Nhưng đêm vẫn mịt mùng đêm. Đêm vô tận. Ngôn ngữ không làm cho bóng đêm ấy tan biến. Trái lại.

Chấm ngòi bút sắt se vào mực

Viết ra câu thúc giục suong mù

(Mùa xuân chiêm bao)

Trong lúc hầu hết các nhà thơ khác, mặc dù nhận chân được vị thế hẩm hiu của nhà thơ trong xã hội, vẫn tin tưởng vào ngôn ngữ và vẫn tự hào về công việc sáng tạo của mình, nói như Thanh Tâm Tuyền, 'cuộc hành trình hoàn toàn cô độc' trên một 'con đường chưa ai tới',^[7] Bùi Giáng, ngược lại, tuy vẫn làm thơ, hơn nữa, còn làm thơ cực kỳ nhiều, nhiều hơn bất cứ một

người nào khác, lại có vẻ rất coi thường cái việc làm thơ ấy và chắc chắn là không mấy tin tưởng vào khả năng thể hiện của ngôn ngữ:

*Người điên ngôn ngữ điệp trùng
Dờ chừng như mộng dờ chừng như mê
Thưa em ngôn ngữ quặt què
Làm sao nói hết nghiệp nghề người điên*
(Người điên)

Trong quyển *Mùa thu trong thi ca*, Bùi Giáng viết:

*một hôm mai thảo bảo rằng
làm thơ bê bối sao bằng đi rong
phổ phường mọc cỏ quanh năm*
(Sa mạc phát tiết)

Có người đọc câu thơ thấy đâm ra bực mình hỏi: 'Phổ phường đâu có cỏ nào mọc! Thằng thi sĩ ăn nói tầm phào, sai sự thật!' Ấy thế là người ta cưỡng bức thi ca một cách không chính đáng. Và trầm trọng hơn nữa, người ta tưởng chừng như tin rằng ngôn ngữ có thể nói ra được sự thật. Tưởng chừng như người ta chẳng bao giờ suy gẫm về Kim Cương Kinh. Thế gian ngôn ngữ phi chân kinh.^[8]

Ngôn ngữ không những quặt què, không những không nói ra được sự thật mà, hơn nữa, trong thời hiện đại, đặc biệt, khi cuộc chiến tranh lạnh giữa hai khối Tư bản - Cộng sản đang gay gắt, khi cuộc chiến tranh giữa hai miền Nam và Bắc Việt Nam đang ác liệt, khi vấn đề thắng bại không những được quyết định ngoài chiến trường mà còn trên các bàn hội nghị quốc tế, ngôn ngữ còn có tác dụng ngược lại: nó che giấu sự thật và, thay vì đem lại sự cảm thông giữa loài người, nó lại làm cho con người ngộ nhận lẫn nhau, thù ghét lẫn nhau, say sưa chém giết lẫn nhau. Đó là lý do tại sao Bùi Giáng lại

*Tôi gọi Mỹ Tho là Mỹ Thỏ
Mỹ Thọ muôn đời là Lục Tinh hôm nay
Tôi gọi Sóc Trăng là Sóc Trắng
Gọi người sương phụ gái thơ ngây*
(Lấn lộn lung tung)

Bùi Giáng xáo trộn chữ nghĩa để nói lên một sự thật: ngôn ngữ đang bị xáo trộn, đang bị tha hoá. Bùi Giáng gọi Mỹ Tho là Mỹ Thỏ, Mỹ Thọ, người ta cho là hài hước hoặc điên khùng, nhưng chẳng phải là trong cuộc sống người ta đã không từng gọi một kẻ bán nước là yêu nước, một kẻ giết người như ngoé là nhân đạo, một kẻ bắn súng vào anh em vào đồng bào vào đồng loại vì một thiên đường không tưởng nào đó là cách mạng đó ư? Chẳng phải là người ta đã không từng gọi nhà tù là trại học tập, độc tài là tập trung dân chủ, sự ngu dốt là đỉnh cao trí tuệ, khổ xanh khổ đỏ là quốc gia, thái độ khom lưng trước ngoại bang là biểu hiện của tinh thần dân tộc đó ư? Thử thế chữ Mỹ Tho bằng bất cứ chữ nào trong từ điển chính trị Việt Nam hiện đại người ta sẽ thấy ngay cái điều mà Ionesco từng nói: 'một nền văn minh của ngôn ngữ là một nền văn minh quản trị, hỗn độn'.^[9] Ngôn ngữ mất linh hồn. Ngôn ngữ xác xơ, rách mướp, toi tã. Nhiều người thuộc loại nhạy cảm nhất trong thời đại chúng ta đã thất vọng não nề. Sự thất vọng ấy, ở Tây phương, dẫn đến sự im lặng của một số người cầm bút, sự ra đời của loại kịch không lời; ở Bùi Giáng, tạo ra những vần thơ đại loại thế này:

*- ... Một hai hai một di hài
Dài hy hữu mộng an bài chằm ma
Chả xin? Chả hỏi? Vịt gà?
Và thân thể máu me và thịt xương...
- Ma đen ỳ nể ô mà*

Xơ tin ô đố đâu là đến đây
Xեն nô đô thí xi đây
Xề rê tê nển ngọn lầy lội cơn
A tin a tử oan hồn
Vong lưu lý lấy cung đèn cột trêu
Người ôi ô ướt dẫu bèo
Ồ thôi thế vậy thu vèo sang thu
Lùng bay thân thế pha mù
Sương mây tuyết dẩy thân bù cho thân
(Đạm Tiên)

Gắn liền với sự hoài nghi ngôn ngữ là sự hoài nghi lý trí. Trong lúc hầu hết các nhà thơ khác, mặc dù hoài nghi lý trí, luôn luôn khắc khoải tìm kiếm sự thật, với niềm tin, dù mơ hồ và mong manh, là sự thật ấy có, đâu đó, sẽ gặp được, một ngày, Bùi Giáng, ngược lại, tuy dịch và viết khá nhiều tác phẩm về triết học hiện đại Tây phương, lại hoàn toàn phủ nhận đầu óc duy lý của Tây phương, hoàn toàn mất niềm tin với mọi cái gọi là chân lý. Cuộc đời, với Bùi Giáng, là chuỗi dài những nghi vấn và phẫn nộ:

*Đi vào giữa cuộc thị phi
Nửa tam bành tới nửa nghi vấn về
(Y ư mộng, du ư mê)*

Làm thơ, với Bùi Giáng, là một hành động phản kháng, phản loạn. Như Từ Hải trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du:

*Sao bằng riêng một biên thủy
Cõi điên vũ trụ tùy nghi tung hoành
Xiết bao vô ngại ngọn ngành
Chọc trời khuấy nước tan tành thịt xương
Ấy như thể, ấy như đường
Đi vô tận ý đi đường chơn không
Đi mây gió đi phiêu bồng
Ngàn trắng ngậm bóng sương đồng ra đi
Đi về thể lệ lâm ly
Đi đi suốt cõi lời nghi vấn lời.
(Sao bằng)*

Nghi vấn. Lúc nào cũng nghi vấn. Nghi vấn cả lời nói của mình. Bài thơ 'Tặng Mã Giám Sinh' là một bài thơ hay:

*Hỏi tên, rằng biển xanh dâu
Hỏi quê, rằng mộng ban đầu đã xa
Gọi tên, rằng một hai ba
Đếm là diêu tượng đo là nghi tâm.*

Tôi đoán là Bùi Giáng rất tâm đắc bài thơ này: nó được in lần đầu trong *Mùa thu trong thi ca* với tựa là 'Mã Giám Sinh', sau, in lại trong *Thơ Bùi Giáng* xuất bản tại Canada năm 1990 với sự thay đổi nhỏ: thêm chữ 'tặng' ở tựa đề. Có hay không có chữ 'tặng', thật ra, cũng chẳng có gì quan trọng. Cũng như mọi cái tựa trong thơ Bùi Giáng: chẳng có gì là quan trọng. Lười, ông thường nhặt bất cứ từ hay nhóm từ nào trong bài dùng để làm nhan đề. Bài thơ trên được đặt tựa là 'Mã Giám Sinh' hay 'Tặng Mã Giám Sinh' có lẽ để ghi lại xuất xứ một nguồn cảm hứng: nó xuất phát từ mấy câu thơ trong *Truyện Kiều* có liên quan đến Mã Giám Sinh:

*Hỏi tên, rằng: Mã Giám Sinh
Hỏi quê, rằng: huyện Lâm Thanh, cũng gần.*

Trong bài 'Chiều nguyên xuân' in trong tập *Mưa nguồn*, xuất bản từ năm 1963, Bùi Giáng đã bị ám ảnh bởi vấn đề quê hương:

Hỏi rằng: người ở quê đâu

Thưa rằng: tôi ở rất lâu quê nhà.

Từ 'ở rất lâu quê nhà' đến 'mộng ban đầu đã xa', tư tưởng của Bùi Giáng đã vượt biên, lán sang một tâm khác. Với một sức oằn khác.

Dẫu sao, ở đây, điều quan trọng nhất là câu cuối cùng: 'đếm là diệu tưởng, đo là nghi tâm'. Mọi sự phân biệt đều bị xoá nhoà. Tôi cho đây là đặc điểm nổi bật nhất trong phong cách thơ Bùi Giáng: thơ Bùi Giáng chính là sự xoá nhoà của mọi đường biên quen thuộc vốn được mọi người chấp nhận như là một quy ước, một luật lệ trong văn học từ xưa đến nay.

Thứ nhất là xoá nhoà những đường biên về giọng điệu. Những ai từng viết lách ít nhiều cũng đều hiểu cái khó nhất đối với người cầm bút là pha trộn giọng điệu, nghĩa là, chẳng hạn, vừa nghiêm túc lại vừa cười cợt, vừa uyên bác lại vừa bình dân, vừa suy tư lại vừa thích thẳng. Bùi Giáng vượt qua tất cả những khó khăn ấy một cách nhẹ nhàng. Ví dụ dưới đây, tôi chọn một cách tình cờ:

Hai cô bán phở dju dàng

Đừng nên nói bậy hai nàng buồn ta

- Trăm từ lịch kiếp phôi pha

Tái sinh bất chợt mà ra phụ lòng

Tình thương ẩn mật từ trong

Nội tâm vô tận mà long đong vì

Phong tao phấn đại tương nghi

Tùy thời thể dựng mà tuy nhiên là.

(Tặng quán phở Huyền Trân)

Ai cũng thấy rõ hai câu đầu và sáu câu sau có giọng điệu khác hẳn nhau. Vậy mà, riêng tôi, thú thật, tôi không hiểu tại sao Bùi Giáng có thể chuyển từ hai câu đầu xuống sáu câu dưới một cách dễ dàng tự nhiên như vậy. Mà đây cũng lại là một đặc điểm rất phổ biến trong thơ Bùi Giáng. Nói một cách tóm tắt, thơ ông có hai loại từ vựng: một loại tạm gọi là bác học và một loại tạm gọi là bình dân. Bác học thì như *thục nữ*, *thuyền quyên*, *cáo thom*, *thượng thừa*, *miên trường*, *đoạn trường*, *băng tuyết*, *thập thành* v.v... nghĩa là những từ Hán Việt lâu lắm không còn được sử dụng nữa. Còn bình dân thì như *đại ca*, *Huê Kỳ*, *Liên Xôn*, *lai rai*, *nhậu nhẹt*, *máu me*, *số dzách*, *giấn bước*, *giấn liêu* v.v... nghĩa là những khẩu ngữ, còn lắm lem bụi bặm ngoài đường ngoài phố. Cả hai loại đều dễ khiến giới làm thơ chùn tay. Dùng loại trên thì dễ có nguy cơ trở thành sáo, cổ. Dùng loại dưới thì dễ có nguy cơ trở thành nhả nhớt, rẻ tiền. Bùi Giáng hoàn toàn thoát khỏi hai nguy cơ ấy. Hơn nữa, ông còn hoà trộn cả hai loại ngôn ngữ ấy lại với nhau một cách tài tình. Đọc, người ta không hề có chút cảm giác lẩn cấn nào. Như một phép màu.

Gắn liền với sự xoá nhoà trên là một sự xoá nhoà khác: xoá nhoà ranh giới giữa truyền thống và hiện đại. Không phải Bùi Giáng kết hợp truyền thống và hiện đại, như cái điều chúng ta có thể nói về một số nhà thơ khác. Nói đến sự kết hợp giữa truyền thống và hiện đại tức là thừa nhận chúng ta có thể ít nhiều khu biệt đâu là truyền thống và đâu là hiện đại. Ở Bùi Giáng, mọi nỗ lực khu biệt ấy đều trở thành vô vọng. Ở Bùi Giáng, tính chất truyền thống và tính chất hiện đại tan hoà vào với nhau. Là một. Thể thơ ông dùng: cũ; hình tượng ông dựng: cũ; ngôn ngữ ông viết: cũ; thế nhưng, rất lạ, toàn bộ bài thơ của ông thì lại mới, mới như chưa từng có ai viết

được như thế. Mới đến độ tôi có cảm tưởng phần lớn những từ, những chữ nào đã được Bùi Giáng sử dụng một lần đều trở thành của riêng của Bùi Giáng, một thứ tài sản của Bùi Giáng, trên đó có dấu ấn của Bùi Giáng; sau đó, ai dùng lại những từ ấy, chúng ta cứ ngỡ ngỡ như họ ăn cắp của Bùi Giáng. Đọc thơ của bất cứ người nào, hễ gặp chữ 'giữ áo', 'rớt hột', 'đười ươi', 'chuồn chuồn', 'châu chấu'... chúng ta hay tri hô lên: Bùi Giáng! Ngay cả một số từ quen thuộc hơn, như 'thập thành', 'máu me', 'lai rai'... chúng ta cũng lại tri hô lên: Bùi Giáng! Trong lịch sử thi ca Việt Nam hiếm có trường hợp nào lạ lùng đến như vậy. Phần lớn, tính chất độc đáo chỉ ở cấp độ bài hoặc cấp độ câu. Ở Bùi Giáng, tính chất độc đáo thể hiện ngay ở đơn vị từ. Với sự xuất hiện của Bùi Giáng, số phận của các nhà thơ đâm ra lao đao hẳn. Khi chọn chữ không khỏi có cảm giác e dè vì sợ dẫm vào dấu chân của Bùi Giáng.

Thứ ba là sự xoá nhoà ranh giới giữa cái gọi là thơ và cái gọi là phi thơ. Ngổn ngang trong thơ Bùi Giáng những chi tiết ngữ như không bao giờ thành thơ được, ngữ như mãi mãi thuộc thể giới của văn xuôi, của tiểu thuyết, của đời thường. Nhớ người yêu, có lẽ ai cũng nhớ như Bùi Giáng nhưng không có ai viết được như Bùi Giáng:

*Bây giờ em đứng nơi đâu
Cỏ trong mình mây em sầu ra sao*
(Gửi thôn nữ Vĩnh Trinh)

Bùi Giáng có tài hoá giải những tình thế oái oăm: cái đáng lẽ sảm sỡ, dưới ngòi bút ông, tự nhiên thành thơ mộng, thiết tha, tội nghiệp. Bùi Giáng cũng có tài làm cho những cái lắt nhắt trở thành mênh mang:

*Sáng nay bao tử mơ màng
Cà phê bên nọ, cháo lòng bên kia*
(Sáng nay)

Tất cả những chi tiết ấy đều tầm thường đến độ nhảm nhí. Đi vào thơ Bùi Giáng, tự dưng chúng lại có một âm vang gì rất lạ, rất xa, tưởng như không còn là chuyện 'cà phê' hay 'cháo lòng' nữa. Một nỗi phân vân giữa cuộc đời, chẳng hạn. Một niềm xót xa trong cảnh khốn cùng, chẳng hạn. Bùi Giáng còn có tài làm cho những cái linh thiêng trở thành bình thường. Những Thượng đế, Phật, thánh hiền... đi vào thơ ông, mất một chút hào quang song bù lại, dường như đẹp hơn. Bùi Giáng làm cho cái đáng kính biến thành cái đáng yêu. Hình tượng ni cô trong thơ ông là một ví dụ. Bùi Giáng cũng lại có tài làm cho cái thô và tục trở thành những cái thơ mộng, xôn xao.

Cuối cùng, thứ tư, tôi tạm gọi là sự xoá nhoà giữa cái lý và cái phi lý. Ít có ai để ý trong thơ Bùi Giáng có đặc điểm này: ông rất thích dùng những từ có tính chất lý luận như 'mặc dù', 'càng... càng', 'vẫn là', 'và', 'vì', 'rằng', 'bởi chưng', 'chỉ e', 'té ra', và đặc biệt, nhiều nhất là từ 'tuy nhiên'... Chắc chắn là không có nhà thơ nào dùng các từ này nhiều bằng ông. Thế nhưng, cách Bùi Giáng sử dụng các liên từ này rất lạ lùng, không giống bất cứ người nào trước ông hoặc sau ông. Xin hãy đọc lại bài 'Tặng quán phở Huyền Trân' dẫn ở trên, và hãy chú ý đến ba câu cuối cùng: chữ 'vì' và chữ 'là' đứng hết sức lửng lơ. Chúng không nối kết cái gì cả. Chúng cũng không giải thích cái gì cả. Chúng hoàn toàn trái ngược mọi luật lệ ngữ pháp. Chúng thường xuất hiện ở những vị trí thật bất ngờ: ở cuối câu, thường là câu cuối bài:

*- Em về - nhà cửa nhỏ nhoi
Buồn rầu khôn xiết em soi gương và...
(Em đi)
- Nói đuôi khơi sự từ đầu
Ví dù kết thúc trước sau vẫn là.
(Vẫn là là)*

- *Bá phương phẳng phát rồi ra*
Mùi hương xa vắng càng xa xôi càng
(Băng tâm)
- *Mai sau dù có đi về*
Xin nhìn gió rụng ngành tre thưa rằng.
(Em về)

Một điều vừa thú vị vừa khó hiểu là: người đọc thơ Bùi Giáng lại ít chú ý, không bị giật mình vì những cách dùng từ, đặt câu ngược ngạo như vậy. Mà, ở những trường hợp này, Bùi Giáng đều cố tình cả. Một mặt, tần số xuất hiện của những kiểu câu như thế ê hề; mặt khác, nhiều lúc Bùi Giáng đem những liên từ lý luận ra đùa nghịch:

- *Nếu và nhưng vẫn ắt rằng*
Tuy nhiên thế nọ thường hằng thế kia
Và nhưng tuy đâu là chia
Lìa cha biệt mẹ bốc tia sinh tồn
(Tuy nhiên)

- *Tuy nhiên đất quạnh sơn hà*
Còn tuy nhiên mãi họa là nhiên tuy
(Ích dụng hung sự)

- *Màng rằng ra rứa ví dù*
Màng ri thế nọ tịt mù thế kia.
(Mỗi ngày)

Một lần, Bùi Giáng giải thích:

Dù sao, tôi nói dù sao, bởi vì thiên hạ vốn ưa thích dù sao. Cho có mạch lạc. Chứ thật tình tôi chẳng rõ sao gọi là mạch lạc liên tục ngụ trong tính tình của ngôn ngữ dù sao đao sù.^[10]

Cách phân tích như trên khá nguy hiểm: nó dễ làm cho người ta có cảm tưởng thơ Bùi Giáng là một cái gì tĩnh tại và cố định. Thật ra, không phải. Theo dõi thơ Bùi Giáng chúng ta sẽ nhận ra ông thay đổi không ít. Tập *Mưa nguồn* xuất bản năm 1962 rất trong sáng; từ tập *Ngàn thu rút hột* (1963) về sau, thơ ông tối tăm hẳn; sau năm 1975, ở hai tập thơ xuất bản tại hải ngoại, thơ ông trong sáng trở lại, nhưng so với *Mưa nguồn*, đậm hơn, lằng lằng hơn và chín hơn.

Mưa nguồn là niềm nhớ thương đồng ruộng không nguôi:

Viết thơ lạc dấu sai dòng
Viết trong tức tươi sọ đồng lúa mong
[...]
Viết thơ là trở lại bên
Con người thôn nữ rặng đen hai hàng
(Ca dao)

Sau này, ông vẫn băng khuâng nhớ đồng quê. Chỉ băng khuâng thôi. Nghĩa là rất man mác. Có một câu thơ có lẽ ông thích, cứ lặp đi lặp lại rải rác ở nhiều bài thơ khác nhau:

Trông về đồng ruộng đôi khi
Thị thành tâm sự hoài nghi trắng tà.
(Gấu buồn)

Nhưng tâm sự chính của ông là nỗi tuyệt vọng về khả năng giao cảm giữa người và người, niềm cay đắng trước một xã hội ngày một đảo điên. Ông hoàn toàn cô độc:

*quay về một cõi riêng thôi
liệu trong tác cỏ kiếm trời ba xuân*
(Đời rộng đương chìm)

Ông làm thơ cho hư không:
*Bây giờ xin ngó cụm cây
Chấp hàng viết nốt áng mây về trời*
(Bây giờ)

Ông đọc thoại:
*Ngàn năm đọc đối riêng hàng
Tờ xanh ứa lệ đẫm trang xuân đầu*
(Khởi từ)

Có khi ông im lặng:
*Từ đây đối vịt thay gà
Chán chường đến thế là ta ngậm lời*
(Nhà ma đi đời)

Sau 1975, cảm giác cay đắng và tuyệt vọng ấy, không hiểu tại sao, dường như nhẹ nhàng đi nhiều. Đời sống ông cơ cực hơn, những cơn điên đến với ông thường xuyên hơn,^[11] song thơ của ông lại có vẻ thanh thản hơn. Ông bớt những thắc mắc siêu hình để quan tâm hơn đến khía cạnh cảm xúc, từ đó, nhấn mạnh đến yếu tố tâm hồn, coi đó là nguồn gốc của thơ:

*Chợt mùa thơ vội đổi giọng
Cõi nguồn cũng bởi tự lòng mà ra*
(Từ bấy tới nay)

Với quan niệm như vậy, thơ không còn là trò đùa nghịch chữ nghĩa nữa mà là một sự bộc bạch tâm sự:

*Lời tình táo, lời mê man
Điều thể thiết rổng điệu bàng hoàng ca*
(Y ư mộng du ư mê)

Do đó, ông khao khát được thông cảm:
*Xổ bầu tâm sự điều linh
Ai người chia sẻ với mình với ta*
(Một giờ)

Bài 'Bao giờ' in trong tập *Thơ Bùi Giáng* do Thế Kỷ 21 xuất bản là một bài thơ hay:

*Bằng bút chì đen
Tôi chép bài thơ
Trên tường vôi trắng*

*Bằng bút chì trắng
Tôi chép bài thơ
Trên lá lục hồng*

Bằng cục than hồng

*Tôi đốt bài thơ
Từng phút từng giờ
Tôi cười tôi khóc băng quơ
Người nghe cười khóc có ngờ chi không.*

Thơ, với Bùi Giáng, trước hết là một sự hiện hữu cụ thể với những màu sắc cụ thể nhất định: đó là một văn bản với những từ, ngữ, giấy, mực cụ thể. Văn bản ấy có đời sống riêng của nó: có sinh có tử. Nhưng đằng sau, ẩn náu phía trong cái hình thức cụ thể ấy lại là một tâm tình, là tiếng cười, là tiếng khóc. Tâm tình của người làm thơ oà vỡ bất chấp những giới hạn tự thân của ngôn ngữ:

*Ngữ ngôn khép kín mặc dầu
Hùng tâm tim máu óc đầu mở ra
(Bé con ơi)*

Bùi Giáng băn khoăn:
*Tôi cười tôi khóc băng quơ
Người nghe cười khóc có ngờ chi không?*

Bùi Giáng lại năn nỉ:
*Tặng nhau từ ngữ lạc lằm
Cũng xin hồng lệ hãy đầm đìa tuôn
(Tư mộng du ư mê)*

Trong bài 'Thuở chưa điên' in trong tập *Thơ Bùi Giáng* do Việt Thường xuất bản tại Canada năm 1990, Bùi Giáng tự so sánh thơ mình ngày trước với thơ mình bây giờ:

*Ấy là thơ thuở chưa điên
Ở trong dấu ngoặc quàng xiên reo cười
Bây giờ xoang điệu đười ươi
Điệu hoa lâu các ngậm ngùi dấn thân*

Sự khác nhau không phải ở chỗ: có lúc ông 'quàng xiên reo cười', có lúc ông lại 'ngậm ngùi dấn thân'. Ở Bùi Giáng cái cười và cái khóc đôi khi rất giống nhau. Theo tôi, chỗ khác nhau căn bản là: trước đây, Bùi Giáng loay hoay mãi trong 'dấu ngoặc' của ý thức, của cái tôi; sau này, ông tung hê hết, ông hoà nhập vào cái chung của cuộc đời: 'Ta quên như thể mình ta quên mình' ('Tặng hai cháu Quỳnh và Na'). Ông trở thành dễ thương và tội nghiệp vô cùng:

*Trái tim mỗi mới mỗi ngày
Mỗi giờ phút động mây trời rung rinh
Đường đi mất hút thành linh
Những khuôn mặt lạ những hình ảnh quen
Tạm nhờ men rượu nguôi quên
Niềm vui nỗi nhớ chênh vênh lạ lùng
(Đường quanh ngõ quẹo)*

Ở khía cạnh này, có thể nói Bùi Giáng xoá nhoà ranh giới giữa cái tôi và cái ta, giữa cái riêng và cái chung:

*Hoặc rằng người cũng là tôi
Hay là tôi cũng là tôi như người
Ấy rằng tinh thể đười ươi
Lời rằng quyết tuyệt và tươi vui và
Ấy rằng một cũng là ba
Là hai mai một một là hôm nay.*

Xoá nhoà. Xoá nhoà ranh giới giữa các giọng điệu, giữa truyền thống và hiện đại, giữa thơ và phi thơ, giữa cái lý và cái phi lý, giữa cái tôi và cái ta, cái riêng và cái chung, xoá nhoà mọi sự phân biệt, biệt biệt: theo tôi, đó là những đặc điểm nổi bật nhất trong thơ Bùi Giáng. Bằng những sự xoá nhoà ấy, Bùi Giáng xoá nhoà luôn cả ranh giới giữa cái gọi là văn hoá cao cấp và văn hoá bình dân. Đồng thời, Bùi Giáng cũng xoá nhoà luôn cả tính chất nghiêm nghị, nghiêm túc với những khẩu hiệu ồn ào như 'vị nhân sinh', 'vị nghệ thuật' vốn kéo dài rất lâu trong văn học Việt Nam. Khác với các nhà thơ khác lúc nào cũng nhăn mặt nhủ mày, lao vào thơ như lao vào một trận địa, kỳ khu và khắc khổ, lúc nào cũng khắc khoải sáng tạo ra cái mới, mà chưa chắc đã mới và chưa chắc đã hay, Bùi Giáng, ngược lại, làm thơ cứ như đùa như giỡn, như không phải đang làm thơ, vậy mà tự nhiên thơ lại trở thành bát ngát và lấp lánh và lộng sắc và lộng hương. Mai Thảo kể: "ba chữ 'vui thôi mà' là câu trả lời mơ hồ nghịch ngợm duy nhất của Bùi Giáng trước mọi tìm hiểu của (về ?) lực thơ và số lượng thơ không thể tưởng tượng được ở nơi ông", rồi bình tiếp: "Thơ Bùi Giáng vui thật. Một vĩ đại vui".^[12] Theo Leslie Fiedler, sự xoá nhoà ranh giới giữa văn hoá bình dân và văn hoá cao cấp, và cùng với nó, việc đoạn tuyệt với chủ nghĩa đặc tuyển (elitism) và tính chất nghiêm cẩn (seriousness) là những đặc điểm chính yếu của chủ nghĩa hậu hiện đại (postmodernism).^[13]

Ở khía cạnh này, Bùi Giáng rất gần các nhà thơ hậu hiện đại. Bùi Giáng còn gần gũi các nhà thơ hậu hiện đại ở một khía cạnh khác nữa: một số khá nhiều những bài thơ của ông là loại thơ không thể giảng. Susan Sontag cho một trong những đặc trưng lớn của chủ nghĩa hậu hiện đại là tính chất phản-diễn dịch (anti-intepretation), là sự nhấn mạnh vào hình thức và sự trình diễn (performance) hơn là nội dung và ý nghĩa.^[14] Chúng ta biết theo quan niệm của Ferdinand de Saussure, ngôn ngữ chỉ là một hệ thống ký hiệu, ở đó, mỗi đơn vị ký hiệu đều có hai mặt: cái biểu đạt (signifier) và cái được biểu đạt (signified). Cái biểu đạt là âm hoặc chữ viết. Cái được biểu đạt là ý niệm do âm hoặc chữ viết ấy gợi lên trong đầu chúng ta. Ví dụ: nghe âm 'chó' (cái biểu đạt), chúng ta nghĩ ngay đến giống vật thường được nuôi trong nhà (cái được biểu đạt).^[15] Từ đó, người ta đi đến chỗ coi bài thơ cũng là cái biểu đạt. Đọc thơ là để tìm kiếm cái được biểu đạt, tức ý nghĩa, điều ẩn giấu phía sau bài thơ. Với Bùi Giáng, cũng như với các nhà thơ hậu hiện đại, ngược lại, bài thơ là cái được biểu đạt chứ không phải là cái biểu đạt. Nói cách khác, bài thơ là bài thơ. Không có ý nghĩa nào ẩn đằng sau bài thơ để chúng ta đào xới, tìm kiếm. Nó giống như một bức tượng đá. Bề mặt: đá; trong ruột: cũng là đá. Do đó, nếu hỏi ý nghĩa bài thơ 'Đạm Tiên' tôi dẫn ở trên là gì ư? Chối! Ý nghĩa của nó là chính sự hiện hữu của nó, là bài thơ có nhan đề là 'Đạm Tiên', vậy thôi. Chúng ta không thể phân tích. Chúng ta chỉ cần nghiệm (experience). Đọc lần thứ nhất: chúng ta không hiểu gì cả. Đọc lần thứ hai: chúng ta vẫn không hiểu gì cả. Đọc lần thứ ba: chúng ta lại vẫn không hiểu gì cả. Nhưng càng đọc chúng ta càng nghe rõ, càng thấm, càng cảm cái nhạc điệu lầm rầm, lầm rầm của bài thơ. Nghe như thần chú. Như tiếng tụng kinh. Như lời cầu hồn. Chúng ta sống trong một không khí huyền bí, ma quái, không có gì rõ nét. Thì Đạm Tiên là một bóng ma mà! Ở nhiều bài thơ khác, điều chúng ta nghiệm được thường là sự bất lực của ngôn ngữ: chúng ta không hiểu vì chính nhà thơ cũng không thể diễn tả được những gì ông chỉ cảm nhận một cách mơ màng hoặc bằng trực giác hoặc bằng tiềm thức.

Chúng ta có thể gọi Bùi Giáng là nhà thơ hậu hiện đại được chăng? Khái niệm hậu hiện đại, mặc dù xuất hiện từ thập niên 30 và 40 với Frederico de Oniz, Dudley Fitts và Arnold Toynbee, được sử dụng khá nhiều tại Mỹ vào thập niên 50 và 60, trở thành thời thượng tại Âu Mỹ từ giữa thập niên 80 đến nay,^[16] vẫn còn khá xa lạ với giới cầm bút Việt Nam. Điều đó dễ gọi cho chúng ta ấn tượng chủ nghĩa hậu hiện đại là cái gì rất mới, chỉ gần đây thôi, gắn liền với máy vi tính, chẳng hạn. Tuy nhiên, trên thực tế, khác hẳn. Danh sách các nhà thơ hậu hiện đại được Jerome Mazzaro phê bình trong quyển *Postmodern American Poetry* bao gồm W.H. Auden (1907-73), Randall Jarrell (1914-65), Theodore Roethke (1908-63), v.v...^[17] Với Margaret E.

Gray, ngay cả Marcel Proust (1871-1922) cũng là một nhà văn hậu hiện đại. ^[18] Chúng ta có thể gọi Bùi Giáng là nhà thơ hậu hiện đại hay hậu 'liên' đại (người vượt ra ngoài chủ nghĩa 'liên' đại tại Việt Nam) hay 'ậu' hiện đại (người ít nhiều - chứ chưa hoàn toàn - nhích ra khỏi chủ nghĩa hiện đại theo cách hiểu truyền thống tại Tây phương) được chăng?

Dù sao, vấn đề xác định danh xưng ở đây, tôi nghĩ, cũng không phải là điều quan trọng. Quan trọng hơn, chúng ta cần ghi nhận đóng góp lớn lao của Bùi Giáng: ông đã tiến một bước khá xa trên con đường hoà giải giữa thơ và hiện thực cũng như giữa nhà thơ và người đọc.

Chú thích:

- (1) Mai Thảo (1994), "thay lời bạt: Một vài kỷ niệm với Bùi Giáng", in trong tập Thơ Bùi Giáng, nxb Thế kỷ 21, California, 1994. tr. 146.
- (2) Như trên, tr. 139.
- (3) Thanh Tâm Tuyền (1994) "Bùi Giáng, một hồn thơ bị vây khốn", Tạp chí Thơ (California) số 1, Mùa thu 1994, tr, 73-75.
- (4) Bùi Giáng (1969), Thi ca tư tưởng, Ca Dao, Saigon. tr, 102-3.
- (5) Thơ Bùi Giáng, Việt Thường xuất bản tại Montreal, 1990 và Thơ Bùi Giáng, Thế Kỷ 21 xuất bản tại CA, 1994. (6) Trong bài "Bao giờ" và "Bài thơ của tháng giêng" in trong tập Liên, đêm mặt trời tìm thấy, nxb Sáng Tạo, Saigon, 1964.
- (7) Bùi Giáng (1970) Mùa thu trong thi ca, Sống Mới in lại tại hải ngoại, không ghi năm, tr. 223-4
- (8) Dẫn theo Steiner, G. (1967) Language and Silence, Faber & Faber, London, tr. 72.
- (9) Bùi Giáng (1970) Mùa thu trong thi ca, sđd. tr. 17.
- (10) Xem Phạm Xuân Đài, "Kẻ cuồng sĩ trong vườn cây" lời tựa tập Thơ Bùi Giáng, Thế Kỷ 21, 1994, tr. 15-26.
- (11) Mai Thảo (1994), bài đã dẫn, tr. 141.
- (12) Fiedler, L. (1975) "Cross the Border - Close the Gap: Postmodernism" in trong tập American Literature since 1900 do Cunliffe chủ biên, Sphere Books, London, 1975, tr. 344-366.
- (13) Sontag, S. (1966), Against Interpretation and Other Essays, Delta, New York.
- (14) Tác phẩm chính của Saussure, Cours de linguistique générale, in tại Paris năm 1916, sau đó, được dịch ra nhiều thứ tiếng và tái bản rất nhiều lần; một thời gian dài, ít nhất cho đến đầu thập niên 70, được xem như một tác phẩm kinh điển trong ngành ngôn ngữ học trên khắp thế giới. Về Saussure, có thể xem quyển sách giới thiệu rất hàm súc của Jonathan Culler, Saussure, Fontana/Collins, 1976.
- (15) Về lịch sử thuật ngữ "chủ nghĩa hậu hiện đại", có thể xem: Bertens, H. (1986), "The Postmodern Weltanschauung and Its Relation with Modernism: An Introductory Survey" in trong Approaching Postmodernism do Fokkema, D & Bertens, H. biên tập, John Bengamins xuất bản tại Amsterdam, 1986, tr. 9-51; Best, S & Kellner, D. (1991), Postmodern Theory, Macmillan, Hampshire, tr. 1-33. Về chủ nghĩa hậu hiện đại trong lãnh vực văn học, có thể xem: Hassan, (1982), The Dismemberment of Orpheus: toward a Postmodern Literature, Oxford University Press, NY.; Hassan, I. (1987), The Postmodern Turn: Essays in Postmodern Theory and Culture, Columbus; Spanos, W. (biên tập) (1979), Martin Heidegger and the Questions of Literature: toward a Postmodern Literary Hermeneutics, Indiana University Press, Bloomington; Connor, S. (1989), Postmodernist Culture: an Introduction to Theories of the Contemporary, Basil Blackwell, Oxford, đặc biệt chương 4, "Postmodernism and Literature", tr. 103-131; McHale, B. (1986), "The Semantic and Syntactic Organisation of Postmodernist Texts" in trong tập Approaching Postmodernism, sđd, tr. 81-98; và Jameson, F. (1988), "Postmodernism and Consumer Society" in trong Postmodernism and its Discontents: Theories & Practices, Kaplan E.A. biên tập, Verso, London, tr. 13-29.
- (16) Mazzaro, J. (1980), Postmodern American Poetry, University of Illinois Press, Urbana.

Bùi Giáng : Con đường ngã ba Nguyễn Vy Khanh

"Mùa xuân đương đợi bước ai đi vào", Bùi Giáng (1926-1998) vui say tưởng mình là chúa Xuân, đã dừng chân, và ông đã dừng chân gần 73 năm dương thế. "Chào con thể lệ điệp trùng / Đường xuân viễn tuyệt ông dừng chân đây" (Ly Rượu Cuối Cùng). Ông phiêu du viễn xứ, từ miền Trung đến miền lục tỉnh, dạy học hay viết sách đầu đời, lang thang nhiều cuối đời, nhưng cảm tưởng người đọc rằng ông vẫn luôn ngập ngừng ở ngã ba đường! Tại sao ngã ba ?

*"Xin chào nhau giữa con đường
Mùa Xuân phía trước miền trường phía sau"
(Mưa Nguồn).*

Cõi chết, cõi phúc, nguyên xuân hay miền trường! Trong *Con Đường Ngã Ba*, tựa một tập tiểu luận về "bước đi của tư tưởng" do nhà An-Tiêm xuất bản năm 1972, Bùi Giáng viết về sơ nguyên "khả khả khả" của tư tưởng nhân loại dưới cái nhìn tổng hợp của một con người Việt Nam. Đây là ngã ba đầy cây cối, chuồn chuồn - nói theo ngôn ngữ của nhà thơ, "năm xưa châu chấu mang tên chuồn chuồn". Nói cách khác, là ngã ba Phật, tưởng đã nhập thất, ăn hủ tiếu gặp Kim-Cương Nương-Tử và đọc sách cùng Khổng Khâu, Lão Đam và Trang-Châu, sau khi đã thử tìm qua những ngã Nietzsche, Heidegger, Holderlin, v.v. và bị tẩu hỏa nhập ma thất điên bát đảo trước ngã ba của Bát Nhã Ba La Mật.

*"Rêu trời phủ xuống hiên xanh
Một bờ chim én vây thành sang thu
Sương Hy Lạp phượng lên mù
Ba mươi thế kỷ cầm dù dưới mưa*

*... Chín phương trời tuyết ra bông
Trong nguồn thủy thảo đất hồng khai nguyên
Đầu sơ mộng cuối phi tuyền
Ngàn năm mai trúc chim chuyền bữa nay"
(Logos)*

Ngã ba vẫn hoàn ngã ba không lối thoát. Khung cửa hẹp chôn đời Alissa, cánh tường tu viện giam hãm Adrienne đến chết (1), ngã ba tư tưởng cũng đã chôn đời Bùi Giáng như thế! " Ấy là một loại Ngã Ba riêng biệt. Một loại ngã ba theo dõi mãi con đường trong mỗi bước chân đi, trong từng mỗi mỗi niệm, mỗi mỗi sát na thù thắng. Trên con đường tư tưởng, không ai một lần vượt qua Ngã Ba là coi như vĩnh viễn từ nay không còn Ngã Ba nào chon von eo óc khiến bàng hoàng. Phải luôn luôn thể hội một điều : Ngã Ba còn hằng tại ở mãi dưới bước chân đi hàng hai theo thể lệ chữ 'Bát' cho máu me đánh mãi nhíp chữ 'Không'..." (2)

Ngã ba với người khác có thể đã là lối thoát nhưng với Bùi Giáng thì không, vì ông làm người Việt Nam sống thời chiến-tranh huynh đệ, vì cái lúc bấy giờ gọi là chiến-tranh lạnh ý thức hệ. Đông-Tây gặp nhau đến chết người qua bom đạn, thay vì gặp gỡ tinh hoa qua ngôn từ, thi ca và tư tưởng! Ông làm người tiều phu lạc lối bên ngã ba đường rừng lý luận bằng hư vô, có khi tìm ra được tới bìa rừng lại "sa mù chiếu cố" nên vô lại rừng, ngơ ngác nhìn cõi hữu thể ông không thể hiểu. Vô núi đọc sách và làm Trung-Niên Thy-Sỹ luôn lơ đãng "nhìn một nẻo mà thấy ra một ngã ba", rồi "một hôm đếm một ra ba / Thật là lạ lắm ấy là cái chi" Phải chăng là một tổng hợp mới, một một-mà-ba ba-mà-một?

"Hoặc rằng người cũng là tôi
Hay là tôi cũng là tôi như người
... Ấy rằng một cũng là ba
Là hai mai một một là hôm nay"

Tim về nguồn tư tưởng, cõi sơ hoang, cỏ thơm sách vở thánh hiền, thi ca nguồn suối, rồi ra:

"Tờ cỏ thơm như lệ ứa pha hồng";
"Quanh co phường phố gọi mình
Sao ngôn ngữ bỗng tự tình quả nhiên
Cô đơn chứa đựng đầy miền
Cỏ thơm tiền kiếp đầu tiên bây giờ"
(Quanh Co)

Nhà thơ thành gã lang thang trên những ngã ba đường tư tưởng không đồng người nhưng đầy mê lộ. Một thế-giới bụi hồng khá quyến rũ. Nhưng rồi cõi hồng trần đó đã nhuộm màu xám đen, thành địa ngục chứ không còn là thế-giới theo hình ảnh người nữa. Theo ông, cái hiểm nghèo khi con người trần gian trở thành hồn ma bóng quế vất vưởng lang thang trên một hành tinh nào khác:

"Vòng quanh tuế nguyệt vương tròn
Tháng năm vui với cuộc tròn vương quanh
Quanh tròn méo, quanh loanh quanh
Quanh trời xán lạn quanh trăng mơ màng..."
(Vòng Quanh)

Tim, bươn những lối chưa mòn, từ thuở mới mọc răng:

"Kể từ khởi sự mọc răng
Tới bây giờ vẫn thường hằng chiêm bao"
(Biển Đông Xe Cát)

Trên đường kiếm tìm căn nguyên, ông đến bên bờ vực của Hư Vô - một ngã ba tâm thức, một tuyệt vọng tư tưởng, một hoài nghi biện chứng:

"Em về mấy thế kỷ sau
Nhìn trăng có thấy nguyên màu ấy không?
Ta đi còn gửi đôi dòng
Lá rơi có đội ở trong sương mù?
Những thương nhớ lạnh bao giờ
Đường thu chia ngã chân trời rộng thênh..."
(Mai Sau Em Về)

Nơi bờ vực, ông chợt thấy

"Cũng vô lý như lần kia dưới lá
Con chim bay bỏ lại nhánh khô cành
... Lá cũng mất như một lần đã lỡ
Trời đã xanh như tuổi ngọc đã xanh
Trời còn đó giữa tháng ngày lỡ dở
Hồn nguyên tiêu ai kiếm lại cho mình"

*... Bờ trùng ngộ một phen này phen nữa
Tờ cỏ thơm như lệ ứa pha hồng
Hồn hoa cỏ Phượng Thành Hy Lạp úa
Nghe một lần vĩnh viễn gặp hư không"
(Hư Vô Và Vĩnh Viễn)*

Lúc trẻ ông lạc quan, nhìn người yêu đuổi bắt giùm tia nắng đẹp mong manh của một chiều Xuân:

*"Chạy đi em! Và bắt vội giùm cho
Ta em nhé, ta chờ tay em bắt
Giùm chút nắng chiều ngọn cây lay lắt
Nắm và cầm đưa lại giúp cho ta"
(Tuổi Trẻ)*

Trên đường đi tìm chân lý và tư tưởng cứu rỗi, có lúc ngộ ra, "đất với trời chung một nghĩa bơ vơ" (Không Đủ Gọi), và hư là vô:

*"Ngày đêm thao thức thật thà
Sưu tầm chân lý té ra tầm ruồng"
(Bùi Giáng)*

Như nàng Thúy Kiều lớn trong khổ hạnh:

*"Rồi anh bỗng thấy lời lời vô ích
Vi bỗng dưng chợt hiểu em nguy nga
Từ vô tận em đi về Vô Tích
Từ Lâm Truy em lạc bến giang hà"
(Không Thể Nói Ràng)*

Không, không, cũng là đồng thời tìm thấy mình: "Người đi cuối cuộc hành trình / Qui hồi bắt chợt tình linh thấy ta" (Đi Và Về); vì cái bản ngã cũng là tha nhân, cả hai nhập một:

*"Hoặc rằng người cũng là tôi
Hay là tôi cũng là tôi như người"*

Hoài nghi triệt để đến thế là cùng! Và thế-giới, và lịch sử :

*"... Tà từ thánng chạp quay nghiêng
Âm trang sử lịch thu triền miên trôi
... Bây giờ riêng đối diện tôi
Còn hai con mắt khóc người một con"
(Mắt Buồn)*

Cả với tình yêu:

*"Yêu nhau? Ngàn vạn nảo nường
Biển dâu lớp lớp - mộng thường so le"*

Nơi ngã ba, Bùi Giáng làm kẻ lữ hành cô đơn, một mình một bóng, trên cõi đời, ngay trên quê hương mình, bên đồng loại: "Đi là đi biệt từ khi chưa về!". Làm một kẻ lữ hành nhưng vui rong chơi mãi với đời:

*"Rong chơi râu tóc bạc phơ
Còn nghe đắm đuối vẫn thơ yêu người
Người đi ở cuối chân trời
Có nghe tình mộng nửa đời dằng dai"*
(Rong Chơi)

Vậy mà lúc nào cũng muốn để dành gặp gỡ, khi trong chiêm bao gặp "thôn nữ" hỏi từ Sài-Gòn về chơi bằng phương tiện gì sao không đi xe đò cho nhanh:

"Anh muốn từ từ thong thả. Vừa đi vừa ngắm phong cảnh dọc đường. Và cũng có ý kéo dài ra để dành.

-Để dành cái chi?

-Cái gì quý trọng. (...) Để dành cuộc gặp gỡ sau nhiều năm xa nhau.Đừng gặp vội ..." (Thôn Nữ).

Đằng sau những vui chơi chữ nghĩa tài hoa là cái buồn nhân sinh, cái buồn trong "cõi người ta" : "những thân đau khổ những đời rã rời", cái tâm sự; "Sớm kêu chiều hót dỗi tìm / Hình dung tâm sự nổi chìm bấy bao" (Con Chim). Cái con người nhỏ nhoi trong trời đất:

*"Vội người ngó ngát ngậy đương nằm đó
Không biết trời đất có ngó mình không"*
(Anh Lừa Bò Vào Đồi Sim Trái Chín).

"Ngó buổi chiều buồn có phải" về một cõi trăm năm :

*"... Những nhịp bước bên đường còn dội mãi,
Vang về đâu không vọng lại hồi âm.
Cửa réo rất riêng một lần mãi mãi,
Gió phương trời ù mộng giữa hoa tâm.
Em hỏi mãi tuy biết lời đáp lại
Chẳng bao giờ thoả đáng giữa đời cam,
Em ngó mãi những chiều về trở lại
Mang những gì về trong cõi trăm năm"*
(Chiều).

*"Con làm Nam hải điếu đồ
Ngồi câu con cá hư vô linh hồn"*

Ông ngắm gió, ngắm trăng, trong cái tịch mịch của cõi người:

*"Tôi ngồi ngẫu chuyện oái oăm
Phiêu bổng bao xiết phù trầm bấy bao"*
(Tịch Mịch)

Và một thể-giới tình yêu. Cảm động thay lời nhắn nhủ, như người còn đó, ở giây phút tưởng niệm:

"Giờ ngẫu nhĩ như hồng bay em ạ"

Và yêu thương như lá ở bên hoa
Và luyến ái như tơ vàng bốn ngã
Bủa vi vu như thoáng mộng la đà

... Con mắt ấy có gieo buồn rớt lệ
Trên nẻo đường lạnh lẽo lối lang thang
Môi thắm ấy mấy lần thao thức kể
Vớ đèn khuya vò võ mộng khôn hàn

... Em ở lại với đời ta em nhé
Em đừng đi . Cho ta nắm tay em
Ta muốn nói bằng thơ bay nhẹ nhẹ
Vào trong mơ em mộng giấc êm đềm
Ta sẽ đặt mười ngón tay lên mắt
Để nhìn em qua khe hở du dương
Vòng theo máu hai vòng tay khép chặt
Ô thưa em ta thấy mộng không thường"
(Ly Tao I)

Tình đó rồi xa, tình trong từng lời và ý thơ gọi người đọc liên tưởng đến Trời Mưa Tháng Sáu hoặc Tiễn Biệt của Nguyễn Sa, một bên ly tao trữ tình (lyric), một bên lãng mạn (romantic). Tình nên có đau khổ trái đắng:

"Vi bữa đó nhìn nhau hai con mắt
Giữa bốn bề bóng tối lạnh tro phai
Nên em muốn bàn tay ta xiết chặt
Ngón vô ngần đau khổ ở trong tay

... Còn lại đó chút gì em có biết
Có hiểu rồi và đã có nghe ta
Nói lơ lảo một lời khi úp mặt
Ngón vô ngần đau khổ lúc buông ra"
(Vi Bữa đó)

Vì không được nên phải nhưng nhớ vô tận, nhớ một thuở đã lên ngôi, chiếm lãnh. Em không tên hay em là những tên tuổi vui đời với nhà thơ, hay người vợ đã quá vắng sớm?

"Miền cát lạnh chân lạc đà bé bỏng
Bóng hình em toạ tả dưới trăng rằm"

Nỗi đau nên lời, nỗi cô đơn dù say hay tỉnh ráo:

"Nhưng em hỏi trần gian ôi ta biết
Sẽ rồi ra vĩnh biệt với người thôi"

Nhưng rồi ra cũng chỉ là mộng "Bước ngại ngừng nẻo mộng mấy lần sai" và

"Màu hoang đảo từ đây em sẽ ngó
Cát xa bờ tơ chỉ rối chiêm bao"

Đành thôi em nhé,

"Đời xiêu đổ nguồn xưa anh trở lại
Giữa hư vô em giữ nhé ngân này"
Vỗ về vói đời ngắn hạn, của người thương :
"Ta đứng lại bên này chờ đợi
ò phải không ? Em đó phải không
Ta đếm lại từng ngón tay lấy bấy
Đời chúng ta là mấy trăng tròn"
(Vỗ Về)

Với Bùi Giáng, tình là sức mạnh, là lẽ sống, nhưng cũng oái ăm mỏng manh như phận người ngã ba! Nguồn nước nguyên sơ và mưa nguồn thường trực đã làm rơi lá tả những lá hoa cồn, chốn hoang sơ của người thơ, của nguồn tư tưởng, hóa ra chỉ là hư vô, vì em không còn đó... Nước nguồn gợi nhớ nhưng cũng hóa thành hư ảo, thành quá vãng! Trung thành với tình yêu chưa đến nửa đường đã đứt gánh, cả cuộc đời Bùi Giáng tự do chạy theo nhiều thần tượng, Maryline Monroe, Brigitte Bardot, Hà Thanh, Kim Cương, Phùng Khánh,... Kính cẩn gọi hai người sau là Mẫu Thân. Đó là những thần tượng hiện đại, vì đồng thời ông cũng với tay đến những xa xôi như Phật, Lão, Trang, Khổng,... hay gần hơn với Nietzsche, Nguyễn Du,... Tìm tri kỷ, nhìn đối mặt để tìm họ nghĩ gì, nếu là ông họ làm gì, v.v. Tôn Nguyễn Du làm thần tượng đến cả xem việc mình làm thơ là "vịnh Kiều" mà thôi! "Thơ Nguyễn Du thị hiện một cách đoạn trường như thế, thì sự cố nào xảy ra cho thằng tài tử ? Ấy là sự cố *Mưa Nguồn, Lá Hoa Cồn*... Mọi bài thơ tôi viết ra, đều là vịnh thơ Nguyễn Du tại chỗ gay cần âm thầm nhất. Dịch thơ từ đó biến ra làm Vịnh Kiều, trong từng cơn cuồng bức. Cưỡng bức thơ Nguyễn Du cũng là tự mình cưỡng bức mình."(3).

Người ta viết nhiều về hành-trạng Bùi Giáng hơn là thơ của ông và nhiều về thơ hơn là về tư tưởng của Bùi Giáng - có người cho là rời rạc, không hệ thống - hay tại không dễ nắm bắt! Hiểu được Bùi Giáng sẽ có thể hiểu tại sao Tam Ích tự treo cổ đập chồng sách như một thái độ trước bí lối, tại sao Phạm Công Thiện có lúc cạo đầu mặc nâu sòng. Vì Bùi Giáng đã có thơ. Thi ca là giải thoát, là cõi phúc, là nguyên xuân, là sự sống ngao du tháng ngày! Mở đầu tập *Thi ca Tư Tưởng*, Bùi Giáng viết "Thơ tôi làm ra là để tặng chuồn chuồn châu châu, xin các ngài học giả hãy xa lánh thơ tôi". Lúc khác ông đã lý luận : "muốn bàn tới thơ, diễn dịch thơ, người ta chỉ có thể làm một bài thơ khác" (4). Hoặc: "...kẻ nào tự xét mình từ trong tinh thể mà ra chả có chi là phiêu bồng tí chút thì chả nên cưỡng cầu tự ép uống ghé vào thi ca thâm xứ làm chi"(5). Tự xưng là Trung-Niên Thy-Sỹ và cho biết "là thằng thi sỹ đứng chênh vênh giữa hai bờ cõi để nghe ra những âm thanh chon von tịch hạnh" (Câu Chuyện Hôm Qua). Trong hai tập *Đi Vào Cõi Thơ*, Bùi Giáng viết về thơ người đồng điệu và cả thơ Bùi Giáng, vẫn theo cung cách của ông! Thơ và tư tưởng Bùi Giáng như không có biên giới, cả hai như nương tựa lẫn vào nhau, hai thể loại được dùng để nói lên điều ông muốn nói và thi ca với ông rõ là một phương tiện để ông đạt đến chân lý!

Bùi Giáng có ngôn từ của ông, cả cách chơi chữ, ghép chữ ghép ý bất ngờ, từ láy từ láy, phi lý mà hợp một lý nào đó, vô nghĩa thoáng nhìn nhưng sâu xa ý tứ. *Mưa Nguồn* (1962) là bước đi khai mở một ngôn từ và một thế-giới thi ca riêng tây, sau này người ta gọi là rất-Bùi-Giáng. Mưa nguồn trên rừng thành nguồn nước, nước động, như mưa, như dòng trôi chảy,... Nhà thơ sống hòa hợp với cõi thiên nhiên đó, bên những *Lá Hoa Cồn, Mầu Hoa Trên Ngàn* và *Ngàn Thu Rớt Hột* (6),... Trên đồi xanh sim tím, cõi sơ nguyên và an nhiên tự tại:

"Anh lùa bò vào đồi sim trái chín
... Anh thấy lòng mở rộng đón trời xanh

*Chim ngậy ngát vào trong đôi mắt lá
Anh lìm đim cho chết lịm hồn mình
Anh quên mất bò đương gặm cỏ
Anh chỉ nghe tiếng cỏ rì rào
Có hay không? bò đương gặm đó?
Hay là đây tiếng gió thì thảo ..."*
(Anh Lừa Bò Vào Đồi Sim Trái Chín).

Cái tuổi thơ đẹp đó đã qua mất :

*"Mười lăm năm ngọn tử phần
Mù sương cố quận chín tầng tầng rơi"*
(15 Năm)

Thế-giới thi ca Bùi Giáng trữ tình, ly tao, xử dụng con chữ và cấu trúc với ngôn từ thuần Việt.
Khi nói về tình yêu :

*"Anh sẽ khóc suốt thiên thu tình lụy
Của vấn vương tình nghĩa nặng muôn nghìn"*
(Vì Có Lẽ).

Những ngổ nghịch thường quen hay mơ thực cộng với dồn nén : "Bây giờ em để quần đâu / Cỏ trên mình mấy em sàu ra sao?"

Bùi Giáng bốn cột, như một Socrate trước tòa nhân dân thành Athènes, như Kiều trên đường đày đọa 15 năm: "Đầu đuôi thơ viết lộn hàng / Hóa ra nét chữ lên đàng quần quanh" (Không Thuộc Bài). Hay "Tặng nhau từ ngữ lạc lằm / Cũng xin hồng lệ hãy đầm đĩa tuôn" (Y Ư Mộng Du Ư Mê).

Sau 1975, ngã ba thành ngõ bí, Bùi Giáng giỡn với con chữ nhiều hơn, ý nhân tình thế thái hơn là những tư tưởng thời trước đó.

*"Que diêm que lửa que lời,
Cối trăm năm cũng một đời ba que ..."*
(Que Diêm).

Bùi Giáng đối thoại bằng độc thoại, giao tiếp với đời qua hành trạng người điên, nhưng ông có những cái nhìn thông suốt, thấu rõ, cả vung bút biết trước ngày cuối của mình hơn 26 năm trước khi kết bài "Sao gọi là thơ": "Cô Kim Cương nhớ chiếu cố sa mù cho nắm mộ mai sau của Trung-Niên Thy-Sỹ. Thy Sỹ chiêm bao thấy cô chan rưới mưa móc thật là nhiều. Tỉnh ra, sờ tay lên mái tóc, tưởng như hương thừa còn thơm nức thiên thu..." (7). Cũng như trước đó mười năm, trong tập *Mưa Nguồn* :

*"Ngày sẽ hết tôi sẽ không ở lại
Tôi sẽ đi và chưa biết đi đâu
Tôi sẽ tiếc thương trần gian mãi mãi
Vì nơi đây tôi sống đủ vui sầu"*

Hay gần hơn :

*"Ngày mai cá sổng phiêu bồng
Ngàn trăng ngậm bóng sương đồng ra đi"*
(Đêm Ngắm Trăng).

Những trần trở chữ nghĩa của Bùi Giáng là mặt ngoài của ngã ba tư tưởng suốt đời vật vã ông, con người tổng hợp chân lý đông-tây nhưng cũng thấu hiểu rõ lẽ kỳ bí của vũ trụ và con người !

Chú-thích:

1. Alissa là nhân vật chính của *Khung Cửa Hẹp (La Porte étroite)* của André Gide và Adrienne, nhân vật của *Mùi Hương Xuân Sắc (Sylvie, Souvenirs du Valois)* của Gérard De Nerval - hai nhân vật là những ám ảnh của đời và tư duy Bùi Giáng, hai tập này cũng là những bản dịch tài hoa của ông - ký Vân Mông.
2. *Con Đường Ngã Ba*. Sài-Gòn: An Tiêm, 1972, tr. 7. (Bùi Giáng ghi Ngã Ba)
3. *Thi Ca Tư Tưởng (Đi Vào Cõi Thơ 2)*. Sài-Gòn : Ca Dao, 1969, tr. 63.
4. *Thi Ca Tư Tưởng*. Sđd, tr. 14.
5. *Đi Vào Cõi Thơ*, tr. 9.
6. Cả ba đều do nhà Lá Cờn xuất bản năm 1969.
7. *Con Đường Ngã Ba*. Sđd, tr. 393.

2-2001

Bùi Giáng, sơ thảo tiểu truyện Đặng Tiễn

Sơ thảo, gọi như vậy vì tính cách sơ lược của bài viết.

Vì một số dữ kiện nêu lên, không chắc chắn, dù cho người viết hết lòng tìm căn cứ. Chung quanh Bùi Giáng có nhiều giai thoại, dần dần trở thành huyền thoại, đồng thời với những tư liệu có khi không hợp lý, hay mâu thuẫn, không dễ gì kiểm chứng.

Sơ thảo, vì lối biên tập còn rườm rà, khi chúng tôi cố tình muốn đưa ra nhiều tư liệu, có lúc ngoài lề, để người khác có thể men theo và truy cứu thêm, về chuyện này hay chuyện khác. Sơ thảo, tóm lại, không phải là lời từ tốn vào đề chiếu lệ, mà là lời mời gọi giới văn học và độc giả cải chính, bổ sung đào sâu hay nâng cao.

Bùi Giáng đứng tên trên khoảng 60 đầu sách, chủ yếu là 14 tập thơ, xen kẽ 19 dịch phẩm, 6 sách giáo khoa đầu tay, phần còn lại là biên khảo về triết học và thơ. Hiện nay còn khoảng 10 tập thơ và nhiều văn bản dịch, chưa in.

Trên cơ bản, Bùi Giáng là nhà thơ.

*

Bùi Giáng là tên thật. Có khi sử dụng nhiều bút danh khác: Vân Mông, Bùi Bàng Giúi, Búi Bàng Giúi, Báng Giúi, Trung Niên Thi Sĩ, Đười Ươi Thi Sĩ.

Ông sinh ngày 17 tháng 12 năm 1926, Bính Dần, tại làng Thanh Châu, nay đổi thành Duy Châu vì thuộc huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam ^[1].

Thân phụ là Bùi Thuyên, tục danh Cữu Tỳ, địa chủ giàu có; thân mẫu là Huỳnh Thị Kiên, còn tên là Hai. Cụ Bùi Thuyên có hai đời vợ, bà trước là con Phạm Tuấn, là một trong năm tiến sĩ đồng khoa 1898 cùng quê Quảng Nam, gọi là Ngũ Phụng Tề Phi ^[2]. Bà mất sớm khi hạ sinh

người con thứ ba. Bà sau là cháu nội cụ Hoàng Văn Bàng, em ruột Hoàng Diệu, phó bảng khoa 1853, Thượng thư Bộ Binh, Tổng Đốc Hà Ninh, tuần tiết tại Hà Nội năm 1882. Bà sinh được hai gái và bảy trai. Bùi Giáng là con thứ năm, kể cả con bà mẹ trước, nên còn tên là Sáu Giáng.

Những chi tiết này chứng tỏ Bùi Giáng xuất thân từ một giòng họ gia thế. Họ này gốc Nghệ An, di dân vào đây từ đời Hồng Đức ^[3].

Nhiều người trong giòng họ này nổi tiếng như bác sĩ Bùi Kiến Tín, sản xuất dầu khuynh diệp, kỹ sư Bùi Thanh, hay giáo sư Bùi Xuân Bào, gia đình ra lập nghiệp tại Huế.

"Dòng họ Bùi giàu có bậc nhất trong vùng với những sở ruộng "cò bay thẳng cánh, chó chạy cong đuôi". Bùi Giáng trong mắt người dân thuở đó là một trang công tử. Dòng họ Bùi gốc ở Vĩnh Trinh lên ngụ cư ở Trung Phước khoảng những năm đầu của thập kỷ 40. Hồi đó, dòng họ có những căn nhà lầu đầu tiên ở xứ này. Trong nhà của họ có rất nhiều nô bộc. Sau này, nhà Quảng Nam học Nguyễn Văn Xuân nhận xét rằng những dòng họ giàu có nổi tiếng ở xứ Quảng đều sinh sống dọc hai bên triền sông, tận dụng lợi thế "nhất cận thị, nhị cận giang" ^[4].

Sông Thu Bồn quanh năm có lưu lượng cao, nối liền miền Thượng Du với cửa Đại (Hội An), cửa Hàn (Đà Nẵng) và cửa Kỳ Hà (Tam Kỳ) qua nhiều sông lớn khác. Do đó, Vương Quốc Chăm đã đóng đô tại vùng Trà Kiệu, bên sông này, khoảng thế kỷ IV. Nhờ kinh tế phồn thịnh, dân địa phương nhiều người học hành và đỗ đạt.

Bùi Giáng sinh ra và lớn lên giữa *"những dãy nhà rộng thênh thang tường xây bằng đá"* ^[5]. Thời niên thiếu giữa một thiên nhiên phong phú, nhiều sắc thái: sông hồ, đồi núi, ruộng nương là một thiên đường mà Bùi Giáng suốt đời hoài vọng, và gọi là *cố quận*. Trong Ngày Tháng Ngao Du, ông kể: *"Hồi nhỏ, tôi được sanh ra và lớn lên trong miền quê heo lánh. Chung quanh có ruộng đồng sông núi trùng điệp, những đám cỏ chạy suốt tuổi thơ. Làng tôi xưa kia có nhiều cỏ mọc, cỏ mọc từ trong làng ra ngoài ruộng, tới những cồn, gò, đồi núi thật xanh. Từ đó về sau, tôi tìm kiếm mãi một màu xanh không còn nữa vì những trái bom và hòn đạn khổng lồ"*.

Có lẽ vì vậy mà mãi đến tuổi 71 ông mới về quê sau non 50 năm xa cách, qua bài thơ *Tâm Sự*, 1996, trong *Đêm Ngắm Trăng*.

Về học trình của Bùi Giáng, tư liệu chi tiết nhất là bài diễn văn năm 1995 của Bùi Văn Vịnh, em ruột: *"Thuở nhỏ, anh học trường Bảo An, tại Điện Bàn, Quảng Nam. Sau đấy, anh theo Trung học ở trường Thuận Hóa, Huế. Năm 1945, đang lớp đệ tứ thì gặp đảo chính Nhật, song anh kịp đậu Thành Chung (Diplôme). Cùng năm, anh lập gia đình riêng - chị qua đời ba năm sau. Việt Minh lên, anh trôi nổi khắp các tỉnh Nam Ngãi Bình Phú của Liên Khu V trong vùng kiểm soát này. Cho đến 1950, khi có kỳ thi Tú tài đặc biệt do Liên Khu V tổ chức ("đặc biệt" vì đề thi do Liên Khu IV gửi vào, thi xong bài thi gửi ra Liên Khu IV chấm), anh đậu Tú tài II Văn Chương, rồi lên đường ra Liên Khu IV, tới Hà Tĩnh, để tiếp tục vào học Đại Học. Từ Liên Khu V ra Liên Khu IV phải đi bộ theo đường mòn trên núi, hơn một tháng rưỡi trời. Khi ra đến nơi, trong ngày khai giảng sau khi nghe ông Viện trưởng Đại học đọc diễn văn, Bùi Giáng quay ngay về Quảng Nam - với một tháng rưỡi đi bộ nửa theo đường mòn trên dãy Trường Sơn. Và anh bắt đầu quãng đời "Mười lăm năm chẵn dê ở núi đồi Trung Việt". Xin mở một ngoặc đơn: con số "15" được hiểu với nghĩa tượng trưng của điển "mục dương", và anh chẵn dê chứ không bò hay trâu! Tháng 5-1952, gửi đàn dê lại cho... chuồn chuồn, châu chấu, anh băng qua Huế lấy Tú tài tương đương, để vào Sài Gòn ghi danh theo học Đại Học Văn khoa. Lần này nữa, sau khi nhìn danh sách các giáo sư sẽ giảng dạy, anh quyết định chấm dứt việc học ở trường của mình tại đây" ^[6].*

Nhiều bài biên khảo sử dụng tư liệu này, vì tư cách của tác giả và những dữ kiện cụ thể được

đưa ra. Nhưng cũng có người tự hỏi: Hà Tĩnh thì làm gì có đại học? Năm 1952, thì Sài Gòn làm gì có đại học văn khoa ^[7] ?

Chúng tôi dò hỏi và đề nghị một học trình khác của Bùi Giáng:

- Tiểu học: Bùi Giáng có học trường Viên Minh, Hội An,
- 1940 ông bắt đầu vào Trung Học, trường Cẩm Bàng, Quy Nhơn. Trường tên như thế vì là tên làng của chủ trường, ông Lâm Tô Bông, người Quảng Ngãi.
- 1941-1945: Bùi Giáng ra Huế, học trường Tư thực Thuận Hóa. Thầy là các vị Hoài Thanh, Đào Duy Anh, Trần Đình Đản, Lê Trí Viễn... Hai ông sau là cùng quê với Bùi Giáng. Nhà thơ khâm phục và về sau có viết bài ca ngợi các bậc thầy này.
- 1945: Nhật đảo chính. Ông đỗ bằng Thành Chung, thường gọi là Diplôme, sau khi thi hỏng năm trước, và ở lại lớp Tứ Niên C.
- 1943: Bùi Giáng đọc trên báo Bạn Đường, do Hướng Đạo chủ trương, in tại Thanh Hóa, mấy câu thơ:

*Một mừng một nẻo quê chung
Người về Cổ Quận, muôn trùng ta đi.*

Theo Bùi Giáng "*đây là một niềm tương ngộ, cuộc trùng phùng, những tao ngộ tình cờ trong một cuộc Hội Thoại*".

Có thể xem như là khởi điểm nguồn sáng tạo văn học của Bùi Giáng, như ông thổ lộ ở phần đầu *Lời cổ Quận* (1972), mà không cho biết tên tác giả câu thơ.

Tuy nhiên trước đó, trong *Đi vào Cõi Thơ* (1969), Bùi Giáng có trích hai câu này trong một đoạn 4 câu trong bài *Cảm Thông* (12 câu, 1940) và nói rõ là của Huy Cận. Bài này chưa bao giờ được in ở các thi tập đã xuất bản của Huy Cận.

- 1945: ông về quê, cưới vợ, dọn lên Trung Phước, một làng Trung Du hẻo lánh.

Vợ ông tên Phạm Thị Ninh, trạc tuổi ông, sinh trưởng trong một gia đình công chức khá giả, ông bà Phán Trai, Hội An, ở gần Chùa Cầu, nay còn người em là Phạm Văn Hòa, 71 tuổi.

Bà Ninh qua đời năm 1948 vì bệnh dài hạn và đẻ non, đưa con cũng mất, tại làng Trung Phước. Người em, Bùi Công Luân, kể lại rằng khi mất, thì "*chị không thấy mặt chồng. Anh Bùi Giáng bấy giờ đang ở Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên gì đó, nghe phong thanh anh đang đi học*" ^[8] .

Chúng tôi lần theo, và được biết là giai đoạn này, Bùi Giáng tiếp tục học tại trường Nguyễn Huệ Bồng Sơn, tỉnh Bình Định. Trường này không dạy đủ lớp, chỉ dạy hai trên ba năm, bậc Tú Tài, và chỉ dạy chuyên khoa Toán Lý Hóa. Bùi Giáng có ra Hà Tĩnh - bài *Kỷ Niệm*, trong tập *Mưa Nguồn*, làm tại Hà Tĩnh, 1951- nhưng có thể để học tiếp ban Tú Tài văn chương, rồi bỏ dở.

Tháng 5-1952, Bùi Giáng về thành ^[9] . Rồi vào Sài Gòn dạy học.

Học trình Bùi Giáng, chúng tôi chỉ biết có vậy.

Trên cơ bản ông là người tự học và đã đạt tới một kiến thức uyên bác, làm nhiều người ngạc nhiên và kính phục.

Chúng tôi phụ chú thêm ba điểm :

1. Việc hôn nhân: khi trả lời một bài phỏng vấn của báo Thời Văn, 1997, Bùi Giáng có tiết lộ: "*phải thuận theo ý cha mẹ lấy cô vợ người thành phố Hội An, suốt đời không biết cày sâu cuốc bẫm là gì*" ^[10] . Người em trai Bùi Công Luân xác nhận điều này trên báo Khởi Hành số 25 đã dẫn, nói rằng hai bên không yêu nhau.

2. Việc chăn dê: khoảng 1948, tại Trung Phước, chúng tôi tin vào kỷ niệm của ông Phạm Văn Hòa: "Ông anh rể tôi kỳ lạ lắm. Hồi đó ông mua một đàn dê khoảng 100 con và rủ tôi đi chăn cùng. Buổi sáng ông thường lừa dê vào Giáp Nam, Gò Om, sau đó hai anh em rủ nhau xuống khe (suối) Le ngồi dưới bóng của các lùm tre và...đọc thơ suốt buổi. Có những buổi ông lang thang lên tận các quả đồi hái hoa, lá kết vòng thơ thả đeo vào cổ cho dê..." Đặc biệt Bùi Giáng rất thương vợ. Sáng nào ông cũng vắt một bát sữa dê đem chưng lên cho vợ uống. Tôi chẳng hiểu hồi đó ông có tâm sự gì nhưng chỉ biết ông nuôi dê để chơi thôi, không thấy bán (vì nhà rất giàu, đâu cần tiền), cũng không thấy giết thịt vì ông rất yêu những con dê. Mỗi con ông đặt cho một cái tên, rất kỳ lạ. Chuyện Bùi Giáng chăn dê nhiều người còn nhớ. Đây là hình ảnh một thanh niên hàng ngày lừa dê vào núi, trên tay ôm một cuốn sách tiếng Pháp dày cộp. Quảng đời du mục của Bùi Giáng kéo dài khoảng 3 năm thôi nhưng sau này khi viết Nỗi Lòng Tô Vũ, thi sĩ đã đề từ "Kỷ niệm một đoạn đời 15 năm chăn dê núi đồi Trung Việt Nam Ngã Bình Phú". Mười lăm năm - nhiều người cho rằng có thể Bùi Giáng lấy thời gian lưu lạc của nàng Kiều để nói về đời mình" ^[11] .

3. Thời kháng chiến: ngày Toàn quốc Kháng Chiến chống Pháp, Bùi Giáng đúng 20 tuổi. Vậy ông làm gì? chẳng nhẽ chỉ chăn dê và làm thơ?

Bùi Giáng có đi bộ đội, thời đó là Giải Phóng Quân. Trong lúc "vui lòng cõi mỡ" ở dưỡng trí viện Biên Hòa tháng 5-1969, ông có kể với các Bác sĩ trong viện: "trong thời trai trẻ, đi kháng chiến, một chiều nọ, mệt, đói, anh đang lê từ bước một với chiếc ba lô khá nặng sau lưng, thì vừa quẹo một đường mòn, anh chợt thấy một thiếu nữ thiếu số đang giặt áo bên bờ suối, anh vừa ngừng chân thì "Bông hoa rừng" nọ cũng vừa ngừng tay giặt, mỉm cười với anh và niềm nở hỏi chào anh. Anh tưởng mình như đang lạc vào suối Đào-nguyên, và hình ảnh này vẫn không phai trong tâm khảm anh. Đó là phần Cô em Mọi nhỏ; còn Hoàng hậu Nam-Phương thì đến với anh trên một bao thư: người mẫu nghi thiên hạ này, sau anh có gặp lại ở Huế - lần này, người thiệt, chớ chẳng phải là một con tem thư - nhưng thực và mộng vẫn không sai biệt." ^[12]

Đoạn văn được trích dài, để quy chiếu, về một chi tiết trong tiểu sử mà các tài liệu khác không đề cập, và trong chừng mực nào đó giúp ta hiểu thêm về hình ảnh người đàn bà - rất nhiều đàn bà - trong thơ Bùi Giáng.

*

1952 - 1960: về vùng "quốc gia", Bùi Giáng vào Sài Gòn lập nghiệp, dạy Pháp văn và Việt văn cho nhiều trường Tư Thục: Tân Thịnh, Vương Gia Cần...và gửi thơ đăng báo.

Ông cư ngụ tại đường Trương Tấn Bửu, nay là Trần Huy Liệu, gần chợ Trương Minh Giảng, cùng với các em, trong một ngôi nhà giữa vườn cây vú sữa ^[13] . Võ Phiến, ở gần đó, thường lui tới. Có lần Bùi Giáng chiêu đãi Đinh Hùng tại nhà, mời ăn Mì Quảng, nhưng tại một căn nhà đường Dixmude, Đề Thám, theo lời kể của Mặc Thu^[14] .

Mì Quảng là món ăn quê hương mà ông tự hào và ưa thích. Có lần tuyên bố: "ta ăn hai ngàn tô mì Quảng nữa ta chết" ^[15] .

Thời gian dạy học, ông đã soạn 6 cuốn sách giáo khoa, do nhà Tân Việt ấn hành, về Bà Huyện Thanh Quan, Lục vân Tiên, Kiều (1957), Tản Đà, Chu Mạnh Trinh, Tôn Thọ Tường và Phan Văn Trị (1959) chủ yếu cho học sinh cấp hai.

1960-1975 :

1960: xuất bản *Tư Tưởng Hiện Đại*, biên khảo về tư tưởng phương Tây, chủ yếu là chủ nghĩa hiện sinh đang thời thượng. Có thể xem như là sáng tác đầu tay quan trọng.

Dường như từ thời gian này ông mới học tiếng Đức, bắt đầu đọc Heidegger, do ảnh hưởng nhóm Phật giáo Vạn Hạnh với Thượng tọa Thích Minh Châu, Tuệ Sĩ, và Phạm Công Thiện. Hai cuốn về Heidegger, in 1963, trích nhiều tiếng Đức.

1962: xuất bản tập thơ *Mưa Nguồn*, có bài làm từ 1950, thời chẵn dê. Có lẽ *Mưa Nguồn* là tập thơ đầu tay và giá trị nhất của Bùi Giáng. Liên tiếp, năm sau, là 4 thi phẩm: *Lá Hoa Cỏn*, *Ngàn Thu Rớt Hột*, *Màu Hoa Trên Ngàn* và *Sa Mạc Trường Ca*.

Dường như sau đó có thời gian ông về ở chùa Phát Hội, một trung tâm nghiên cứu Phật Học, tiền thân của Đại Học Vạn Hạnh, với Nhất Hạnh, Tuệ Sĩ, Phạm Công Thiện,...

1965: chiến tranh leo thang. Cùng với nhóm trí thức: Nhất Hạnh, Hồ Hữu Tường, Tam Ích, ... Bùi Giáng tham gia kêu gọi hòa bình. Đường như đây là hoạt động chính trị chính thức duy nhất trong đời Bùi Giáng. Nhưng lá thư gửi René Char của Bùi Giáng chỉ nói đến hòa bình chung chung.

Thời gian này ông chủ tâm dịch sách, xuất bản 13 dịch phẩm, nhiều nhất là Camus. Kịch bản *Ngộ Nhận* (le Malentendu) xuất bản 1967, đã đăng trên báo Bách Khoa từ 1963, và Bùi Giáng yêu thích Camus từ lâu. Đường như đôi bên có trao đổi thư từ.

1969: xuất bản 10 tác phẩm trong một năm, chủ yếu về thơ.

Đồng thời xảy ra tai nạn lớn: một hỏa tai thiêu rụi căn gác ông ở và chứa sách, trong ngõ Phan Thanh Giản, bây giờ là Điện Biên Phủ. Căn gác này do tu sĩ Thanh Tuệ, chủ nhà xuất bản An Tiêm, thuê cho Bùi Giáng ở, chứa nhiều tư liệu và rất nhiều sách, Pháp, Anh, Đức, Hán, có ghi chú. Hỏa hoạn xảy ra khoảng 3 giờ chiều, trước đôi mắt bất lực của Bùi Giáng và Thanh Tuệ, thiêu rụi tư liệu, bản thảo, và sách tặng của Camus, dường như có cả sách tặng của Heidegger.

Bùi Giáng, cuồng nhẹ từ trước, nổi cơn điên, được gia đình đưa vào dưỡng trí viện Biên Hòa đầu tháng 5-1969. Theo các bác sĩ của viện: "*Người cầm bút cô độc này, bệnh đã chuyển từ cuồng nhẹ sang cuồng nặng*"^[16]. Không biết bệnh có di truyền hay không, vì thân sinh ông cũng bị cuồng nhẹ, theo lời người địa phương "*thân sinh ông Bùi Giáng là ông Bùi Thuyên, thường gọi là Cửu Tỳ, Ông Cửu Tỳ cũng là một người ... điên, hàng ngày thường làm bộ cưỡi ngựa bằng mo cau đi từ làng Trung Phước đến làng Cà Tang đọc thơ, làm câu đối và đặc biệt ông này rất thích chọc ghẹo...các cô gái có nhan sắc!*"^[17]

Ra khỏi dưỡng trí viện, Bùi Giáng sống lang thang nay đây mai đó. Từ đầu năm 1973, ông dọn về khu nội xá của Đại Học Vạn Hạnh, đường Trương Minh Giảng, có phòng riêng ở lầu 3. Thời gian này Bùi Giáng thỉnh thoảng có dự những buổi đàm luận chính trị với nhóm trí thức chủ hòa thời đó: Nguyễn Đăng Thục, Tuệ Sĩ, Ngô Trọng Anh, ... nhưng vẫn ăn ngủ đó đây và biểu diễn nhiều trò lạ mắt trong y phục thùng thình trên hè phố Sài Gòn. Thân hữu và gia đình vẫn ồ ạt xuất bản sách cho ông. Tạp chí *Văn* đã ra một số đặc biệt Bùi Giáng tháng 5-1973, và Mai Thảo, phụ trách tờ báo giải thích về sau: "*Phải làm cái gì về ông. Để ghi nhận lại*".

Mai Thảo còn kể tiếp: "*chưa biết tìm Bùi Giáng ở đâu, thì thi sĩ bất ngờ ghé thăm tòa soạn. Ông chỉ còn là da bọc xương trong quần áo thùng thình, mái tóc dài đạo sĩ, cái túi vải còn thêm cây gậy (...)* *Mấy tháng trước biến cố 1975, chỉ thỉnh thoảng nghe thấy ông vẫn lang thang đây đó, một quán này, một bãi hoang kia, ngủ bất cứ ở đâu*"^[18]

1975-1998: Sau 1975 bệnh cuồng trầm trọng thêm, dù rằng vẫn có lúc ông sáng suốt. Sống nhờ bạn bè và trợ cấp của gia đình từ nước ngoài. Có lúc ở nhờ chùa Già Lam, xóm Gà, Gia

Định.

Từ 1985, về ở với gia đình người cháu gái, đường Lê Quang Định, Tân Bình, Vợ chồng người cháu giúp Bùi Giáng định cư và định tâm, an dưỡng và sáng tác, đến ngày cuối đời. Hiện gia đình này còn giữ nhiều di cảo.

Từ 1992, tâm trí có phần ổn định, Bùi Giáng làm nhiều thơ trong năm 1993. Sau đó sáng tác cầm chừng, vẫn làm nhiều thơ.

1996 về thăm lại "Cố Quận" Quảng Nam khi đã 71 tuổi.

7-10-1998 (ngày 17 tháng Tám năm Mậu Dần): Bùi Giáng mất tại Sài Gòn vì bị tai biến mạch máu não.

Đêm 23-9, ông có uống rượu, trượt té và vào hôn mê sâu. Giải phẫu tối 25-9, nhưng ông vẫn hôn mê, cho đến 14 giờ ngày 7-10 thì qua đời.

Tang lễ được tổ chức trọng thể tại chùa Vĩnh Nghiêm. Khoảng 600 người, phần đông là thanh niên, sinh viên đến canh thức, ngâm thơ. Một đám tang nhẹ nhàng, nhắc lời ông thường nói, để đời: "*vui thôi mà*".

11-10-1998: an táng tại nghĩa trang Gò Dưa, Thủ Đức.

Hiện nay Bùi Giáng còn 10 tập thơ và dịch phẩm chưa in.

*Viết cho ngày tưởng niệm Bùi Giáng,
7-10-2003, Sơ Thu Quý Mùi
© 2003 talawas*

^[1]Du khách đi thăm di tích Chàm ở Mỹ Sơn, từ quốc lộ số 1, lấy tỉnh lộ 610 khoảng 15 km sẽ đi qua làng Duy Châu. Đi thêm 30 km sẽ đến làng Trung Phước, nơi Bùi Giáng chôn dề, nay đổi là Quế Phước vì thuộc huyện Quế Sơn, phía mỏ than Nông Sơn. Cả hai làng đều nằm bên sông Thu Bồn, bờ bên này và bên kia.

^[2]Năm người theo thứ tự là: Phạm Liệu, Phan Quang, Phạm Tuấn, Ngô Truân và Dương Hiến Tiến. Ngoại trừ Phan Quang huyện Quế Sơn, bốn người kia đều thuộc huyện Diên Phước, nay là Điện Bàn.

^[3]Bùi Tấn, Chớp Biển, Sài Gòn, Anaheim 1996, tr. 35.

^[4]Nguyễn Minh Sơn, báo Người Lao Động, số Xuân Quý Mùi 2003, TPHCM.

^[5]Bùi Công Luân (em ruột Bùi Giáng), báo Khởi Hành, số 25, tháng 11/1998, tr. 27, California.

^[6]Bùi Văn Vịnh, trong Chớp Biển, sdd, tr. 90.

^[7]Trường Đại Học Văn Khoa, Sài Gòn, có từ 1958. Trước đó, có lớp Văn dạy tại Đại Học Sư Phạm, 1956. Khoa trưởng cả hai trường thời đó là G.s Nguyễn Huy Bảo, mà Bùi Giáng tỏ lòng ngưỡng mộ, như đã tuyên bố ở trang 17, báo Thời Văn, 6-1997, Sài Gòn.

Tại Khu IV, khoảng 1948, chỉ có lớp dự bị Văn Khoa, 7 sinh viên học với g.s. Đặng Thai Mai, Quán Tín, Thanh Hóa, và g.s. Cao Xuân Huy, Diễn Châu, Nghệ An. Cụ Huy là thầy Bùi Giáng môn Pháp văn, tại trường Thuận Hóa, Huế.

^[8]Bùi Công Luân, trong Chớp Biển, sdd, tr. 15, có đăng lại trên báo Khởi Hành, số 16 tháng 2-1998, tr. 20, California.

^[9]Cùng một thời điểm với nhà thơ Tạ Ký 1928-1979. Tạ Ký vào học trường Khải Định 1952, Huế, học đủ ba năm cấp ba, đậu Tú Tài năm 1955.

Tạ Ký cùng quê, và ở cùng xóm, trong làng Trung Phước với Bùi Giáng. Làng này đã trở thành

một đề tài thi ca qua câu thơ Tạ Ký:

Trung Phước ơi, sông sâu dài uốn khúc,

Tình cheo leo cao vút một con đèo.

Trong chiến tranh, một chiều mưa bên bờ sông Vĩnh Điện, nhà thơ Tường Linh, quê ngoại ở Trung Phước, học trò Pháp văn của Bùi Giáng, nhìn về Trung Phước, có câu thơ cảm động :

Thấy gì đâu, chỉ thấy núi mây mờ

Lòng gọi mãi tên làng xưa Trung Phước!

Nhà văn Võ Phiến, 1986, có lời bình luận: "Làng Trung Phước, ngày còn ở trong nước tôi chưa đến bao giờ, chính dân làng còn khó về làng hưởng hồ người xa kẻ lạ. Từ khi xa nước, nghe nói tới Trung Phước càng thấy mơ hồ típ tấp. Tôi đinh ninh đó là một làng đáng tưởng nhớ, đáng mê say : để gì một ngôi làng nhỏ bé hẻo lánh, mà có được hai thi sĩ để thương ngoạn lành như vậy ? Hơn nữa, ngoài Tạ Ký và Tường Linh, làng Trung Phước còn liên hệ đến một thi sĩ thứ ba rất quen thuộc là Bùi Giáng, người đã từng sống với đàn dê tại đây một thời gian thời kháng chiến chống Pháp "

(Võ Phiến, Văn Học Miền Nam - Thơ, nxb Văn Nghệ, tr. 3145, 1999, California.)

Khi mộ Tạ Ký được dời về Gò Dưa, Thủ Đức, Tường Linh có đọc điệu văn.

Ngày nay cùng nghĩa trang với Bùi Giáng.

^[10]Bùi Giáng, tạp chí Thời Văn, số 19, tháng 6-1997, tr. 26, TPHCM.

^[11]Nguyễn minh Sơn, báo Người Lao Động, sđd.

Chúng tôi chưa thêm hai điều :

a. Mười lăm năm là cái "khóp" trong đời Bùi Giáng : mười lăm tuổi, rời thôn ấp về " thành phố " Huế, mười lăm năm sau, đất nước chia đôi, rời 1969, vào dưỡng trí viện Biên Hòa, v..v...Ông có bài thơ Mười lăm năm:

Mười lăm năm ngọn tử phù

Mù sương cố quận chín tầng tầng rơi

Linh cảm, có thể quan hệ với thân phận Thúy Kiều.

b. Tâm sự u uất: Bùi công Luân xác nhận điều này, khi Bùi Giáng rời gia trang ở Thanh Châu miền trung du

Trung Phước chặn dê: "dường như anh muốn xa lánh trốn tránh, thậm chí đoạn tuyệt với một cái gì đó. Có thể

là một quá khứ với những kỷ niệm không phai. Có thể là một đoạn đời với nhiều bão giông còn âm "

Bùi Giáng có thơ:

Người điên mang một mối buồn

Chưa bao giờ biết cội nguồn từ đâu

(Một Lần Nàng Tiên)

^[12]Thơ Điên, nxb Ki-Gob-Jó-Cì, Thái Bình Điền Quốc, năm Chó 70, tr. 81, 1970, Sài Gòn.

Sách do các bác sĩ dưỡng trí viện Nguyễn văn Hoài, Biên Hòa, thực hiện, 140 trang khổ 16x24 cm.

^[13]Viên Linh, Khởi Hành số 25 bđd, tr. 23.

^[14]Mặc Thu, Khởi Hành, số 25, tr. 25.

^[15]Trần Hữu Cư, báo Thời Văn, bđd, tr. 71.

^[16]Thơ Điên, sđd, tr. 80.

Giám đốc dưỡng trí viện là Tô dương Hiệp, con trai nhà văn Bình Nguyên Lộc. Bác sĩ chuyên trị Bùi Giáng và thân thiết, là Nguyễn Tuấn Anh.

^[17]Nguyễn minh Sơn, báo Người Lao Động, sđd.

^[18]Mai Thảo, tạp chí Văn, số 26, tháng 8-1984, California, in lại trong Hợp Lưu, số 44, tháng 12-1998, tr. 15-16, California.

Hiện tượng Bùi Giáng Thụy Khuê

Sinh thời, Bùi Giáng bảo: *"Hãy để cho tôi yên, tôi dại. Đừng ai nói đến tôi. Và nhất là đừng có ai bàn đến thơ tôi."* (1) Có lẽ vì tôn trọng nhà thơ, cho nên ít ai bàn đến thơ ông (2). Ca tụng Bùi Giáng thì nhiều, nhưng phê bình Bùi Giáng thì ít.

Như thơ, Bùi Giáng sống *tiêu dao suốt cõi mù sa bên rừng*, cả đời lục bát. Tại sao lục bát? Lục bát bởi vì, đối với Bùi Giáng: *"Lục bát Việt Nam là cõi thi ca hoàng viễn nhất, kỳ ảo nhất của năm châu bốn biển, ba bể sông hồ."* (3) Đó là lộng ngôn Bùi Giáng.

Về bản thân mình, Bùi Giáng tự họa: *"Nhe răng cười trong bóng tối... Không bao giờ bắt chuẩn chuẩn mà cứ bảo rằng mình luôn luôn bắt chuẩn chuẩn... Không thiết chi đọc sách mà vẫn cặm cụi đọc sách hoài... Chán chương thi ca mà cứ làm thơ hoài... Chúc sầu vạn đại thì bảo rằng mua vui cũng được một vài trống canh."* (4) Đó là mâu thuẫn Bùi Giáng.

Hỏi về tiểu sử, Bùi Giáng trả lời:

*Hỏi tên? Rằng biển xanh dâu
Hỏi quê? Rằng mộng ban đầu rất xa.
Gọi tên là một hai ba,
Đếm là diêu tường, đo là nghi tâm.
Đó là vô căn Bùi Giáng.*

Trên báo Văn, số 26 tháng 8 năm 1984, Mai Thảo kể lại rằng khi hỏi về cái lục viết phi phạm của Bùi Giáng, Thanh Tâm Tuyền lắc đầu cười: *"Chịu, không giải thích được. [...] Nói đến mấy ngàn bài thơ Bùi Giáng là đúng. Mà nói thơ Bùi Giáng chỉ có một bài, vô tận, vô cùng là đúng hơn. Ngủ ra thơ. Thở ra thơ. Đi ra thơ. Đứng ra thơ. Chứ không phải nghĩ thơ, làm thơ."*

Vẫn theo lời Mai Thảo, ông Thanh Tuệ, giám đốc nhà xuất bản An Tiêm, thuật lại: *"Ảnh lang thang suốt ngày, chẳng thấy lúc nào ngồi viết hết. La cà hết nơi này đến nơi khác, uống rượu say ngất rồi về lầu lẩn ra sàn ngủ, nhiều ngày bỏ cả bữa ăn. Đêm cũng không thức, chỗ nằm tối thẫm. Tôi in không kịp, nói ảnh tạm ngừng thi ảnh ngừng. Nói có máy, có giấy, nói buổi sáng, buổi chiều ảnh đã tới ném bịch xuống cả năm bảy trăm trang. Cứ thế đem sắp chữ thôi, đâu có thì giờ đọc."*

Mai Thảo kể tiếp, khi làm số Văn, đặc biệt về Bùi Giáng: *"Tôi hỏi xin ông những bài thơ mới nhất. Ông gật. Tường lấy ở túi vải ra. Hoặc nói về lấy, hoặc nói hôm sau. Tất cả đều không đúng. Ông hỏi mượn một cây bút, xin một xấp giấy, một chai bia lớn nữa, đoạn ngồi xuống và trước sự kinh ngạc cực điểm của chúng tôi, bắt đầu tại chỗ làm thơ [...] Lần đầu tiên tôi thấy Bùi Giáng viết, thoăn thoắt, vùn vụt, nhanh không thể tả. Như thơ không thể từ đầu, từ tim chảy xuống, xa quá, lâu quá, mà ngay từ ngọn bút, từ đầu ngón thôi [...] Lần đó, tôi đã thấy, đã hiểu tại sao Bùi Giáng, cứ cánh bướm rong chơi, cứ phiêu bồng lãng du mà vẫn có ngay nghìn câu một buổi."*

Về những cơn điên Bùi Giáng, Phạm Xuân Đài kể trong lời tựa tập Thơ Bùi Giáng (5): *"Chỉ có thơ và những cơn điên [...] Bây giờ (năm 1992) anh ít làm thơ lắm, còn các cơn điên thì vẫn viếng thăm anh gần như định kỳ. Những lúc ấy anh đi nhiều nơi, nhưng thường xuất hiện ở vùng chợ Trương Minh Giảng (chỗ Đại Học Vạn Hạnh, là nơi ngày xưa anh thường trú ngụ) đứng giữa đường vung tay, điều khiển xe cộ, cử chỉ rất linh động, đặc biệt đôi mắt sáng quắc bùng bùng [...] Có khi anh múa may trong một lớp áo lòa loẹt, động tác mạnh mẽ chính xác gần như múa võ, miệng hò hét như đang nạt nộ với một đối tượng vô hình."*

Đó là hiện tượng Bùi Giáng, qua lời kể của những người thân trong giới văn học.

Bùi Giáng là ai? Bùi Văn Vịnh, em của Bùi Giáng, cho biết (6): Bùi Giáng sinh ngày 17 tháng 12 năm 1926 tại làng Thanh Châu, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

Thuở nhỏ, học trường Bảo An tại Điện Bàn, Quảng Nam, trung học ở trường Thuận Hóa, Huế. Năm 1950, đậu Tú Tài II văn chương ở Liên Khu V. Sau đó ra Liên Khu IV học tiếp đại học. Nhưng sau khi nghe qua bài diễn văn khai giảng của ông viện trưởng, Bùi Giáng quay về Quảng Nam và bắt đầu quãng đời được gọi là "Mười lăm năm chẵn dê ở núi đồi Trung Việt".

Tháng năm 1952, Bùi Giáng về Huế thi Tú Tài tương đương và vào Sài Gòn ghi danh Đại Học Văn Khoa.

Lần này, sau khi nhìn danh sách giáo sư giảng dạy ở Văn Khoa, Bùi Giáng quyết định chấm dứt việc học ở trường và bắt đầu viết khảo luận, sáng tác, dịch thuật và đi dạy học tại các trường tư thục.

Từ 1957 đến 1997, Bùi Giáng có khoảng 55 tác phẩm đã in về thơ, dịch và triết. Như lời Mai Thảo, Thanh Tâm Tuyền, Thanh Tuệ, thơ có đến nghìn bài. Và nội trong một ngày, có thể ném bịch một vài trăm trang sách. Đúng là một kỷ lục có một không hai.

Chúng ta thử tìm hiểu bản chất của kỷ lục ấy qua một vài trang sách của Bùi Giáng trong Con Đường Ngã Ba Bước Đi Của Tư Tưởng, do An Tiêm xuất bản lần thứ nhất tại Sài Gòn năm 1972, và tái bản tại hải ngoại.

Có thể nói trong cuốn sách này, cái gọi là điên của Bùi Giáng phát hiện rõ rệt dưới hình thức loạn ngôn, ngộ chữ cao độ. Về Heidegger, Bùi Giáng viết: *"Tất cả con đường tư tưởng của Heidegger là mọi lối nhiếp dẫn bước đi về những vùng u kín trong cổ lục uyên nguyên."*(trang 13)

Về Nietzsche, ông viết: *"Nietzsche không phải là đại hải đại dương. Nietzsche đã đón vào lòng mình một dòng sông dơ bẩn. Và từ đó? Từ đó, Nietzsche biến thành một loại người mặt hậu theo mọi nghĩa thái thậm ly kỳ. Con người mặt hậu và hư vô chủ nghĩa, con người mặt hậu và sa mạc tinh hoa, con người mặt hậu và Mặt Hậu "Tử Sinh Môn" Hoạt Tinh Thể, con người mặt hậu và Siêu Hình Học Lãnh Địa, con người mặt hậu và Định Mệnh Phối Tiết Sử Lịch Tồn Lưu, Định Mệnh Phối Tiết Sử Lịch Tồn Lưu và Siêu Hình Học theo nghĩa Sử Lịch chân lý của Hiện Thể như là Hiện Thể, Sử Lịch chân lý của Hiện Thể và Định Mệnh Tồn Lưu thoát tàng ư mặt, Tồn Lưu thoát tàng ư mặt và Hằng Thể bước vào vòng di vong trầm một, từ di vong trầm một, còn chút hậu tinh ân ốc nào sẽ "trột mầm" cho một trận Dịch Chuyển thông hành của Định Mệnh hay không? hay là Siêu Hình Học vẫn mãi mãi kiên trì tồn lập trong cuộc đừ đờn "trệ lưu ư ngoại" bất khả tư nghi khuyết phạt từ Hoạt Tinh Thể của Hư Vô? ..."* (trang 17)

Và cứ như thế, Bùi Giáng sản xuất 499 trang Con Đường Ngã Ba, Bước Đi Của Tư Tưởng.

Điểm thích thú nhất của người đọc trong cuốn sách này là những trích đoạn thơ Bùi Giáng, phần lớn là những câu thơ hay, tỏa ra những suy tư sâu lắng về bản chất con người.

Nhưng trong 499 trang chữ ấy, người đọc tìm thấy rất ít dòng đứng đắn và tinh táo bàn về những vấn đề triết học như hiện sinh và bản thể, tồn tại và thời gian, mặc dù ông rất ngưỡng mộ Heidegger, người thầy hiện sinh được ông trích, dịch một cách kỳ cục. Ví dụ như câu này, dịch ra từ tiếng Pháp, tiếng Đức: *"Nhưng mà lời thuyết thoại tri ngữ, trong (khởi từ) Định Mệnh Phối Tiết mở phơi, sẽ ra sao nếu như cái Sở Khải Khai trong Song Trùng Tịch Hạp bị Định*

Mệnh Phối Tiết (ruồng rẫy) bỏ phó mặc cho cuộc thể hội vất vả nhân tuần (dung thường nhật lệ) của con người từ diệt chúng tử chúng sinh?"

(Con Đường Ngã Ba Bước Đi Của Tư Tưởng, trang 12-13)

Dù đặc sệt những tên tuổi triết gia, nặng ký trích dẫn thiên kinh, vạn điển, dù có một số ý trội lên về vấn đề đọc sách, đọc Nguyễn Du, đọc Bùi Giáng, về sự gặp gỡ giữa những nhà tư tưởng lớn, đã kích một số nhà xuất bản không tôn trọng văn bản của tác giả, Con Đường Ngã Ba vẫn không phải là cuốn sách bàn về triết học, hoặc đưa ra một hệ thống tư tưởng mạch lạc; mà có thể nói đây chỉ là cuốn phiếm luận bí hiểm, ngôn ngữ thần chú, nhại triết học, nhạo người đọc. Cho nên khi Tạ Tỵ viết: "*Bùi Giáng đối thoại với Nietzsche, Sophocle, Parménide, Khổng Tử, Lão Tử, Sartre, Camus...*" thì e rằng Tạ Tỵ quá lời. Sự tìm kiếm siêu hình nơi Bùi Giáng, như chỉ dừng ở phần vỏ của ngôn từ: tồn sinh, tồn lưu, hằng thể, hư vô, logos, ... mà không đi vào nội tâm của suy tưởng. Hoặc có lẽ Bùi Giáng chỉ muốn rờn chơi. Nếu ông có nhắc tới Như Lai, Bồ Tát, Heidegger, Parménide, Platon, Socrate cũng chỉ như ông nói đến Nam Phương Hoàng Hậu, Dương Quý Phi, Marilyn Monroe, đười ươi, chuồn chuồn, châu chấu v.v... vậy thôi, trong một trạng thái "tẩu hỏa nhập ma", một tinh thần anarchiste toàn diện. Một "người phá", để nói theo ngôn ngữ Trần Dần. "Người phá" trong cái nghĩa tiêu cực của nó, chứ không phải trong cái nghĩa sáng tạo, ít nhất là ở cuốn sách Con Đường Ngã Ba.

Phải chăng Bùi Giáng chỉ muốn "hù dọa" người đọc không chuyên môn? Hay ông muốn nhại, diễn, những hệ thống suy tưởng mà một số trí thức quen dùng như mẫu mực hoạt động tinh thần? Biến chúng thành một thứ charabia, ngôn ngữ vắn đáp chuồn chuồn, châu chấu, nói tre, nói xàm, nói bá láp và ông có khả năng sản xuất mỗi ngày vài trăm trang như thế?

Thái độ anarchiste toàn diện này mở rộng trong đời sống, trở thành một bản năng phản kháng quấy đời: Cởi quần áo giữa lớp học, tắm nơi công cộng, ngủ vỉa hè, trở thành clochard (hành khất say rượu), mặc áo rằn ri lính ngự, để chỉ đường..., tất cả những "con diên" ấy của Bùi Giáng chứng minh sự sáng suốt của một Bùi Giáng không diên.

Không diên vì ông chỉ đẩy đến cùng trạng thái hiện sinh, chứng nghiệm ý thức trần trụi về bản thể. Cởi dần năm bảy lớp quần áo chẳng qua chỉ là hình ảnh "rút gọn hiện tượng", bóc vỏ các tầng lớp bề ngoài của "hiện tượng" để tìm ra bản chất trong hiện tượng luận Husserl.

Trở thành clochard là một cách thể nghiệm tự do và tự hủy.

Trong những đệ tử của hiện sinh thời ấy, Bùi Giáng là người đi xa nhất trong hành động tự hủy và hành xác. Tự hủy để chứng minh: Cá nhân con người đã chán ngấy cuộc sống, nó có một quyết định tự do lựa chọn, và sự hủy hoại bản thân là sự lựa chọn tiên gần nhất đến tự do tuyệt đối.

Sau 75, người ta càng yêu Bùi Giáng hơn, vì trong một xã hội *được bị* lỏng vào khuôn phép, một xã hội đã ổn định cơ chế, công chúng yêu mến những gì bất thường, yêu những *kềngoại đạo, bất ổn*.

Bùi Giáng là người ngoại đạo duy nhất dám làm lũng đoạn môi trường ổn định bằng thái độ tự hủy. Cái diên của Bùi Giáng là cái diên sáng suốt trong một *tinh thể* không có cứu cánh nào khác nếu không tìm về bản thể của con người.

Thơ Bùi Giáng, hiện sinh trong đoạn trường và định mệnh

Những "*dạ thừa*", những "*tồn sinh*", những "*phố thị*", những "*cố quận*", "*đười ươi*", đã trở thành những cốt cách, những địa chỉ rất Bùi Giáng:

*Dạ thừa phố Huế bây giờ
Vẫn còn núi Ngự bên bờ sông Hương*

*Dạ thưa Vỹ Dạ về gần
Đã từ xa lắm thiên thần nhớ em*

Thơ Bùi Giáng, ngay từ thuở đầu đã rong chơi, lãng mạn, đã tinh nghịch, nhẹ nhàng, hóm hỉnh, luôn luôn là những lời vấn đáp lẫn thẩn về ý nghĩa cuộc đời, về lẽ tồn sinh, về những chuyện phù du, dâu bể, ẩn khuất một dực tình khép mở Xuân Hương:

*Cá ở ngoài khe có ít nhiều
Cồn lau cỏ lách có hoang liêu
Em về có hỏi rằng ri rứa
Nhắm mắt đưa chân có bận liêu.*
(Bờ trần gian)

hoặc:

*Bỏ hai chân xuống một vùng
Nước trong là lá thu rừng xuống khe.*
(Bỏ hai chân)

Những dòng thơ trên đây, theo như lời Mai Thảo, Bùi Giáng đã làm một mạch, tại chỗ, xuất bút thành thơ. Huyền thoại Bùi Giáng, thi sĩ bẩm sinh, poète né, trong thập niên 60-70, được xác định như một hiện tượng văn học độc đáo. Như thể ông đã biết trước đường đi nước bước của thơ. Có khả năng thiên bẩm về sự lang thang ngỡ ngàng của chữ trên đời, và chỉ cần hươ tay, bắt chúng, nhốt vào câu lục bát, như Bình Nguyên Lộc "nhốt gió", là có ngay thơ Bùi Giáng:

*Một hôm đếm một ra ba
Thật là lạ lắm, ấy là cái chi*

hay:

*Người con gái lội qua khe
Bàn chân với nước lạnh đê lên nhau
Nổi niềm tưởng lại xưa sau
Bàn chân với nước cùng nhau lại đê.*
(Lá hoa cồn)

*Hỏi tên? Rằng biển xanh dâu
Hỏi quê? Rằng mộng ban đầu rất xa
Gọi tên là một hai ba
Đếm là diêu tưởng, đo là nghi tâm*

Bốn câu tự họa trên đây dường như đã gói trọn bản chất thơ ca và tư tưởng Bùi Giáng. Một bản chất đa mang nổi hiện sinh hoang tưởng trong một "đạo khờ" gắn bó với *đoạn trường tái tân thanh* (chữ của Bùi Giáng) tiếp nhận Nguyễn Du như một thông đạo, thông thư, thông mệnh văn học.

Thân phận dâu bể của con người, nổi hoài nghi về số kiếp, ta từ đâu lại? Ta là ai? Những trâm luân, biến đổi làm sao đo, đếm, đặt tên được? Đến bản thân ta, ta còn không biết, nữa là... Nếu trường phái hiện sinh (Sartre) bác bỏ tính chất định mệnh, thì ở Bùi Giáng, định mệnh (Kiều) và hiện sinh giao hưởng với nhau thành một cấu trúc tư tưởng mới, tạo nên những vần thơ đậm dấu Đạm Tiên, hắt ra những ánh siêu thực:

*Em chết bên bờ lúa
Để lại bên đường mòn
Một dấu chân bước của
Một bàn chân bé con
Anh qua miền cao nguyên
Nhìn chân trời bữa nọ
Đêm cuồng mưa khóc điên
Trăng cuồng khuya trốn gió
Mười năm sau xuống ruộng
Đếm lại lúa bờ liền
Máu trong mình mòn ruộng
Xương trong mình rã riêng
(Mưa nguồn)*

Bùi Giáng có những câu thơ rất cao, rất tĩnh, rất sâu, thanh thản, gọi đến hư vô trong một không gian lãng mạn trữ tình, ít thấy xuất hiện trong thơ Việt.

*Buổi trưa đi vào giữa lòng lá nhỏ
Tiếng kêu kia còn một chút mong manh
Dòng nước nở như tia hồng đốm đỏ
Lạc trời cao kết tụ bóng không thành
(Hư vô và vĩnh viễn - Mưa Nguồn)*

Không gian Bùi Giáng, một cõi hư không đầy dấu hỏi, bồng bềnh nhau đi, năm này qua tháng khác, một cõi trùng sinh, di động luân hồi.

*Những nhịp bước trên đường còn dội mãi
Vang về đâu không vọng lại hồi âm
Cửa réo rất riêng một lần mãi mãi
Gió phương trời ủ mộng giữa hoa tâm
Em hỏi mãi tuy biết lời đáp lại
Chẳng bao giờ thỏa đáng giữa đời cam
Em ngó mãi những chiều về trở lại
Mang những gì về trong cõi trăm năm...
(Chiều - Mưa Nguồn)*

Từ Nguyễn Du, Bùi Giáng trích tạo nên một mô típ bạc mệnh hiện đại, màu sắc siêu thực, tài tử và tài hoa, một chất thơ giao thoa Nguyễn Du - Bùi Giáng

*Lớp phiêu bồng mọc trắng ngàn
Thành xưa phố cũ muôn vàn phía sau
Đạp thanh vẽ bóng lộn mầu
Góp dáng cũ gió nghiêng đầu sương mây
Ngõ ban sơ hạnh ngân dài
Cổng xô còn vọng điệu tài tử qua
Xin chào giữa bước chân ra
Chết từ sơ ngộ mầu hoa trên ngàn
(Mầu hoa trên ngàn)*

Nơi Bùi Giáng còn một mô típ bạc mệnh, cuồng khát, tổng hợp đoạn trường, tồn sinh, ngưng ngôn, rất liều và rất loạn, mà cũng là vọng âm của niềm hoang mang tuyệt đối:

Hồng quần rất mực bước ra
Trường quần duệ địa phong hoa lá cồn
Phải rằng nắng quáng dập dồn?
Hay là đèn trút linh hồn oái oăm?
Phải là nguyệt giữa đêm rằm?
Nguyên tiêu lãng đãng lá nằm ngẩn ngơ?
Kể từ hàng thủy ban sơ?
Kể từ sơ thủy về tờ vẽ trang?
Kể từ thu tạ lên đàn?
Rừng phong thu đã quan san nhuộm màu?
Phải rằng đó trước kia sau?
Hay là sau trước còn tao ngộ gì?
(Con đường ngã ba)

Nhưng bi kịch của Bùi Giáng là ông lập lại chính mình.

Trong gần nửa thế kỷ làm thơ, Bùi Giáng để lại hàng ngàn bài, có những câu thơ tuyệt hay, nhưng chính sự lập lại những khám phá ngôn ngữ buổi đầu khiến thơ ông trở thành khuôn sáo, về mặt từ ngữ cũng như tư tưởng. Những *dạ thừa, tồn sinh, trùng lai, phổ thị* của Bùi Giáng, *tà huy* của Nguyễn Gia Thiều, *mù sa, trăm năm* của Nguyễn Du... ban đầu làm xuyên xao người đọc: *Em về rũ áo mù sa, trút quần phong nhụy cho tà huy bay*. Nhưng vì lập lại nhiều lần chúng bị phá giá. Hiện tượng phá giá này có mặt ngay ở những tác phẩm đầu và chủ yếu của Bùi Giáng.

Từ Mưa Nguồn, Lá Hoa Cồn, năm 62, 63 đã thấy xuất hiện tính chất đoạn trường, tồn sinh như tinh thần chính trong tư tưởng Bùi Giáng: Nguyễn Du, Tản Đà gặp gỡ Heidegger, Breton phóng sinh một tạng chân đời mới lạ. Bài *Rượu Uống* trong Lá Hoa Cồn, một thứ đoạn trường ngôn rất lãng mạn siêu thực, tiêu biểu cho tính chất lang thang trong cấu trúc thơ Bùi Giáng:

*Thưa em rượu uống bây giờ
Là trăm năm gục hai bờ tử sinh
Động hồ hững chúa điều linh
Em làm Hoàng Hậu mọc tình cỏ phơi
Nhà ma cửa quỷ đi đời
Chìm hơi thở đục trong lời sương xanh
Càn khôn xiêm mông che màn
Về trong thiên hạ em thành thiên thân.*

*Thưa em rượu uống bây giờ
Là thiên cổ lụy còn trơ bên mình
Tài hoa tiếng vọng điều linh
Phạm Đan Phượng chết theo Quỳnh Như sao.
Thưa em từ bữa nghiêng chào
Chớm trang đầu chợt sóng trào trường giang
Em đi rắc lá trên đàn
Cỏ xanh rì mọc suốt càn khôn kia*

*Mùa xuân mưa rưới mộng lìa
Về trong nắng hạ mép bìa sai bâu*

*Thưa em rượu uống bây giờ
Là trong lát nữa lên bờ đuổi ma
Chạy quang còn cụm lá già
Rách như bươm suốt ruộng sa mạc đồng
Càn khôn gió đổ chất chông
Rú như beo rỗng như hùm đỏi hang
Trên rừng dưới lũng tan hoang
Vấn sừng sững bóng chắn ngang quỹ sấu*

*Thưa em rượu uống bây giờ
Là trong lát nữa trăng mờ hỏi ma
Hồn mang về giữa hiên nhà
Bây giờ cổ quận tên là chiêm bao
Nhìn nhau trong lũy ngoài hào
Lời phôi dựng một điệu chào dị sai
Trên đầu thế kỷ chia hai
Nguồn man mát lạnh tìm ai bây giờ*

*Thưa em rượu uống bây giờ
Là thiên thu lại còn trơ hận trường
Chung cầm dẫu biển khôn lường
Chân trời mộng lý con đường chia ba
Nam đình doanh trại dàn qua
Trống châu trùng ngộ thưa là không mong
Hoạt tồn phát tiết sấu đơng
Tràng giang thế kỷ xô dòng xuống lên*

Bài thơ gồm năm nhịp nối tiếp nhau bằng điệp khúc *Thưa em rượu uống bây giờ*. Mở đầu *Thưa em rượu uống bây giờ*, điệp khúc máu chốt, mở cửa dẫn đến câu thơ thứ nhì: *Là trăm năm gục hai bờ tử sinh*. Cả hai nằm trong cấu trúc song song, tổng hợp quan niệm ngông, đoạn trường và hiện sinh của toàn bài. Câu ba, câu bốn: *Động hồ hững chúa điều linh, Em làm Hoàng Hậu mọc tình cỏ phôi*, đệm thêm chất lãng lợ dục tính, nhưng đã loãng đi vì loại hình này được Bùi Giáng dùng nhiều. Rồi *Chim hơi thở đục trong lời sương xanh*, một câu rất hay bị đặt bên một câu lãng xẹt: *Nhà ma cửa quỷ đi đời*.

Nếu chúng ta đọc đến nhịp thơ thứ nhì:

*Thưa em rượu uống bây giờ
Là thiên cổ lụy còn trơ bên mình*

cũng vẫn thấy nguyên những nhược điểm như nhịp thơ đầu, tức là trong phần thơ đệm có những vội vàng, dễ dãi, ghép chữ, ghép ý rất sáo: *Tài hoa tiếng vọng điều linh, Phạm Đan Phượng chết theo Quỳnh Như sao*.

Ở những nhịp sau, thì ngay chính điệp khúc máu chốt:

*Thưa em rượu uống bây giờ
Là trong lát nữa lên bờ đuổi ma*

*Thưa em rượu uống bây giờ
Là trong lát nữa trăng mờ hỏi ma*

*Thưa em rượu uống bây giờ
Là thiên thu lại còn trơ hận trường*

đã có sự lặp lại chính mình, như thể nhà thơ tiện tay bắt được chữ nào vội bỏ ngay vào lục bát, không màng nhìn lại những câu thơ đầu nữa.

Tất nhiên láy là một quy ước rất thường trong thi ca. Nhưng láy chỉ làm tăng giá trị thơ khi nó đưa đến những dồn dập hoặc trong cảm xúc, hoặc trong nhịp điệu, hoặc trong sinh động... Tức là láy phải đưa tới một trạng thái căng thẳng, tới một vận tốc khác trong tiến trình âm và ý.
Ví dụ:

*Này chồng, này vợ, này cha
Này là em ruột, này là em dâu*

là một trong những cách láy của Nguyễn Du, vừa tăng vận tốc miêu tả, vừa gia tốc sức ép của hiện thực, rành rành, chính xác, chỉ mặt, chỉ tên.

Hoặc:

*Làm cho cho mệt cho mê
Làm cho đau đớn ê chề cho coi*

Láy ở đây lũy thừa mật độ ác liệt của Tú Bà.

Hoặc:

*Buồn trông cửa bể chiều hôm
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa
Buồn trông ngọn nước mới sa
Hoa trôi man mác biết là về đâu*

Mỗi lần láy này là một lần Nguyễn Du chuyển cảnh, chuyển tình.

Sự láy lại, nơi Bùi Giáng, rất thường khi chỉ là láy dập dình tại chỗ, láy lười, thấy hợp vần, tiện thể thì láy. Láy hồ đồ ít khi mang tới trạng thái mới, cảm xúc mới, hoặc một sức ép gia tăng, mà chỉ cho ta một cảm tưởng dằng dai, lai tạp:

*Hãy mang tôi tới giữa đời
Giết tôi chết giữa cõi đời mớ meo
Hãy mang tôi tới nắng chiều
Giết tôi chết giữa một chiều khe mương
Hãy mang tôi tới dặm trường
Giết tôi chết giữa con đường bơ vơ
Hãy mang tôi tới bất ngờ
Giết tôi ngẫu nhĩ trong giờ ngẫu nhiên
Hãy mang tôi tới diện tiền
Giết tôi chết giữa người thuyền quyên kia
(Sa mạc trường ca, Cầu Nguyễn Ca)*

Jacques Brel, năm 1966, khi tuyên bố ngừng hát ở tột đỉnh danh vọng, trả lời câu hỏi: "Tại sao ông ngừng hát lúc này?" Brel bảo: "Tôi ngừng vì muốn giữ lòng ngay thẳng với thánh giả và với chính mình. Bởi vì khi người nghệ sĩ như tôi, đã nắm vững được tất cả những yếu tố kỹ

thuật làm lay động lòng người, thì người đó sẽ có khuynh hướng ăn gian (tricher), phong tỏa người nghe bằng tất cả những kỹ xảo của mình, và khi tôi biết mình sắp đi đến chỗ bước vào kỹ xảo, tôi ngừng." Tất nhiên, Brel chỉ ngừng hát hai năm và năm 68, khi ông trở lại với âm nhạc, đã với một tinh thần khác, hẳn Brel biết mình đã đoạn tuyệt được với ý định dùng kỹ xảo để thu phục lòng người. Và Brel ở lại với âm nhạc thêm sáu năm nữa.

Ở Bùi Giáng hình như không có sự tự giới ấy. Cho nên biết bao lần người đọc tiếc, giá Bùi Giáng đừng ham chơi, chịu khó dừng lại ở chỗ đáng dừng để những câu thơ sáng giá như:

Bụi thu mờ ai phủi với hai tay

hoặc:

Em về mấy thế kỷ sau

Nhìn trăng có thấy nguyên màu ấy không

Ta đi còn giữ đôi giòng

Lá rơi có đội ở trong sương mù

khỏi bị lọt vào khu rừng hoang, ôm đồm những lời thơ vội vàng, mọc lên như cỏ dại.

Ám ảnh đoạn trường, tư tưởng và ngôn ngữ Nguyễn Du theo đuổi Bùi Giáng suốt đời. Những tập thơ mới nhất, in ở hải ngoại những năm gần đây càng lộ rõ. Trong những cuốn Thơ Bùi Giáng (sđd), Bùi Giáng 94 (in tại California năm 95), và một phần tập Chớp Biển(sđd), Bùi Giáng tìm về người thầy Nguyễn Du như một cứu cánh. Hầu như mỗi bài thơ của ông đều có ít nhất một chữ hoặc một câu của Nguyễn Du. Và cấu trúc toàn bài thường dựa vào ý một câu Kiều:

Rằng xưa ký ức đàn bà

Tên là phụ nữ, tuổi là dấn thân.

.....

Trước đèn một tập mở ra

.....

Biển dâu lục địa cõi miền

.....

Cảo thơm lần giở gió giảng dạy thi

Ám ảnh "mù sa", ám ảnh "chín e", ám ảnh "vân mòng", "mai sau", "trăm năm", "ngẫu nhi", "phong tình", "cổ lục", "dặm về", "tử sinh"... trở thành lớp da thứ nhì của Bùi Giáng:

Rừng phong thu đã nhuộm màu

Quan san ngàn ấy tư trào ngàn kia

.....

Chốn nào mộng寐 chiêm bao

Chốn này tỉnh táo tiêu tao vân mòng

Từ cảnh sang tình, từ mơ sang thực, ám ảnh ngôn ngữ trở thành ám ảnh tư tưởng. Bùi Giáng đã cạn dần hồn mình và sống hồn Nguyễn Du trong đoạn cuối đời:

Em đi từ tỉnh mộng đầu

Một mình anh ở mang sáu trăm năm

Em từ vô tận xa xăm

Trùng lai chất vấn: Từ trăm năm nào?

Những câu hỏi mà Bùi Giáng trải suốt đời thơ, thắc mắc, tìm kiếm, đặt nghi vấn về cõi đi, cõi ở, cõi có, cõi không, biết đâu hôm nay Bùi Giáng chẳng đã tìm được Nguyễn Du ở một cõi trùng lai nào đó, và ông đang chất vấn người thầy về nỗi đoạn trường ấy, từ trăm năm nào?

Tháng 10/1998

Chú thích:

- (1) trích theo Thanh Tâm Tuyền, Bùi Giáng, Hồn Thơ Bị Vây Khốn, Văn, số đặc biệt Bùi Giáng, tháng 5 năm 1973.
- (2) Trừ một số bài như bài của Tạ Ty, trong cuốn Mười Khuôn Mặt Văn Nghệ Hôm Nay, in năm 1972, tại Sài Gòn, tái bản ở Hoa Kỳ và các bài viết của Thanh Tâm Tuyền, Cao Huy Khanh, Trần Hữu Cư, Nam Chử, Tuệ Sỹ, Trần Tuấn Kiệt và Thục Khưu trên báo Văn, số đặc biệt Bùi Giáng, tháng 5 năm 1973 tại Sài Gòn.
- (3) trích theo Thanh Tâm Tuyền, s đ d.
- (4) trích theo Thanh Tâm Tuyền, s đ d.
- (5) nhà xuất bản Thế Kỷ in năm 1994 tại Hoa Kỳ.
- (6) trong cuốn Chớp Biển, thơ Bùi Giáng in tại Canada năm 1996.

Trường hợp Bùi Giáng Nguyễn Hưng Quốc

*Tôi cười tôi khóc bằng quơ
Người nghe cười khóc có ngờ chi không?*

Bùi Giáng, tuổi Bính Dần, sinh năm 1926 tại Thanh Châu, Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam. Con thứ của ông bà Bùi Thuyên và Huỳnh Thị Kiều. Năm Mậu Dần ông được tròn 6 giáp, 72 tuổi. Ông được văn giới, không phân biệt không gian thời gian, yêu mến trọng vọng. Những tác phẩm đầu của ông là sách giáo khoa in năm 1957, như Một vài Nhận xét về Bà Huyện Thanh Quan, Lục Vân Tiên, Chinh Phụ Ngâm ... Nhưng tiếng tăm ông nổi bật từ tập thơ "Lá Hoa Cỏn" (1963). Ông là một người tự học và học rất trẻ, tuy nhiên khả năng tinh thông nhiều ngôn ngữ của ông, kể cả những ngôn ngữ khó như chữ Hán và tiếng Đức, làm kinh ngạc mọi người trong văn giới.

Những cuốn sách đầu của ông là sách giáo khoa in năm 1957, Bùi Giáng đã là một tên tuổi quá quen thuộc với đông đảo bạn đọc. Ông thường tự nhận là "trung niên thi sĩ" cùng hàng loạt biệt danh trào lộng : thi sĩ Đười ươi, Brigitte Giáng, Giáng Moroe, Bùi Bán Dúi, Bùi Bàn Dúi, Bùi Tồn Lưu, Bùi Tồn Lê, Bùi Bê Bối, Bùi Văn Chiêu Lý...

Ông được xem như một "ngôi sao" trên vòm trời văn hóa văn nghệ miền Nam trước đây, được không ít độc giả xưng tụng là "thiên tài", là "bậc thượng trí", là "đáng tiêu biểu hơn cả về thi ca bây giờ và có lẽ... vạn đại" và tôn ông làm "thần tượng". Gần đây, một số tác phẩm, dịch phẩm của Bùi Giáng được tái bản rộng rãi. Ông đã dịch nhiều sách Pháp, Anh, Hán văn như Hamlet của Shakespeare, Hoàng tử bé của Saint'Exupéry, Ngộ nhận của Albert Camus, Khung cửa hẹp, và Hòa âm điên dã của André Gide, Kim kiếm điều linh của Ngọa Long Sinh...

Ông đã biên soạn các tiểu luận triết học và văn học như Tư tưởng hiện đại, Thi ca tư tưởng, Lễ hội tháng ba, Con đường ngã ba, Con đường phản kháng, Đi vào cõi thơ... Đặc biệt, gây nhiều tranh luận sôi nổi nhất là những tập thơ của ông, từ Mưa nguồn, Lá hoa cỏn... đến Trăng châu thổ, Sương bình nguyên, Bài ca quần đảo, Rong rêu... Ai đã từng tiếp xúc Bùi Giáng trong trang sách lẫn ngoài cuộc đời, hầu như chưa thể bình luận gì về ông. Biết bình với luận thế nào khi kẻ khen thì tăng hết lời mà người chê thì lại đã tới số. Riêng vấn đề họ Bùi có điên chăng cũng đã làm tốn hao bao giấy mực. Người bảo ông điên. Người cho rằng ông giả vờ điên. Người lại quả quyết Bùi Giáng không điên. Sự thật ra sao, nếu nhìn từ góc độ khoa học ?

Về tài dịch, thì cuốn "Terre des hommes" đã được ông dịch và đặt tên là "Cõi Người Ta" thì quả thật không còn gì thần tình hơn.

SAIGÒN ' Thi sĩ Bùi Giáng đã qua đời lúc 2 giờ chiều ngày Thứ Tư 7 Tháng Mười (tức 11 giờ đêm ngày 6'10'1998 tại California) trong lúc đang điều trị tại Bệnh viện Chợ Rẫy. Ông Bùi Giáng, 73 tuổi, là một thi sĩ có tiếng thơ độc đáo, cũng là tác giả nhiều tác phẩm văn xuôi về triết học, văn học, và ngay khi còn sống đã trở thành một huyền thoại trong làng văn nghệ Việt Nam vì nếp sống ngang tàng, không màng danh lợi của ông, dưới bất cứ chế độ nào. Thi hài thi sĩ Bùi Giáng sẽ được nhập quan vào sáng ngày 8 Tháng Mười và quản tại Nhà Tang lễ chùa Vĩnh Nghiêm, Sài Gòn. Gia đình thi sĩ tại Sài Gòn cho biết sẽ an táng ông tại Nghĩa Trang Gò Dưa, Thủ Đức. Bào đệ của ông là ông Bùi Văn Vịnh sẽ tổ chức lễ phát tang, và các văn nghệ sĩ và độc giả yêu thơ sẽ làm lễ tư ở ngọ niệm ông tại vùng Tiểu Sài Gòn, miền Nam California.

Người Việt đã lo âu tin khi thi sĩ Bùi Giáng được đưa vào bệnh viện ngày 23 Tháng Chín vì bị té, đứt mạch máu não. Theo tin của ông Bùi Văn Nam Sơn, một người bà con ở Đức về thăm thi sĩ Bùi Giáng té ngã khi đứng lên thấp đèn, sau khi ông đã uống nhiều rượu. Ông đã được đưa vào Bệnh viện Chợ Rẫy, đươc .c mổ đêm 25 Tháng Chín, nhưng quá yếu nên rất ít hy vọng phục hồi.

Giới văn nghệ sĩ ở Sài Gòn rất xúc động khi nghe tin Bùi Giáng vào bệnh viện, kéo nhau đến thăm ông. Tin ông vào bệnh viện được báo chí khắp nơi loan báo, ở trong nước cũng như ở hải ngoại.

Thi sĩ Bùi Giáng sinh năm 1925 tại Quảng Nam, thừa nhỏ đã học ở Quảng Nam và 4 năm ở Huế. Khi trưởng thành ông sống ở Sài Gòn, nổi tiếng với hành trạng và văn chương phóng túng, ngang tàng. Những tập thơ nổi tiếng của ông là Mưa Nguồn, Lá hoa cồn, Mùa thu bi ca, Ngày Tháng ngao du, v.v. Ông viết các sách triết học như Tư tưởng hiện đại, Thế nào là siêu thực, Heidegger và Husserl, Hình ảnh Jean Paul Sarte, Martin Heidegger và tư tưởng hiện đại, Khô ?ng Tử, Lão tử, Gandhi, v.v. Ông cũng dịch các tác phẩm của Albert Camus (L'homme révolté), André Gide, St'Exupéry, René Char, v.v. Về văn học Việt Nam, ông đã viết các khảo luận về truyện Kiều, Bà huyện Thanh Quan, Tản Đà, v.v.

Nhưng khi nghe tin thi sĩ Bùi Giáng qua đời, các độc giả trước hết sẽ nhớ đến các vần thơ trác tuyệt, mệnh mông lãng đãng như các lời nhắn nhủ của ông sau đây:

Em về mấy thế kỷ sau

Nhìn trăng có thấy nguyên màu ấy không

Ta đi còn gửi đôi dòng

Lá rơi có đội ở trong sương mù

Và người Việt Nam ở nước ngoài chia sẻ nỗi ngậm ngùi khi đọc Bùi Giáng:

Hỏi rằng: người ở quê đâu?

Thưa rằng: tôi ở rất lâu Quê nhà.

Lễ động quan Bùi Giáng được cử hành vào lúc 7 giờ sáng chủ nhật 11.10.1998, có đông đủ thân nhân và Bùi Tộc Vĩnh Trinh, tiễn đưa Bùi Giáng từ Chùa Vĩnh Nghiêm về chôn cất tại Thủ Đức. Họ Bùi nguyên gốc ở Nghệ An, sau dời đến Quảng Nam lập nghiệp kể từ đời Hậu Lê, qui tụ bao quanh các làng Vĩnh Trinh, Lệ Trạch, Cù Bàn, An Lâm, Cổ Tháp và Thành Châu. Tổ đình của họ Bùi đặt tại Thủ Đức. Trước ngày động quan Bùi Giáng, Hội Nhà Văn muốn biểu lộ sự kính trọng đối với một ngôi bút lớn đã qua đời, bằng cách đề nghị được an táng Bùi Giáng tại Nghĩa Trang Thành Phố nhưng người em trai của Bùi Giáng là Bùi Văn Luân không chấp thuận. Sau đó Hội Nhà Văn đề nghị hiến tặng hai mảnh đất hợp với hai mảnh đất của Bùi Tộc Vĩnh Trinh cho được rộng rãi Tối thứ Bảy, số người mên mộ thi văn Bùi Giáng, đa số là các học sinh, sinh viên, giới trẻ, đổ ? tới nhà quản Vĩnh Nghiêm tiễn biệt một thiên tài đã vĩnh viễn ra đi kéo dài tới 2 giờ khuya khiến không còn một chỗ trống để chứa người. Sở tang ghi tên nhiều người, dày tới hàng trăm trang. Đám tang có tới hàng ngàn người tham dự, được đánh giá là một trong những đám tang có đông người dự kể từ ` sau năm 1975... Trước khi hạ huyệt, nữ nghệ sĩ Kim Cương - một người từng được Bùi Giáng lúc sinh thời nói tới nhiều bên cạnh những nhân vật có thật của đương thời như Phùng Khánh, Marilyn Monroe, Brigitte Bardot, Kim

Novak, John Keats... - được mời đọc điệu văn. Tiếp tới nhà văn Sơn Nam, Huy Tường tiếp tục ngỡ đôi lời trước mộ người quá cố.

Bùi Giáng vẽ tranh Phanxipăng

Cùng với các tập thơ đã xuất bản như *Mưa nguồn*, *Lá hoa còn*, *Bài ca quân đảo*, *Sa mạc trường ca*, *Rong rêu*, *Đêm ngắm trăng*, v.v., Bùi Giáng (1926-1998) còn được công chúng biết tới qua ngòi bút dịch thuật, bình luận văn học và triết học. Tuy nhiên, ít người biết Bùi thi sĩ khoái vẽ, lại vẽ nhiều. Do đó, khá đông người - đặc biệt là những kẻ hâm mộ Bùi tiên sinh - tỏ vẻ thích thú khi nhận được thông tin từ bài *Một bức tranh lở dở* của Hoàng Hoài Sơn đăng báo Tuổi Trẻ xuân Tân Tị 2001: "Bùi Giáng vẽ nhiều. Tại Việt Nam hiện có khoảng 10 - 15 bức tranh do ông vẽ bằng bút chì đen, bút sắt. Nhưng tranh màu thì cho đến thời điểm này dường như *Chân dung lở dở* là bức duy nhất còn lại."



Bức tranh vừa nêu vốn được Bùi Giáng sáng tác vào khoảng năm 1966-1967 bằng bột màu / gouache trên giấy kích cỡ 105 x 63cm, mô tả một phụ nữ khá ái và đượm buồn giữa nền xanh lục nhạt. Phía dưới bức tranh, người vẽ ký tên bên góc trái, còn góc phải thì ghi luôn nhan đề: *Chân dung lở dở*.

Bài báo của Hoàng Hoài Sơn cho hay rằng trước kia, bức tranh này treo trong nhà ông Bùi Hộ (anh ruột của Bùi Giáng); đến năm 1975, ông Hộ ra nước ngoài thì ông Bùi Văn Ký (em ruột của Bùi Giáng) đem tranh về Thủ Đức rồi sau đấy lại chuyển xuống Long Đất (Bà Rịa - Vũng Tàu). Khoảng năm 1992 - 1993, do uống rượu, thiếu tiền, ông Ký đem tranh bán cho chủ quán được... chục nghìn đồng. Năm 1976, Phạm Bùi Nam Liên (cháu gọi Bùi Giáng bằng cậu ruột) xin chuộc tranh ấy với giá 1 triệu đồng. Bài báo nọ khép lại bằng đoạn: "Nam Liên cho biết thời gian qua, một vài Việt kiều đánh tiếng muốn mua lại bức *Chân dung lở dở*, có người trả đến 3.000 USD, nhưng anh đều từ chối. Với anh, bức tranh này chưa thể định giá."

Đọc xong bài báo vừa dẫn, bản thân tôi lấy làm phân vân. Phải chăng tại nước ta hiện có khoảng 10 - 15 tranh bút chì, bút sắt của người sáng tạo *Lá hoa còn*? Và tranh màu của Bùi Giáng thì chỉ còn *Chân dung lở dở* là tác phẩm duy nhất ở Việt Nam ư?

Thắc mắc đó bật ra quá hợp lý, bởi trước đó, ngay tại Sài Gòn, tận mắt tôi đã được xem hàng loạt tranh nguyên bản của Bùi Giáng, cả tranh đen trắng (bút chì, bút bi, bút mực, v.v.) lẫn tranh màu. Và ngay trước khi viết những dòng này vào dịp cận Tết Nhâm Ngọ 2002, đích thân tôi thử kiểm tra lại, đủ để khẳng quyết: riêng tính tranh màu của Bùi Giáng thì tại Việt Nam hiện còn không chỉ một bức.

Bùi Giáng vẽ gì? Nhiều nhất ắt là bao hồng nhan mà ông thường xuyên réo gọi từ *thôn nữ nhu mì* đến *cô em mọi nhỏ* cho tới Thúy Kiều, Thúy Vân, Marilyn Monroe, Brigitte Bardot, và cả... nữ hoàng Cléopâtre. Bùi tiên sinh cũng ký họa những nhân vật mà ông gặp, ông quen, và / hoặc ông thương, ông nhớ: nào ca sĩ Hà Thanh, nào thiền sư Trí Hải, nào Kim Cương nương tử, v.v.

Ngộ nghĩnh và độc đáo là các bức tự họa, chẳng hạn bức *Tự họa mà chơi vẽ vờ cho tốt đẹp!!* Hàng chục bức vẽ như thế hiện vẫn được nhiều người lưu giữ làm kỷ vật. Trong số đó có nữ nghệ sĩ Kim Cương, nhà thơ Huy Tường, nhà thơ Nguyễn Lương Vỹ, và kẻ viết bài này. Ấy là tranh đen trắng. Còn tranh màu?

Bộ sưu tập của gallery Tự Do ở trên đường Hồ Tùng Mậu (Q.1, TP.HCM) có 2 bức tranh của Bùi Giáng vẽ màu nước / aquarelle trên giấy.



Một bức khổ 63 x 47,5cm, vẽ chân dung phụ nữ mở đôi mắt quá to, mắt trái lớn hơn mắt phải, trên phông / fond lốm đốm đa sắc kiểu trường phái ấn tượng / impressionisme. Non nửa diện tích phía dưới của bức tranh, cũng trên nền đa sắc lốm đốm, là câu thơ được viết bằng màu vàng: *Chị lừa bò vào Hy Lạp mù sương*. Góc trái bên dưới, Bùi Giáng ký tên bằng màu nâu thẫm. Có thể lấy nguyên dòng thơ ấy làm nhan đề bức tranh này.

Còn bức kia khổ 26 x 40cm với gam màu xanh dương, là một tác phẩm tạo hình theo phong cách abstract - hiểu nghĩa trừu tượng cũng được, mà lơ đãng cũng được. Bùi Giáng ký tên ở góc phải phía dưới và chưa đặt nhan đề, nên tạm gọi *Không đề*. Xin thêm rằng Bùi tiên sinh từng vẽ cả "xê-ry" tranh *Không đề*.

Trần Thị Thu Hà - chủ nhân gallery Tự Do và là em ruột của Trần Thị Thu Vân tức nhà văn Nhã Ca cho tôi biết rằng bà đã "tậu" đôi bức tranh này từ nhà báo Phạm Mạnh Hiên. Bức *Chị lừa bò vào Hy Lạp mù sương*, bà mua vào năm 1995. Bức *Không đề*, bà mua ngày 11-4-1996. Cả 2 bức tranh thuộc bộ sưu tập riêng của vợ chồng bà, hoàn toàn không bán.

Tôi liền liên lạc với Phạm Mạnh Hiên, nghe anh kể:

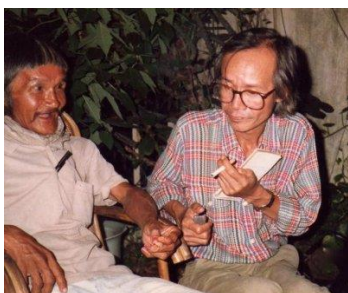
- Hồi 1973, tại Sài Gòn, sau khi thực hiện tạp chí *Vấn số* chuyên đề Bùi Giáng, mình mới gặp và đi lại thường xuyên cùng *trung niên thi sĩ*. Hôm nọ, Bùi Giáng đưa mình xuống Thủ Đức thăm nhà bào đệ Bùi Văn Ký. Ông lấy tặng mình cả bộ tranh gồm 7 - 8 bức. Sau, thấy bạn bè thích, mình có cho mấy bức. Như cho Đặng Tấn Tới và Nguyễn An Đình ngoài Bình Định. Bức tranh mà Đình giữ thì nay đã hỏng, vì nhà bị bão. Bức Tới giữ vẫn còn nguyên. Một bức, mình cho họa sĩ Đình Cường hiện định cư bên Hoa Kỳ. Một số bức khác, thú thật là do hoàn cảnh khó khăn, mình đem bán, chỉ giữ 2 bức là *Chị lừa bò vào Hy Lạp mù sương* và *Không đề*. Cuối cùng, mình cũng chẳng giữ nổi 2 bức đó, vì... túng. Mình đành nhượng cho gallery Tự Do với giá mỗi bức 200 USD.

Theo tìm hiểu của riêng tôi, vẫn còn một tranh màu khác do Bùi Giáng vẽ đang nằm trong bộ sưu tập của Cao Hải - một doanh nhân kiêm nhà chơi tranh hiện trú tại Sài Gòn.

Năm 1973, trong cuốn *Tác giả tác phẩm* xuất bản tại Sài Gòn, Trần Tuấn Kiệt nhắc đôi câu khi đề cập Bùi thi sĩ: "Bùi Giáng cũng có vẽ rất nhiều tranh, nhưng sau này ông dẹp đi đâu mất cả, không nói đến nữa. Những bức tranh đó, họa sĩ Nghiêu Đề bảo là rất đẹp."

Một họa sĩ chuyên nghiệp và uy tín như Nghiêu Đề ⁽⁷⁾ khen ngợi tranh của Bùi Giáng như thế, song Bùi thi sĩ vẫn cứ là... thi sĩ họ Bùi.

Họa sĩ Đình Cường tỏ rõ lòng "kết" tranh do Bùi Giáng lẫn Trịnh Công Sơn vẽ. Trong bộ sưu tập của họa sĩ chuyên nghiệp họ Đình, hiện có tranh của hai nhân vật này.



Bùi Giáng đẹp giai

Tranh Trịnh Công Sơn vẽ màu nước và phấn tiên:

Phụ đính II

Đừng tưởng

Đừng tưởng cứ núi là cao
Cứ sông là chảy cứ ao là tù
Đừng tưởng cứ dưới là ngu
Cứ cao là sáng cứ tu là hiền.
Đừng tưởng cứ đẹp là tiên
Cứ nhiều là được cứ tiền là xong
Đừng tưởng không nói là câm
Không nghe là điếc không trông là mù
Đừng tưởng cứ trọc là sư..
Cứ vâng là chịu cứ ừ là ngoan
Đừng tưởng có cửa đã sang..
Cứ im lặng tưởng là vàng nguyên cây
Đừng tưởng cứ uống là say..
Cứ chân là bước cứ tay là sờ
Đừng tưởng cứ đợi là chờ...
Cứ âm là nhạc cứ thơ là vần
Đừng tưởng cứ mới là tân..
Cứ hứa là chắc cứ ân là tình
Đừng tưởng cứ thấp là khinh..
Cứ chùa là tĩnh cứ đình là to
Đừng tưởng cứ quyết là nên..
Cứ mạnh là thắng cứ mềm là thua
Đừng tưởng cứ lớn là khôn...
Cứ bé là dại, cứ hôn... là chồng
Đừng tưởng giàu hết cô đơn..
Cao sang hết ốm, tham gian hết nghèo
Đừng tưởng cứ gió là mưa..
Bao nhiêu khô khát trong trưa nắng hè
Đừng tưởng cứ hạ là ve..
Sân trường vắng quá ai khe khẽ buồn...
Đừng tưởng thu lá sẽ tuôn..
Bao nhiêu khao khát con đường tình yêu.
Đừng tưởng cứ thích là yêu..
Nhiều khi nhầm tưởng bao điều chẳng hay
Đừng tưởng vua là anh minh..
Nhiều thằng khốn nạn, dân tình làm than.
Đừng tưởng đời mãi êm đềm..
Nhiều khi dậy sóng, khó kềm bản thân.
Đừng tưởng cười nói ân cần...
Nhiều khi hiểm độc, dẫn người tan xương.
Đừng tưởng trong lưới có đường..
Nói lời ngon ngọt mùi hương chết người
Đừng tưởng cứ chọc là cười..
Nhiều khi nói móc biết cười làm sao
Đừng tưởng khó nhọc gian lao..

Vượt qua thử thách tự hào lắm thay
Đừng tưởng cứ giỏi là hay..
Nhiều khi thất bại đắng cay muôn phần
Đừng tưởng nắng gió êm đềm...
Là đời tươi sáng hóa ra đường cùng
Đừng tưởng góp sức là chung..
Chỉ là lợi dụng lòng tin của người
Đừng tưởng cứ tiến là lên..
Cứ lui là xuống, cứ yên là nằm
Đừng tưởng rằm sẽ có trăng..
Trời giăng mây xám mà lên đỉnh đầu
Đừng tưởng cứ khóc là sầu..
Nhiều khi nhỏ lệ mà vui trong lòng
Đừng tưởng cứ nghèo là hèn...
Cứ sang là trọng, cứ tiền là xong.
Đừng tưởng quan chức là rỗng
Đừng tưởng dân chúng là không biết gì
Đời người lúc thịnh, lúc suy
Lúc khỏe, lúc yếu, lúc đi, lúc dừng.
Bên nhau chua ngọt đã từng
Gừng cay, muối mặn, xin đừng quên nhau.
Ở đời nhân nghĩa làm đầu
Thủy chung sau trước, tình sâu, nghĩa bền.
Ai ơi nhớ lấy đừng quên...!